



TÁC PHẨM CHỌN LỌC DÀNH CHO THIẾU NHI



SƠN TÙNG

Búp
sen
Xanh

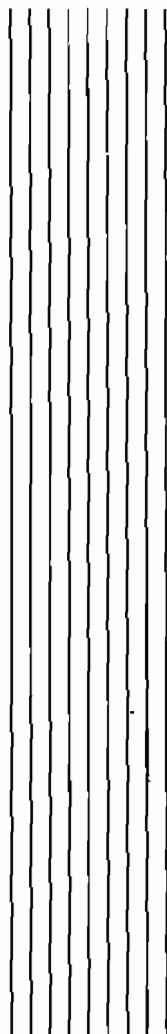




Thủ tướng Phạm
Văn Đồng gặp gỡ
thân mật tác giả
Sơn Tùng khi tác
phẩm Búp sen
xanh được tái
bản(28/4/1984)



TÁC PHẨM CHỌN LỌC
DÀNH CHO THIẾU NHI



BÚP SEN XANH

SƠN TÙNG

In lần thứ 14

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

LỜI TỰA CHO LẦN XUẤT BẢN THỨ HAI CỦA CUỐN TIỂU THUYẾT “BÚP SEN XANH”

Chúng ta có một khẩu hiệu rất đúng, rất hay: “Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta”. Đúng như vậy, Hồ Chủ tịch sống mãi trong những tư tưởng và tình cảm lớn, trong toàn bộ hoạt động cách mạng của nhân dân Việt Nam ta, của mọi người chúng ta. Đồng thời Hồ Chủ tịch cũng sống mãi trong những tác phẩm văn học và nghệ thuật có giá trị diễn tả một cuộc đời đã trở thành lịch sử, những trang sử đẹp nhất và vẻ vang nhất của dân tộc Việt Nam ta.

Đến đây, tôi muốn nói đôi điều về cuốn tiểu thuyết “Búp sen xanh” của nhà văn Sơn Tùng, mà nhiều độc giả, nhất là trong giới thanh, thiếu niên ưa thích; và báo chí nước ta đã đăng những bài bình luận và đánh giá mà theo tôi biết, tác phẩm rất chú trọng. Cuốn sách “Búp sen xanh” nêu lên một vấn đề: ở đây tiểu thuyết và lịch sử có thể gặp nhau không? Vấn đề này các đồng chí hoạt động trong lĩnh vực văn học và nghệ thuật và nói chung tất cả chúng ta cần suy nghĩ để có thái độ. Song ở đây cũng vậy, lời nói có trọng lượng rất lớn thuộc về người đọc, nghĩa là nhân dân.



PHẠM VĂN ĐỒNG

Tháng 1-1983



I - THỜI THƠ ẤU

1

Cơn giông mùa hạ dấy lên ở phía nam. Mây đen từng khối ùn ùn như nấm từ dưới chân trời dồn lên. Thoáng chốc, các ngọn núi của dãy Dăng Mản⁽¹⁾, Thiên Nhân... đã ngập chìm vào mây đen đục. Màng nắng hẹp dần. Cảnh sắc hai bờ sông Lam đã ngả màu sẫm. Những bóng mây trôi qua các cánh đồng chiêm đang mùa thu hoạch, loang lổ, mảng sáng, mảng tối, ô xanh, ô vàng, nhìn về xa xa như một tấm da báo trải rộng hút tầm mắt.

Từ trong khối mây đen dày đặc, thỉnh thoảng quắc lên một roi chớp xanh lè, ngoằn ngoèo rạch sáng vào da trời chì. Tiếp sau roi chớp là tiếng trời gầm...

Bên gốc cây đa đầu làng Chùa⁽²⁾ có mấy con bò đứng ngù, mồm nhai uể oải, những cục bọt trắng xộp đọng hai bên mép. Những

(1) Trận dãy Trường Sơn, đoạn qua địa phận Nghệ Tĩnh

(2) Tên chữ là làng Hoàng Trù

con ruồi bò bay nhón nhác tránh né mỗi lần con bò quất mạnh cái đuôi vào hai bên hông. Một tốp người đi làm đồng về ngồi nghỉ chân bên gốc đa đang gạ ông Xẩm hát cho nghe một bài mới. Ông Xẩm ngược đôi mắt mù lòa về phía có tiếng sấm xa xa, hai cánh mũi phập phồng đón nhận mùi hoa sen từ đầm làng đưa tới. Ông nhúu đôi lông mày đen, hỏi những người đang ngồi bên cạnh:

- Trời sấm bụng hay... hay là tiếng sấm của cụ Đình⁽¹⁾ ở trên rừng lại kéo về nữa đó, bà con?

Qua nhiều giọng cười giòn, ông Xẩm gật gật đầu nghe, về đặc ý với câu nói đáp lại lời ông hỏi:

- Tiếng sấm của con giông chiều đó ông ạ. Trời dạo này loạn giông chứ có giọt mưa nào đâu! Còn cái công việc “bình Tây” của các quan Nghè, quan Cử thì... vận nước Nam mình hồng mất rồi! Vua Hàm Nghi đã bại trận, Tây dương⁽²⁾ đầy vua đi biệt xứ. Ôi! Có còn chi nữa mà mong với đợi, hờ ông?

Một cụ già, tay vót hom gió, từ nãy vẫn ngồi im lặng nghe mọi người trò chuyện. Bỗng cụ cầm lưỡi mác xuống đất, tựa hai bàn tay lên cán, mắt chớp chớp, nói:

- Răng lại nhủ là “có còn chi nữa mà mong với đợi”? Nước có lúc suy lúc thịnh, nhưng có khi mô hết được những bậc hiền tài lo việc giữ nước, việc cứu nước. Cây cổ thụ nì bị gãy thì rồi sẽ có cây

(1) Ở đây chỉ nghĩa quân của Phan Đình Phùng, cu đố Đình nguyên, thường người ta gọi là cụ Đình.

(2) Chỉ thực dân Pháp

khác mọc lên. Rừng không bao giờ hết cây, dân không khi mô hết người tài cao chí lớn mô.

Mọi người nhìn cụ già vẻ hợp ý. Ông Xầm đưa ống tay áo lên lau hai hố mắt. Ông vẫn mấp máy cánh mũi về phía ngọn gió:

- Dịp ni sen nở nhiều. Ngồi ở chỗ mô cũng được ngửi hương sen.

- Ông ơi, - một cô bé gái gọi - cháu biếu ông



mấy cái gương sen luộc, ông ăn cho mát ruột ạ.

Ông Xẩm cầm trong tay những cái gương sen đã luộc chín nhũn như tẩm mền ong, giọng cảm động, hỏi:

- Cháu là con nhà ai mà thảo ăn rứa?

Cô bé chỉ mỉm cười. Máy người ngồi cạnh ông già mù nói to:

- Con gái anh nho Sắc đó, ông ạ.

Ông Xẩm nở nụ cười trên cung môi héo hắt, nói:

- Ngõ đưa mô chứ cháu Thanh, con gái đầu lòng của anh chị nho Sắc, cháu ngoại thầy tú Hoàng⁽¹⁾ thì... thì tôi mô có lạ lắm chi! Để rồi tôi hát cho bà con ở đây và cháu Thanh cùng nghe nhớ.

Bé Thanh lại đưa cho ông Xẩm cái bầu nước:

- Ông uống ngụm nước mát rồi hăng hát, ông ạ.

- Cảm ơn lòng thảo của cháu. Ông không khát. Chứ cháu đem nước ra đồng cho ai rứa?

- Dạ... cho mẹ cháu ạ.

- Ồ. Vậy ra mẹ cháu vẫn chưa ở cũ, còn đi làm đồng xa được. Chứ... cháu thích được bông em gái hay bông em trai, nói ông biết để ông hát mừng cháu nào?

- Cháu thích mẹ cháu sinh em trai nữa ạ.

Ông già mù gật đầu, mỉm cười, tay lần mò lên

(1) Chỉ ông Hoàng Xuân Đường

dây đàn. Mọi người ngồi quanh góc đa đã xúm xít bên ông Xẩm. Mấy con bò vẫn lim dim mắt ngủ, bọt mép tụ tan, tan tụ. Tiếng đàn bầu réo rắt bay lên theo lời ca của ông Xẩm:

*Trời ơi có thấu chăng trời!
Nước Nam cơ khổ nhiều đời đắng cay
Vì chúng Tây thổ sang đây,
Nó vào Gia Định, ở rày Đồng Nai.
Dần dà ra Lục tỉnh, Đàng ngoài,
Các quan râu đánh, vua ngài không cho.
Bởi vì vua Tự Đức không biết đường lo,
Nó vào nó chiếm mất cả thành đô kinh kỳ...*

Bé Thanh chưa hiểu thấu ý nghĩa lời ca, nhưng hai mắt của bé lim dim, bé lắng nghe tiếng đàn ông Xẩm. Những người ngồi cạnh bé Thanh, mặt luôn luôn biến đổi theo từng lời ca của ông Xẩm.

*Trời ơi có thấu lúc này,
Khắp nơi khổ cực rạc ròi tám thân.
Một nước làm năm bảy nước ăn,
Để cho quan Tây bắt phu, bắt thuế
trong dân nặng nề.*

*Các quan ta tức giận nhiều bề,
Lập binh tiến đánh Tây thì cho tan.
Để mà khôi phục nước Nam...*

Đang lúc mọi người đắm vào tiếng đàn náo ruột, lời ca xé lòng của ông Xẩm thì một bà tựa tay trên lưng bò, chỉ tay về phía đám sen, gọi:

- Cháu Thanh ơi! Mẹ cháu... có chuyện chi... người ta đang dìu mẹ cháu về nhà kia kìa!

Bé Thanh, tuổi lên bảy, dáng mảnh khảnh, rời khỏi gốc đa, tay cầm cái bầu nước, chạy hối hả về phía những người đang dìu mẹ mình. Chạy đến với mẹ nhưng trong đầu bé Thanh vẫn còn vọng theo những lời ca của ông Xẩm: "... *Lập binh tiến đánh Tây thì cho tan... Để mà khôi phục nước Nam... Kéo dân tình cơ khổ gian nan nhiều bề...*

Dưới bóng tre đầu làng, bà đồ (vợ ông đồ Hoàng Xuân Đường, bà ngoại của bé Thanh) cùng mấy người đứng tuổi cũng đang chạy ra phía đầm sen. Gió đông lùa những dải lưng, dải yếm của họ bay phấp phới về phía sau...

Về tới đầu sân, con đau chuyển sinh lại thốn thoáy, mệt quá chị nhỏ Sắc phải ngồi thụp xuống bên gốc cây thị. Chim chiều về tổ đang riu rít trên ngọn cây. Bà đồ chốc chốc lại mắng yêu con gái:

- Tham công tiếc việc cho lắm... Đã biểu ở nhà, gần kỳ sinh nở rồi... đừng có đi mần đồng xa nữa...

Bà giục cô An, em gái của chị nhỏ Sắc:

- An, con vô quạt than lên... Mau...

Bà lại giục bé Thanh:

- ... Cháu đi sang bên nhà với ông. Giữ cả em Khiêm ở bên đó. Tối nì tụi bay ăn cơm, ngủ ở bên nhà bà cả nhớ.

Bé Thanh bước qua dây chề mạn hào ngăn đôi sân nhà mình với sân của ông bà ngoại. Thanh vừa nghe tiếng mẹ rên, vừa nghe rõ tiếng ông



ngoại ho khúc khắc và tiếng của bố thay ông ngoại đang giảng bài cho học trò:

“... Các trò hãy lắng nghe giảng rồi sẽ chép bài sau... Khổng Tử viết: Tự thiên tử dĩ chí ư thứ dân, nhất thị giai dĩ tự thân vi bản. Nghĩa là: Từ ông vua cho đến kẻ thường dân, ai nấy đều phải lấy việc sửa mình làm gốc...”

Từ bên hè nhà chị nho Sắc, tiếng cô An nói khỏả lấp cả tiếng khóc chào đời của đứa trẻ khiến anh nho Sắc ngừng giảng bài trong giây lát.

- Ô ồ... chị nho lại sinh con trai... sinh con trai nữa rồi. Mặt mày sáng láng, khôi ngô lắm.

Bà đồ quất: “Cái con bé, cố im cái miệng quờ độc cháu đi không!” Bà giục rồi rít: “Đưa cái thanh nữa... mau lên... cắt rốn cho cháu. Rồi. Xong rồi... Đưa cái quần cũ của cha mi đây... Trên dây phơi ấy. Tau giặt kỹ rồi. Ủ cháu vô quần ông cho có khước... Có hơi ấm ông, nó sẽ được sáng dạ, học giỏi hơn ông, hơn cha cho mà coi...”. Bà còn dặn chị nho Sắc: “Con nhớ là hằng ngày phải chăm lau sạch đĩa đèn rồi hãy đổ dầu thắp. Các cụ thường dạy: *Sinh con dạ sáng lâu lâu, nhớ mẹ ngày trước chăm lau đĩa đèn* .

Tiếng rên của chị nho im bật. Tiếng khóc oa oa của đứa bé vẫn chưa dứt hẳn. Và cái ngôn ngữ đầu tiên ấy của đứa bé đã hòa âm trong tiếng gà gọi con lên ổ, tiếng bò gọi bê vào chuồng, tiếng chim câu riu rít trên mái nhà, tiếng lá reo, tiếng đồng xa vọng về...

Hương sen từ ngoài đầm bay theo gió pha lẫn mùi bồ kết cháy từ nồi than trong buồng chị nhỏ Sắc tỏa ra ngào ngạt.

*

* *

Làng Chùa nhòa trong khói sương lam. Đám học trò của cha con ông đồ đã lũ lượt ra về từ lâu. Chúng đi theo lối cổng lớn, không đi tắt qua sân của chị nhỏ Sắc như mọi ngày. Đầu ngõ nhà chị nhỏ đã treo một cành xương rồng gai⁽¹⁾.

Cái cánh cổng chống làm bằng khung tre kết cành rào, hình chữ nhật, đã được sập xuống, cài chặt. Khu vườn nhà ông đồ cũng như mọi nhà khác ở làng Chùa đều đã trở nên một cõi riêng biệt, kín bưng. Giữa cảnh vắng lạnh này nổi lên tiếng ếch nhái kêu gào trời làm mưa cứ ra rả không mệt mỏi. Vô số đóm sáng lập lòe xanh ảo của bầy đom đóm bay chập chờn chập chờn trong tối mênh mông.

Ông đồ ngồi xếp bằng trên phản gụ, tựa khuỷu tay xuống mặt cái gối cốt bông bọc vải điều gấp cao ba thớt. Anh nhỏ Sắc ngồi đối diện với ông nhạc, vẻ thoải mái. Bé Khiêm ngủ say, nằm sát bên đùi ông, chân duỗi dài sang gần chỗ bố ngồi. Ngọn đèn đầu lạc đậu trên mép đĩa tòa sáng khắp

(1) *Tục lệ ngày xưa, nhà có người mới sinh thường treo ở đầu ngõ một cành gai to để người lạ không tự tiện bước vào nhà, sợ đứa bé bị mắc via dử*

gian nhà. Những con thiêu thân sa vào đĩa dầu vầy đôi cánh mỏng yếu ớt, chơi với... Bên cạnh cây đèn, cái đỉnh trầm nhỏ thả ra những sợi khói thơm mảnh như chì. Hương sen ngoài đầm đưa vào nhẹ nhẹ.

Anh nho Sắc cầm cái nậm chuyên rượu vào chén cho bố vợ. Ông đồ uống một hơi cạn chén rượu:

- Mừng cho nhà ta, mừng cho cả họ Nguyễn làng Sen...

Ông đồ đứng lên, dáng cung kính, thấp năm nén hương, vái năm vái trước bàn thờ gia tiên. Ông đứng nghiêm trang trước làn hương khói. Anh nho Sắc cũng đứng chấp tay thành kính ở phía sau ông. Từ phía đầm sen, tiếng chim cuốc khác khoải: Quốc... Quốc!

Hai cha con ông đồ trở lại chỗ ngồi. Ông đồ dần từng tiếng: “Dạ... thính... từ... quy... thốn... tâm... can...” (đêm nghe chim từ quy nhói tim gan). Anh nho Sắc nhận thấy ở người bố vợ, người thầy học của mình từ ngày lâm bệnh, tâm trạng có nhiều trần trở, nhiều cảm hoài. Anh muốn đưa con trai thứ của mình được ông đặt tên cho. Anh nói:

- Thừa cha, cha đặt tên cho cháu đêm nay luôn a.

- Tôi đang nghĩ.

Ông đồ gõ gõ ngón tay trên mặt gối, nói tiếp:

- Sinh con quý tử khó nuôi... Trồng cây ngon

trái lấm người lấm le... Con người ta có thể xét đoán được hiệu quả trước của công việc mình sắp làm. Ví như khi ta cầm nắm hạt giống trong tay thì ta đã dám tin chắc sẽ có những mầm cây mọc lên bậm bạp, và nhìn các mầm non xanh tốt đoán biết được cây quả của nó sau này. Cho nên, tôi muốn đặt cho cháu tên là Côn⁽¹⁾, tự là Tất Thành.

Anh nho Sắc chớp chớp mắt, môi hé nở nụ cười:

- Côn... ấy là tích loài cá hóa chim bằng, phải không thừa cha?

- Chính vậy đó. Theo mong ước của tôi thì... thằng bé sẽ có chí vùng vẫy bốn bể, dù gặp truân chuyên chìm nổi, nhưng ắt thành công. Cho nên tự Tất Thành.

Anh nho Sắc nâng cây bút lông thò đúng vào nghiên son. Hương trầm, hương sen như tỏa khắp gian nhà và tụ hội vào ngọn bút Nguyễn Sinh Sắc đang nắm nốt dòng chữ NGUYỄN SINH CÔN, tự TẤT THÀNH.

*

* *

Gió Lào thổi từng cơn dài. Bầu trời, mặt đất bốc mùi nóng khét như sắp sửa bùng cháy. Những cánh đồng khô nẻ hoang hoác, thưa thớt bóng người. Không một con cò, con vạc đi kiếm ăn trên đồng. Cây cối đối nước đứng rũ rượi. Giữa trời

(1) Theo cu Nguyễn Sinh Khiêm kể và ghi trong Tật Đạt tư ngôn, trang 81



năng lửa, những con diều hâu sải cánh liệng tìm mồi dưới đất. Qua khoang, qua đen bay thành bầy về phía ngàn xanh, nơi đang có tiếng súng của nghĩa quân Phan Đình Phùng.

Trên các ngã đường quan, đường liên hương, từng tốp người đi kiếm ăn, đầu đội nón mê, trên mình chỉ có chiếc khố dây. Thỉnh thoảng có vài ba bà nhà giàu đi chợ, nón thúng quai thao, váy lụa quét gót, chùm xà tích bạc⁽¹⁾ buông dài song song với các dải yếm, dải thắt lưng màu hoa lý, hoa hiên.

Anh nho Sắc tay cầm ô che nắng, tay xách một khăn gói vải tây điều đựng đầy những thang thuốc bắc. Ngọn gió Lào từ phía cửa thành ulla đến thổi tung tà áo dài vải thâm đất trên người anh; gió mạnh, cái ô trên tay anh lão đảo. Anh sải từng bước dài qua cửa Tá đi về phía cửa Tiền. Anh thấy ở phía trước một lá cờ ba sắc phật phờ trên cao. Dưới chân cột cờ, những người che ô, đội nón, lác đác có cả những mũ trắng, lỗ nhố rất đông. Anh định mang thuốc về sớm, nhưng trước việc lạ này, anh rào bước lại nơi đó. Trên quãng đường gần tới đám hội, cờ đuôi nheo treo hai bên và cờ lá chuối cắm vòng quanh khán đài rực rỡ.

Anh nho Sắc dừng lại ở ngoài cổng chào tết bằng lá dừa, trang trí hoa cờ, đèn lồng. Trên cổng cao gắn bốn chữ nho cỡ to, xếp lối chữ triện: “Đại

(1) Một loại dây bằng bạc, con gái nhà giàu dùng để đeo chia khóa hôn. Ống đựng thuốc Lào ăn trầu, nhưng thường có ý nghĩa trang điểm là chính

Pháp vạn tuê". Từ bên trong cổng chào, tiếng kèn thổi oang oang chói tai, khác hẳn tiếng đàn đáy, đàn bầu mà anh đã quen thuộc. Một người mặc đồ sang trọng, treo trước ngực một mảnh giấy điều hình đuôi én, chữ vàng: "Quốc khánh Đại Pháp". Ông ta tiến đến, chìa tay:

- Xin mời huynh vô dự ngày lễ đại khánh của Pháp quốc.

Anh nho Sắc chẳng ưa gì cái trò này của bọn thực dân Pháp và lữ quan lại làm tay sai cho chúng, nhưng anh cần nhìn tận mắt cái việc chúng đang bày ra giữa quê hương mình. Anh vừa bước vào trong cái cổng chào, một con mụ người Pháp mũm điếu hâu, mắt mèo, tóc lông bò rừng, váy hoa dài lệt bệt phồng to như cái nơm, áo hở ngực, lộ lộ dây chuyền vàng quán cổ, hai cổ tay hai vòng ngọc biêng biếc xanh, chân đi giày gót cao nghều, bước vội đưa cho anh một gói vuông bọc giấy bóng đỏ, bên trong có chữ "Đại Pháp vạn tuê". Mụ đầm nói, anh nghe như tiếng chim, tiếng vượn. Anh chẳng hiểu gì nhưng bất giác anh cứ cầm lấy gói quà từ tay mụ đầm. Một người thông ngôn đứng tuổi nói với anh:

- Bà lớn phát quà nhân ngày quốc khánh của nước Đại Pháp. Mời anh vô dự lễ và nghe hiểu thị.

Một tay xách khăn gói đầy thuốc bắc, một tay cầm gói quà của mụ đầm đưa và cái ô ngoác vào khuỷu cánh tay, anh nho Sắc bước từng bước nặng trĩu. Giữa tháng bảy, nhưng là tháng năm âm lịch,



nắng xé chiều gay gắt. Cả đám người đứng chen chúc dưới bóng rập mái bằng. Những người đứng vòng ngoài đều phải giương ô, đội nón. Anh nhỏ Sắc lách vào mé rập, ngó lên phía khán đài. Một đám quan lại áo thụng, khăn chít ngồi khệp nép ở mấy dãy ghế đầu. Một tên Tây cao lớn mặc đồ nhà binh, hai câu vai gắn sắc hàm sĩ quan có ngà lua tua phủ xuống. Cả khuôn mặt hần như nhuộm phẩm điều do nắng hè của cái xứ nhiệt đới này phả cháy. Anh nhỏ Sắc vừa nhìn hần chằm chằm, vừa lắng nghe tên thông ngôn nói giọng Nam Kỳ: “Cái xứ An Nam này đã chịu ân sâu nghĩa nặng của nước Đại Pháp từ thời chúa Nguyễn ở Đàng trong bị giặc áo vải Tây Sơn đánh bật ra tận đảo Côn Lôn ... Nước An Nam này mà không có sự giúp đỡ của Đại Pháp thời cái họa nội chiến giữa Đàng trong với Đàng ngoài không thể chấm dứt được. Và nếu không sớm có mặt người Pháp thời cái xứ sở hẻo lánh, tối tăm này đã bị người Bồ Đào Nha hoặc người Hà Lan hay người Anh chiếm đóng rồi. Hỡi các ngài tai mắt xứ An Nam! Hãy nhận ra sự có mặt của người Pháp ở đây là một duyên may hiếm có...”.

Càng nghe nhiều những lời khoe khoang sức mạnh, hăm dọa, mặt sất, dụ dỗ... của tên Pháp thực dân, anh nhỏ Sắc càng thấy nhói đau, mặt cứ tối sầm lại. Anh lẳng lặng ra về. Anh lẻ từng bước nặng nề ra khỏi thành Vinh. Ngay trên lối về huyện lỵ Nam Đàn, một đám người đi ăn xin còn ngồi trốn nắng dưới bóng cây. Anh mở cái gói quà

của ngày Quốc khánh Pháp mà mụ đem đưa cho anh - toàn là bánh, kẹo được bọc giấy bóng, giấy bạc - đem phát tất cả cho đám người đang đói lả ở bên lề đường. Anh tự nhủ: Tây dương đã an tọa thế ấy thì quân quan Phan Đình Phùng, quan Tôn Thất Thuyết dù cố sức mấy cũng khó lòng chuyển được vận nước đang suy!

Trên đường từ thành Vinh về làng Chùa, anh nho Sắc đeo đuổi bao nhiêu ý nghĩ ngổn ngang. Anh lo sức khỏe của bố vợ đang ngày một sa sút. Vợ anh sinh lần này bị mất sữa và bị bệnh hậu sản. Anh đã cất hàng chục thang thuốc cho vợ uống, bệnh có thuyên giảm, nhưng vẫn không có sữa cho con bú. Bé Côn vừa phải đi bú nhờ vừa phải ăn cơm bà ngoại mớm cho. Điều trăn trở lớn nhất trong lòng anh nho Sắc: Biết mất nước mà không lo việc cứu nước là phạm điều bất trung. Nhưng khốn nỗi, gánh gia đình của anh quá nặng. Mới hăm bảy tuổi mà đã ba con. Còn là cậu học trò, chưa có khoa cử gì. Đã nhiều đêm, anh và bố vợ ngồi đàm luận việc nước việc nhà cạn mấy đĩa dầu. Anh thường suy nghĩ về những lời bố vợ nói: Vợ chồng anh sinh ra giữa thời buổi bọn bạch quỷ đến hà hiếp nhà vua, nhưng nước Nam ta chưa mất hẳn cho Tây-lang-sa⁽¹⁾. Đến thời các con của anh ra đời thì: Bé Thanh sinh năm Giáp Thân. Năm đó nhà vua đã ký hòa ước giao cả nước ta cho người Tây-lang-sa cai trị (tức năm 1884 ký

(1) Chỉ thực dân Pháp



hòa ước Pa-tơ-nốt công nhận quyền đô hộ của Pháp ở Việt Nam). Sang năm Ất Dậu, Tây-lang-sa đã cử quan “đầu triều”⁽¹⁾ sang ngự trị bên cạnh nhà vua nước Nam. Rồi quan thân thân Tôn Thất Thuyết đã phải rước vua Hàm Nghi lánh ra đồn trú ở vùng rừng núi Quảng Trị, Quảng Bình và xuống chiếu Cần Vương. Đến lượt bé Nguyễn Sinh Khiêm ra đời, năm Mậu Tý (1888), vua Hàm Nghi bị sa vào tay giặc! Ôi! Vua đã bị Tây-lang-sa đày đi biệt xứ tận nước người⁽²⁾. Tây-lang-sa lại đưa Đồng Khánh lên ngôi. Người ta truyền rằng, trước lúc bọn Tây-lang-sa đày vua Hàm Nghi đi, chúng còn dụ dỗ, mua chuộc đủ phương kế, nhưng nhà vua không chịu khuất phục, nhận việc đi đày chứ không cam chịu nhục để trở lại ngai vàng! Chúng nó thay vua thì cũng đổi “quan Tây đầu triều” khác sang nước mình cai trị. Cái tên của nó ngoằn ngoèo khó nhớ, khó gọi... Ilinh như là Bè hay Buôn Bè⁽³⁾, rồi gì gì ấy nữa kia. Năm nay, bé Côn ra đời, lại một tên “quan Tây đầu triều” khác đến cai quản xứ mình. Thế cuộc xoay vần như vậy đó! Các con anh sinh ra giữa lúc nước ta đã mất hẳn cho bọn bạch quỷ rồi! Đất nước ta đang đắm chìm vào đêm tối. Những anh hùng nghĩa khí dám xả thân cứu sơn hà xã tắc thì đều bị thất bại! Ôi! Dân Nam ta khác nào đàn gà

(1) Khâm sứ Ray-no (Rheinart).

(2) Nước An-giê-ri, một thuộc địa của Pháp lúc đó

(3) Pôn Bê (Paul Bert)

con đã bị điều hâu cướp mất mẹ!...

Anh nhớ Sắc mãi miết nghĩ suy về những điều tâm sự của người bố vợ, người thầy, mà cũng chính là tâm trạng anh trước bối cảnh “quốc loạn, gia bần”. Vì mãi nghĩ quên cả đường dài, lúc về gần đến cây đa đầu làng anh mới nhận ra mình đã đi sắp đến nhà. Nỗi lo về bệnh tình của bố vợ, về cảnh vợ bị ốm, mất sữa lại dấy động trong lòng anh. Và trước mắt anh chợt chờn hình ảnh khoa thi Hương⁽¹⁾ sắp đến.

Anh rẽ sang con đường mòn đi tắt về phía đầm sen để bà con ngồi gốc đa hóng mát nghe ông Xẩm đàn hát được tự nhiên.

Bên đầm sen, trước lối vào nhà, anh dừng bước đón nhận làn hương mát. Giữa đất trời khô cháy bao la, đầm sen như mặt gương xanh làm dịu bầu nóng hạ. Những bông sen trắng, sen hồng đua sắc khoe màu với đàn ong đi kén mật. Anh chợt nghe trong sân nhà có tiếng bé Nguyễn Sinh Khiêm đang nựng em, nói chệch âm vì chưa thật rõ tiếng: “Anh cho eng (em) Còong (Còn) cái búp sen xanh nì... Búp sen xanh, đẹp... đẹp lắm em ạ...”

Anh nhớ Sắc đi thẳng vào nhà lớn, nơi ông nhạc nằm dưỡng bệnh. Chị nhớ Sắc đã gượng dậy được, đang bế bé Còn ngồi dưới gốc thị, mớm cơm cho con.



2

Lại một mùa sen nở. Nhưng không phải mùa sen báo tin vui một con người ra đời như ba năm về trước mà mùa sen tang tóc đến với vợ chồng anh Nguyễn Sinh Sắc: ông tú Hoàng Xuân Đường tạ thế.

Tin bố vợ qua đời đến với anh nho Sắc giữa lúc gà gáy đầu. Anh chẳng kịp sửa soạn gì, chỉ đến chấp tay xá thầy học giữa đêm khuya để về hộ tang bố vợ. Người thầy học của anh, một ông đồ nổi tiếng dạy học trò thành đạt, xúc động đưa cho anh mười nén hương trầm:

- Thầy Hoàng Xuân Đường là bạn đồng môn của tôi, tuy ông không có khoa bảng cao, nhưng tôi coi ông là bậc đàn anh. Anh mang về mười nén hương trầm này thắp trước linh cữu ông và anh vái giùm tôi năm vái vì tôi chưa thể đi viếng ông lúc ni được.

Ông Nguyễn Thúc Tự chấp tay cung kính vái trước mặt anh nho Sắc năm vái để anh nho Sắc chuyển những cái vái ấy về linh cữu ông Hoàng Xuân Đường.

Trời tối như mực. Anh nho Sắc cùng mấy người bạn học cũ từ làng Đông Chũ đi trong tiếng gà gáy sáng, chó sủa dây làng. Anh nhắc lại với các bạn lời thầy dặn lúc anh đi học thêm với ông đồ Nghi Lộc: “Cái mệnh của con người ta là: sinh, lão, bệnh, tử. Cha ốm đau kỳ này, nếu chưa

phải là tận số thì rồi cũng qua khỏi. Nhược bằng... Chữa được bệnh không ai chữa được mệnh. Cho nên con cứ thư tâm mà đi học thêm. Kỳ thi Tân Mão (1891) con đã không thành đạt thì kỳ thi Giáp Ngọ (1894) tới con phải...". Anh ân hận: "Tuy đã được thầy căn dặn vậy, lòng tôi vẫn áy náy về bệnh tình của thầy. Tôi đã dặn nhà tôi là hễ thấy bệnh cha khang khác thì cho người xuống ngay gọi tôi về. Ngờ đâu cái số tôi được thầy đón về làm con, làm học trò, mà lúc thầy trút hơi thở cuối cùng từ biệt cõi đời thì tôi lại không được cái phúc phận ở bên thầy!"

Anh nho Sắc và các bạn anh đi một mạch từ Nghi Lộc về tới làng Chùa vừa lúc mặt trời mọc. Anh Quý⁽¹⁾ và anh San⁽²⁾ đang đứng đợi anh nho Sắc bên bờ ao sen. Cử Quý, nho San, nho Sắc nhìn nhau nuốt nước mắt, không nói lời nào mà chia nhận với nhau nỗi đau qua ánh mắt.

Anh nho Sắc từ ngoài sân chạy vào, hai tay dang rộng, phủ phục xuống nền nhà, bên cạnh giường người thầy học, người bố vợ. Toàn thân anh rung lên từng chập dãi. Bé Côn, tay không rời chéo áo của mẹ, ngơ ngác nhìn mọi việc đang xảy ra, vẻ khó hiểu.

Qua một cơn khóc nức dài, anh nho Sắc đốt mười nén hương trầm, kể lại những điều mà thầy học Nguyễn Thúc Tự nhờ. Anh vái đúng số vái

(1) Vương Thúc Quý

(2) Phan Bội Châu



thầy Tự đã gửi về. Anh thừa với mẹ vợ và bà con chú bác trong họ Hoàng:

- Thừa mẹ, thừa các bác, các chú, các bà và anh chị em trong họ hàng làng xóm, bạn hữu. Theo tục lệ từ xưa của nhân dân ta thì con rể để tang bố vợ có ba tháng. Nhưng phần tôi thì xin cho tôi được để đại tang ba năm, làm việc hiếu trong tang lễ như một người con trai trưởng. Vì thầy Hoàng Xuân Đường là người nuôi nấng tôi, dạy tôi học chữ thánh hiền từ tám bé, gả con gái đầu lòng cho tôi và gây dựng cơ nghiệp cho tôi...

Mọi người xúc động hướng mắt nhìn anh nho Sắc đầy trùi mẩn. Một cụ già trong họ ghen ngào nói:

- Quý hoá quá! Cái bụng anh nho Sắc nhiều chữ nên nghĩ khác hẳn những người khác từ xưa tới nay. Cao đạo nên cao kiến. Ông bác tôi nằm đó hẳn là mát dạ.

Một số bà con nói nhôn nhao khắp nhà, khắp sân:

- Khổ người có con trai hàng đàn mà lúc chết kiến kéo đến khoét mắt, còn các con thì bầu lại đóng cửa tranh chia phần hơn!

Ba chị em bé Thanh, bé Khiêm, bé Côn đứng sát vào thành giường ông, chăm chú nghe mọi người nói những lời tốt đẹp về ông mình, về cha mình. Bỗng bé Nguyễn Sinh Côn nín áo cha, nói:

- Cha ơi! Cây nến cũng khóc ông. Nước mắt nó chảy cha ơi!

Anh nho Sắc xoa xoa đầu con:

- Ừ, cây nển cũng biết thương ông. Ai cũng thương nhớ ông, con ạ.

Anh cử Quý và anh nho San bế bé Côn và bé Khiêm đi ra sân. Bé Thanh đã lên chín thì luôn luôn ở bên cạnh dì An.

Anh nho San hỏi bé Côn:

- Người ta khóc là phải gào lên từng tiếng, cây nển nó đâu biết nói mà cháu lại bảo nó khóc ông?

Bé Côn, hai mắt lúng liếng:

- Cha cháu, chú Quý, cả chú nữa, nước mắt chảy mà nó⁽¹⁾ có tiếng khóc. Cây nển trên bàn thờ cũng chảy nước mắt thương ông cháu chứ không có tiếng khóc, chú ạ.

Anh cử Quý nói với anh nho San:

- Bé Côn sớm biết xét đoán, nhớ tốt.

- Cháu Côn có thích đi học chữ không? - Anh nho San hỏi.

Bé Côn nói luôn:

- Cháu đã học rồi, chú ạ.

- Cha cháu dạy cháu học à?

- Không ạ.

- Cháu đã học được những chữ gì nào?

Côn lật ngửa bàn tay anh nho San ra, chìa ngón tay trở, vừa vạch vừa nói:

- Chữ nhất là một nì, chữ nhị là hai nì, chữ tam là... là ba nì.

Bé Khiêm về khinh thường em:

(1) Chẳng



- Hần chỉ học (học) được mỗi ba cây chữ nớ (cái chữ ấy) thôi.

- Hứ, - bé Côn giọng nũng nịu - anh Khêm (Khiêm) nói nỏ phải... nỏ phải. Êm (em) biết nhiều hơn chứ, đâu chỉ có ba chữ. - Bé Côn lại ngửa bàn tay anh nỏ San ra vạch từng nét chữ tứ, chữ ngũ...



Trong nhà, bài vị, linh sàng cũng đã lập xong. Anh nho San, anh cử Quý bế hai anh em Khiêm, Côn vào làm lễ khâm liệm ông Hoàng Xuân Đường.

Một hồi bảy tiếng cồng giống giả vừa dứt, giọng người chủ tang kéo dài gọi: “Ba... hôn... bảy... vía... cụ... Hoàng... Xuân... Đường... về... nhập... xác...!” Tiếng trống, tiếng cồng, nhạc bát âm và tiếng khóc cùng cất lên inh ỏi. Nắp quan tài đập lại. Cả nhà gục đầu vào phía áo quan. Bà đồ, chị nho Sắc, cô An ôm choàng lấy quan tài gào khóc...

Đúng giờ Thìn⁽¹⁾, chiếc quan tài được từ từ nâng lên trên những cánh tay của đám học trò và những người thân thích, bằng hữu cụ đồ. Anh cử Quý, anh nho San, anh Thuyết khiêng ở đằng đầu quan tài. Anh nho Sắc mặc đồ đại tang phủ phục xuống đất cho quan tài khiêng đi qua.

Ông già Xẩm, vai mang đàn bầu, tay cầm gậy cũng dò từng bước đi theo đám tang ông đồ ra tới giữa đồng.

Xong tuần tang bố vợ, anh nho Sắc gầy rộc như qua một trận ốm. Chị nho Sắc và cô An thì phải bắt tay ngay vào công việc: ngày đi làm đồng, tối dệt vải quá nửa đêm mới đi ngủ. Số tiền tốn kém vào việc ma chay tuy được những học trò, bạn hữu phúng điệu nhiều, nhưng chẳng thấm

(1) Khoảng 9 giờ sáng



tháp, cho nên mẹ con bà đồ phải lấy công dệt vải để trang trải. Phần thì kỳ thi Hương cũng không còn xa nữa, cả nhà bà đồ đều lo lắng, mong đợi nhiều ở anh nho Sắc trong kỳ thi này.

Từ ngày ông đồ mất, vợ chồng anh nho Sắc về ăn chung với bà đồ. Ngôi nhà tranh ba gian của ông bà đồ dựng lên cho vợ chồng nho Sắc ra ở riêng nay tạm cho những chị em làng Chùa mượn làm nơi nhóm phùng kéo sợi. Những đêm trăng, từ mái nhà này những điệu ví dặm được cất lên cùng với tiếng xa quay...

Một hôm, có mấy người bà con bên họ ngoại của bà đồ đến dự lễ đốt vàng mã cho ông đồ nhân tết “xá tội vong nhân” rằm tháng bảy. Khách ở lại nghỉ đêm. Bà đồ ngồi ở giữa giường. Ba chị em bé Thanh, Khiêm, Côn ngồi vây quanh bà nghe bà kể chuyện với khách. Trăng rằm sáng như ban ngày. Những khóm cúc ngoài cửa sổ ngả bóng vào trang sách của anh nho Sắc đang học. Chị nho Sắc thì ngồi dệt trên khung cửi ở gian nhà đầu hồi phía tây. Cô An đi quay sợi với phùng vải bên nhà chị nho Sắc.

Mấy người khách cứ tấm tắc khen:

- Bác có được người con rể như anh nho Sắc thật là quý hóa.

Bà đồ đã từ lâu được ấm lòng về điều ấy. Cho nên bà nhắc lại chuyện cũ với một giọng hối hận:

- Vợ chồng nhà nho đã có ba mặt con. Ấy vậy mà cái bụng của tôi vẫn chưa hết áy náy về cái

tích tôi không muốn gả con Loan cho nho Sắc.

Bà mời khách ăn trà. Bé Thanh và bé Côn tranh nhau được giã trà giúp bà. Bé Khiêm thì ngồi lì xì, nghịch trò xếp những thứ trong cối trà thành ô, thành hình khối... Bà đồ vãn cái giọng đều đều:

- Ngay lúc ông nhà tôi đón nho Sắc về nhà này, quần áo lấm lem bùn đất, tóc đỏ hoe như râu ngô khô, mặt mũi đen nhem, chỉ có hai con mắt sáng tinh anh, cặp lông mày dài mượt lộ rõ một đứa trẻ có tướng mạo. Tôi thương nó như con đẻ từ bữa ấy kia. Hơn mười năm nho Sắc ăn học trong nhà nì, tôi không hề chê nổi một tí chi về đường ăn nết ở cả. Nhưng khi ông nhà tôi đưa ra cái việc gả con Loan cho nho Sắc là tôi không thuận bụng. Tôi đâu có tính chi cái chuyện “môn đăng hộ đối” mà sợ miệng thế gian cười chê rằng con gái nhà có danh có giá mà hư đốn để bố mẹ phải gán luôn cho đứa con nuôi đã ăn ở trong nhà. Được cái, ông nhà tôi đã quyết là làm... ông đã xuống tận quê ngoại thưa chuyện nì với cha mẹ tôi. Ông còn mời cả họ Hoàng lại để ông thưa việc ông gả con gái đầu lòng cho nho Sắc....

Đối với ba chị em Thanh, Khiêm, Côn thì đây là lần đầu tiên được nghe bà ngoại nói kỹ về bố mẹ mình.



3

Không ai còn nhớ được người đầu tiên của dòng họ Nguyễn Sinh đến làng Sen khai cơ lập nghiệp. Người ta chỉ còn nhớ rằng, từ buổi làng Sen còn là trang trại đã có người họ Nguyễn ở sinh sống. Hồi bấy giờ còn gọi là Trại Sen, vì có nhiều đầm sen rộng bát ngát. Sen nhiều đến nỗi có những tên: Đồng Sen, Cồn Sen, Đầm Sen, Giếng Sen...

Do có nhiều sen, cảnh trí trong làng, ngoài đồng lại đẹp nên Trại Sen đổi tên thành làng Mỹ Liên. Về sau các cụ lại đổi là Kim Liên.

Nhất vui là cảnh Kim Liên

Cảnh tiên có cảnh, người tiên có người.

Cái thuở ấy, làng Sen gồm có năm phường: phường Giữa (xóm Đông Lĩnh), phường Phú Đầm (xóm Nam Lĩnh), phường Cơn Trôi (xóm Tây Lĩnh), phường Thượng (xóm Thượng Thọ), phường Ngoài (xóm Trung Ca, vì dân xóm này hát xướng giỏi, có phường hát nhà trò).

Lúc về ở Trại Sen, họ Nguyễn chưa đệm chữ Sinh. Qua gia phả của một nhánh họ thì: “Hoàng sơ tổ khảo là Nguyễn Bá Phụ. Tiếp đến đời Nguyễn Bá Bạc, đời Nguyễn Bá Ban, đời Nguyễn Văn Dân. Bốn vị tổ này không ghi rõ sinh về thời nào. Đến đời ông Nguyễn Vặt, bắt đầu lót đệm chữ “Sinh”, ông là giám sinh, triều Lê Thánh Đức, năm thứ ba. Kế đến, ông tổ đời thứ sáu là

Nguyễn Sinh Trí mới mười bảy tuổi đã đậu hiệu sinh. Đến năm ba mươi tư tuổi, ông đậu tam trường khoa thi Hội”.

Họ Nguyễn Sinh giàu và có khoa cử đời ông tổ thứ năm, thứ sáu. Đến đời thứ mười là Nguyễn Sinh Nhậm vẫn ở lại phường Phú Đám, một phường nhiều đầm sen nhất Trại Sen. Ông Nguyễn Sinh Nhậm vào bậc trung lưu của làng Sen. Ông lập gia đình sớm nhưng hiếm con, khi sinh hạ được một người con trai tên là Nguyễn Sinh Trợ, tên chữ là Thuyết thì bà Nhậm chết. Ông Nhậm ở vậy nuôi con cho đến tuổi thành niên và lập gia đình riêng cho con trai rồi mới lấy vợ kế. Ông cưới bà Hà Thị Hy, một cô gái có tài hoa, nhan sắc bì quá lứa ở làng Sài, cùng một xã Chung Cự, tổng Lâm Thịnh với làng Sen.

Hà Thị Hy là con gái một nghệ nhân nổi tiếng về ngón đàn đáy, đàn bầu. Nhà giàu có, thuộc loại nhiều ruộng nhất của làng Sài. Ông ham học chữ “thánh hiền”, nhưng không màng chuyện thi cử. Trong nhà luôn luôn nuôi thầy dạy học. Năm ông đã hai thứ tóc còn nuôi cử nhân Hồ Sĩ Tào dạy cho các con cháu và ông học thêm. Ông còn nhóm lên trong nhà mình một “phường hát ả đào”. “Phường hát ả đào” của ông chỉ để làm vui trong gia đình, trong họ mình và những bà con có đám cưới, đám ăn mừng thượng thọ.

Hy được cha yêu quý, truyền cho tất cả vốn hiểu biết về đàn, phách và ca trù. Cô lại còn có biệt tài về múa đèn. Khuôn mặt “trăng rằm”, lông



mây cong vành bán nguyệt, mắt lá đào. mũi thon dài, môi cắn chỉ, cổ ba ngón, lưng ong. cô đang thẳng hai cánh tay hình chữ thập, trên đôi cánh tay ấy đặt mỗi bên ba đĩa đèn, và trên đầu cũng đội ba đĩa đèn đầy dầu, thấp sáng. Cô múa dẻo như con rắn lượn qua những cành cây mà đầu trong đĩa không sánh ra ngoài, đèn không tắt một ngọn nào. Nhiều bà con trong làng khâm phục tài múa đèn của cô đã gọi cô là cô Đèn. Nhưng, không ít người ngầm coi cô là “xương ca vô loài”. Những nhà giàu có không muốn dạm hỏi cô về làm dâu. Những nhà không bằng nhà bố mẹ cô thì lại sợ không “môn đăng hộ đối”.

Một buổi trưa hè. Gió Lào phả cái nóng vào mọi chốn mọi nơi trên đất làng Sài. Một nhóm con trai ra đầu làng ngồi mát, đan rổ rá. Cô Đèn đi chợ xa về. Cô mặc váy lụa, bốn dải lưng xanh, dây xà tích, áo dài vải Đồng Lầm lấp ló cổ áo trắng, yếm thắm, vấn khăn nhung, tóc thả đuôi gà. Cô đi từ ngoài đường hàng huyện trở vào làng. Cô quẩy đôi thùng đập hai cái met kín bụng, trên met có một chồng bánh đa. Vừa đi chớm tới bóng râm đầu cổng làng, thấy đông người đang ngồi mát dưới gốc cây, cô đã cố ý đi nép vào rìa đường làng. Bất thần, một anh chàng giơ tay đụng vào vai cô và nói giọng chột nhả. Cả đám trai làng cười ồ lên. Cô Đèn mặt đỏ bừng, hai con mắt lá đào quắc sáng như hai ngọn đèn, mắng: “Cái hạng các anh không đáng đụng đến gấu váy của tôi đâu”. Như lửa bị giới nước, mọi người mặt

ngay cán tàn ngồi im như phỗng đá.

Cô Đèn đã đi khuất sau bờ tre, đám trai làng mới hỏi nhau:

- Con Đèn chươi (chửi) người trêu nó hay chươi cả bọn chúng mình ngồi đây hề?

- Hẳn gọi "cái hạng các anh", rứa là hẳn nhủ cả đám chúng mình.

Từ cái hôm ấy, tất cả con trai chưa vợ ở làng Sài "ăn thề" với nhau: Không ai được hỏi cô Đèn làm vợ. Nếu con trai ở làng khác đến làng Sài dám hỏi cô Đèn thì đón đường đánh. Cuộc trả thù này đã hăm duyên cô Đèn cho tới năm cô đã ba mươi tuổi mà vẫn chưa lấy được chồng. Có người gợi ý với bố cô Đèn nên soạn một cơi trầu, một bầu rượu mời đám trai làng đèn, xin lỗi để họ xá cho... Ông đã bàn với con gái cái điều ấy. Nhưng cô Đèn vẫn một mực không chịu nhún mình với đám trai làng. Khi ông Nguyễn Sinh Nhậm từ làng Sen đánh liều sang xin ăn hỏi cô Đèn, trai làng Sài họp lại bàn luận... Họ xót xa cho cô Đèn: Một người con gái tài hoa, nhan sắc nhất làng mà phải chịu cái "án treo" quá lứa, lỡ duyên, nay phải đi làm vợ kế của một người làng khác! Chúng ta không nên ngăn cản nữa. Độ gươm khi còn trên yên, đừng chém theo lúc người đã ngã ngựa!

Trai làng Sài đã dựng một cổng chào ở đầu làng trên con đường đi sang làng Sen. Họ còn nhờ cử nhân Hồ Sĩ Tọa làm cho một bài văn chúc. Lúc đám rước dâu tới cổng chào, trai làng Sài bận quần trắng, áo dài, đội khăn, đứng thành hai hàng.



Một người có giọng bình văn hay bước ra đọc bài chúc. Họ nhà trai đã đáp lễ mười quan⁽¹⁾ tiền đồng, một vò rượu tăm và một cái thủ lợn.

Cô Hy về làm bạn với ông Nguyễn Sinh Nhậm được ít lâu thì năm Quý Hợi (1863) sinh con trai. Ông Nhậm đặt tên cho con là Nguyễn Sinh Sắc. Cuộc sống của gia đình rất êm ấm. Nhưng niềm hạnh phúc của mẹ con cô Đền đã tắt phụt như ngọn đèn trước gió: Nguyễn Sinh Sắc mới lên ba thì ông Nguyễn Sinh Nhậm chết. Trước lúc trút hơi thở cuối cùng, ông Nhậm gọi cả hai người con trai, người con dâu đến bên giường và căn dặn vợ chồng Nguyễn Sinh Thuyết: “Cha phải hai lần xây dựng bạn trăm năm mà cũng chỉ được có hai mụn con trai. Cha những mong có đôi ba lần sinh nữa cho đông anh đông em, cũng như rừng nhiều cây, bão tố không xô ngã được. Không ngờ cha phải sớm từ giã các con. Tội nhất là em Sắc của các con còn quá bé bỏng. Mẹ kế của các con thì tuổi trẻ chưa qua! Cho nên vợ chồng con phải thay cha giúp mẹ kế của các con nuôi em Sắc nò nên người, mà điều hệ trọng là làm sao cho bé Sắc có năm ba chữ thánh hiền. Điều mong muốn cuối cùng của cha là: Dầu cha đã khuất, các con phải kính trọng người mẹ kế của các con như lúc cha đang tại đường. (Ý nói như lúc còn sống)”.

Sau ngày ông Nhậm qua đời, vợ chồng ông Nguyễn Sinh Thuyết ngỏ ý đón mẹ con bà Hy về

ở chung. Nhưng bà Hy e ngại sẽ không tránh khỏi sự va chạm giữa bà với con dâu riêng của chồng. Với tám thân quá phụ ngoài ba mươi tuổi, Hà Thị Hy cặm cũi thờ chồng, nuôi con. Hằng ngày bà đem con theo ra đồng làm lụng, tối về, vòng tay mẹ áp cổ con trong xó nhà hiu quạnh. Hà Thị Hy lòng đầy hy vọng một vài năm nữa, con trai mình biết nhớ được mặt chữ thì cho đi học. Nào ngờ, một buổi sáng, hàng râm bụt còn đắm sương mai, bé Sắc chạy từ trong nhà ra ngõ, gọi thất thanh:

- Anh ...ơi ...! M ...ệc ...mch ...ết ...mệ ...em chết!... Anh... ơ... ii!

Vợ chồng Nguyễn Sinh Thuyết hốt hoảng chạy tắt vườn băng qua bờ rào sang nhà người mẹ kế. Nhưng cô Đèn - Hà Thị Hy đã tắt nghỉ trên giường góa bụa. Hàng xóm cũng đã ulla tới. Tiếng khóc thương tiếc người thiếu phụ bạc mệnh dậy lên với những lời than thở: “Ôi! Một người con gái đã một thời sáng lên như ngọn đèn mà cũng ngắn ngủi như ngọn đèn!”.

Tin cô Đèn chết bay sang làng Sài. Những người cùng lứa với cô Đèn cảm thấy đột ngột. Đám trai làng trước đây đã “cầm duyên” cô nghe tin này càng sùng sốt. Họ rủ nhau sang ngay làng Sen tham gia việc chôn cất cô Đèn. Nghĩa tử là nghĩa tận, gia đình anh Thuyết vui lòng chấp thuận để trai làng Sài được đào huyệt và tự tay khiêng quan tài cô Đèn đến tận nơi yên nghỉ cuối cùng. Những bạn hát ở trong “phường hát ả đào” làng Sài cũng mang theo đàn, phách vừa đi vừa hát những bài tiễn biệt cô Đèn. Trai làng Sài còn



nhờ ông Hồ Sĩ Tạo làm “Vân ai” khóc cô Đền. Ông cử họ Hồ đã đứng trước mộ cô Đền đọc bài “Vân ai”. Mọi người xúc động theo giọng bi ai của ông cử họ Hồ thôn thức đọc điệu vân.

Cha chết. Mẹ lại chết. Nguyễn Sinh Sắc mới hơn bốn tuổi đầu về ở với người anh cùng cha khác mẹ, lòng trống trải, mắt ngơ ngác, xa lạ với tất cả. Những đêm đầu tiên ở trong nhà anh, Sắc cứ ngỡ là ở nơi bãi hoang. Thỉnh thoảng Sắc khóc thét: “Mẹ!... Mẹ... ời i!...” Người anh cứ phải nằm xuống ôm em giữ cho em ngủ. Nhưng, hễ rời vòng tay anh ra, Sắc lại giật mình khóc thét trong đêm khuya. Người chị dâu khó tính lại nạt nộ em, cần nhằn chòng: “Nó không ngủ thì cho nó đi ra còn để ma nó bắt”.

Sợ chị dâu mắng, bé Sắc nhắm nghiền mắt nằm im thín thít. Hình ảnh mẹ bay lượn trong quãng ảo giác xanh đỏ tím vàng. Và Sắc thấy một vầng hào quang tỏa sáng. Mẹ của Sắc hóa thành bà tiên trong truyện cổ tích mà mẹ đã kể cho Sắc nghe. Sắc bỗng thấy lâng lâng như nhắc mình bay lên theo mẹ. Rồi mẹ của Sắc lại như một con cò trắng chờ Sắc bay qua đồng xanh, qua sông xanh, qua ngàn xanh, qua biển xanh...

Thuyết tường em đã ngủ yên, anh rón rén dậy. Anh đến thì thăm dặn vợ đừng mắng mò đứa em mồ côi bố mẹ đang tuổi trứng nước. Bé Sắc đã choàng dậy, giấc mơ tan biến. chỉ thấy một mình trống trải. Sắc chạy ra sân, ra ngõ, ra đường cái theo dòng nhớ trong mơ. Đến bờ ao sen, từng bầy

dom dom bay, Sắc bắt đầu rung mình sợ hãi, bấy giờ mới khóc to gọi: M... ẹ... ơ í í! Mẹ... ơí... về... với con... Mẹ... ơí!

Đêm tối như mực. Tiếng chó sủa rình làng. Vợ chồng anh Thuyết, bà con trong họ, trong xóm đổ xô ra đường đuổi theo bé Sắc...

Qua một trận ốm kéo dài, ai cũng tưởng bé Sắc không sống nổi. Nhờ được ông ngoại săn sóc thuốc thang, Sắc đã khoẻ mạnh. Tiếc thay, ông ngoại của Sắc lại từ trần mà bà ngoại thì đã mất từ lâu, Sắc lại trở về làng Sen sống với anh Thuyết...

Làm theo lời cha dặn lúc hấp hối, Nguyễn Sinh Thuyết cho Sắc đi học chữ nho ngày một buổi; học về, đi chăn bò, cắt cỏ. Hôm đưa em đến thầy tú Vương xin học, anh Thuyết bung cơi trầu, chai rượu đi trước, Sắc mặc áo năm thân nhuộm nâu non, quần dài quá gối đi theo anh. Chị Thuyết đứng trước cửa nhà bếp nói với ra sân:

- Gớm! Nhà vua nò thừa vàng để ghi danh ông nghề, ông cống cho cái nòi "xương ca vô loài" mà học với hành, tốn nghiên tôn bút.

Anh Thuyết quay phắt lại. Anh vớ cái cộc chống rèm. Chị Thuyết ba chân bốn cẳng chạy lùi qua phía hè bếp. Anh Thuyết quát với mấy tiếng mắng vợ. Rồi anh quay lại dỗ ngọt em:

- Chị mị độc mồm vậy thôi chứ nò để bụng chỉ mô.

Sắc đưa ống tay áo lau nước mắt đi theo anh đến nhà thầy học.



Ngay những buổi ban đầu, thầy tú Vương đã nhận ra Sắc là một học trò sáng dạ. Thầy đã thử cho Sắc về nhà học một tối phải thuộc lòng và đến viết trâm⁽¹⁾ cho thầy xem năm mươi chữ ít



(1) Thuộc lòng không nhìn sách

nét, ba mươi chữ nhiều nét. Nguyễn Sinh Sắc đã đem lại sự ngạc nhiên cho thầy. Và thầy tú Vương cầm bàn tay học trò Nguyễn Sinh Sắc xem từng đường vân dạng. Thầy tấm tắc: “Đúng. Rất đúng. Con nòi. Nòi cầm ca. Nòi nhả ngọc phun châu. Nòi cô Đèn. Tài hoa lắm. Con gắng học. Con sẽ làm nên nếu con có chí học. Mỗi chữ là một con mắt. Người không có chữ trong đầu là người mù giữa thế gian”.

Lời thầy tú Vương như một ánh chớp mở vào thế giới tuổi thơ của Nguyễn Sinh Sắc. Rồi Sắc thấy lờn vờn trong ý nghĩ của mình một câu hỏi: Chị Thuyết thường mắng mình là “con nhà xướng ca vô loài”. Còn thầy tú Vương thì khen mình là: “Con nòi. Nòi cầm ca. Nòi nhả ngọc phun châu. Nòi cô Đèn...” Sắc tự tin: Điều thầy nói với học trò là lời mẹ nói với con. Và từ hôm Sắc được thầy khen, Quý và San kết thân với Sắc. Biết Sắc thiếu hơi ấm bố mẹ, San và Quý mỗi khi có quà bánh đều để phần đem đến lớp học cho Sắc. Có lần Sắc nói với bạn:

- Các cậu cho mình nhiều thứ, mình nò có chi cả!

Hiếu nổi lòng của bạn, San, Quý an ủi Sắc:

- Đừng nghĩ ngợi có hay không có cái chi đối đãi nhau, nhà tụi mình đầy đủ hơn nhà Sắc mà.

Được thầy khích lệ, được bạn an ủi, Sắc càng chăm chỉ việc nhà để đỡ bị chị dâu mắng mỗ vì quá ham học. Một lần Sắc ngồi đun cám lợn, chị



dâu đang thái chuối ngoài sân. Sắc dùng que củi than tập viết lên nền nhà. Vì quá say sưa viết. Sắc quên khuấy, nồi cám bị khê nặc. Chị Thuyết từ ngoài sân chạy vào hắt cả rổ rau chuối vào người Sắc, mắng té tát: “Đồ mặt nạc đóm dầy. Cháy nồi của tau rồi. Học với hành, chữ với nghĩa chi cái thứ mi...!” Sắc biết mình có lỗi nên bậm môi chịu chửi, không khóc, không tỏ vẻ khó chịu với chị. Và lại Sắc đã nhận ra tính khí người chị dâu nóng, phàm miệng, nhưng miếng ăn thì nhường nhịn cho chồng, cho em. Hằng ngày chị Thuyết phải xới cơm chia: Anh Thuyết, cột trụ gia đình, được ăn mỗi bữa ba bát cơm độn, xới đầy. Sắc được hai bát vừa, chị Thuyết chỉ có một bát đầy và vét chấy. Nhiều hôm anh Thuyết bưng bát cơm thứ ba vừa đi quanh sân vừa ăn, rồi lên ra sau nhà ngắt lá chuối gói nửa bát cơm còn lại giấu vào cái nón mê của Sắc thường đội đi chăn trâu. Biết gói cơm này là của anh đã giấu chị nhường cho mình, Sắc mang theo ra bãi chăn trâu mới ăn.

Một buổi chiều sau tết Nguyên đán. Mưa xuân lâm thâm. Gió se se lạnh. Nguyễn Sinh Sắc đội nón mê, khoác tờ lá nằm trùm hum trên lưng trâu ở cánh đồng Dăm Quan. Con trâu mãi miết gặm cỏ. Sắc mê say học bài. Sợ bụi mưa thấm vào trang sách, Sắc nghiêng nghiêng mái nón che phía gió thổi.

Con trâu đang gặm cỏ bỗng nghênh đầu lên nhìn về phía cổ người lạ đi tới. Nhưng Sắc mãi

dán mắt vào trang sách không biết có người đang đứng bên con trâu để ý việc học bài của mình.

- Cháu chăm chỉ quá! Hiếu học là một đức tính đáng quý.

Sắc giật mình hơi bối rối ngược nhìn: Một ông trông hiền từ, dáng vẻ một thầy đồ, tay che ô, đầu đội khăn nhiễu, khoác áo dài kép, chân đi guốc to bàn cuốn mò, quai mây hình đuôi én. Sắc nháy từ lưng trâu xuống đất, đứng lễ phép bên ông.

- Cháu là con nhà ai?

- Thưa ông, cháu là con ông Nhậm ạ.

- À... ra... cháu là con trai ông Nhậm, con cô Đền! Thảo nào. Cháu sớm có chí học. Cháu giữ bền được cái chí học thì ắt sẽ làm nên đó.

Ông nhìn tập vở trong tay Sắc, hỏi:

- Cháu đã học đến sách gì?

- Thưa ông, cháu đang học sách “Sơ học vấn tân” ạ.

- Nghĩa của nó là gì?

- Dạ... là bắt đầu học hỏi ạ.

- Nghĩa rộng là gì?

- Thưa ông, cháu nhớ lời thầy Vương giảng là: Hỏi về đường hướng của sự học ạ.

- Sách này do người Nam ta soạn hay người Tàu soạn, hờ cháu?

- Thưa ông, thầy Vương dạy rằng sách “Sơ học vấn tân” là do người nước ta soạn cho con cháu đời sau học ạ.

- Cháu đọc trộm cho ông nghe vài câu, được



không?

- Cháu xin đọc: Kỳ tại quốc bản, cổ hiệu Việt Thường, Đường cải An Nam, Hán xưng Nam Việt, Thần Nông tứ thế, thứ từ phân phong, Việt Kinh Dương vương, hiệu Hồng Bàng thị...

- Tốt. Tốt lắm... Cháu thử giải nôm cho ông nghe coi.

- Nước ta xưa gọi là Việt Thường. Nhà Đường chúng đổi là An Nam, sang nhà Hán chúng lại gọi là Nam Việt. Cháu bốn đời vua Thần Nông vốn là con thứ được phong làm vua xứ ta là Kinh Dương, hiệu Hồng Bàng.

Ông liền hỏi tên, hỏi tuổi của Sắc. Ông nói với Sắc, giọng cảm động:

- Ông ước ao có một người con trai mà không được... Ngày mai cháu đến nhà thầy tú Vương học, cháu thưa lại với thầy là ông đồ Hoàng Xuân Đường đã gặp cháu và ông chuyển lời thăm sức khỏe đến thầy. Có thể một ngày không xa, ông sẽ đến vịnh thơ uống rượu với thầy.

Đầu mùa hè năm đó, ông tú họ Hoàng từ làng Chùa sang làng Sen chơi nhà thầy tú Vương. Lâu ngày gặp nhau, hai ông đồ say chuyện, say thơ, say hương rượu từ lúc hoa râm bụt nở bùng cho đến lúc chúng cúi gục cần câu xuống bờ giậu. Gió nam hiu hiu thổi qua bờ tre, lướt vào cửa sổ nhẹ nhàng. Hai ông đồ đã thêm thiếp giấc nồng. Học trò của thầy tú Vương đến, thấy thầy có khách đã

làng ra vườn bắt ve sầu, tìm tổ chim, săn chuồn chuồn ông voi...

Phan Văn San, Vương Thúc Quý và Nguyễn Sinh Sắc thì lúi húi dán điều giấy ở đầu nhà. Thình thoảng Sắc chạy vào kéo quạt⁽¹⁾ cho hai thầy đồ ngon giấc. Do có tiếng động mạnh từ ngoài cối xay lúa, hai thầy giật mình tỉnh giấc thấy trò Sắc một tay cầm sách học ôn bài, một tay kéo quạt.

Niềm xúc động dấy lên ánh mắt của hai thầy nhìn Nguyễn Sinh Sắc. Thầy tú Vương nói: “Hiếu tại tâm. Nhân bất hiếu bất thành nhân” (Hiếu ở lòng. Người không có hiếu chẳng là người).

Thầy tú Vương giọng sáng khoái nói với Sắc:

- Thầy cho phép con đưa thầy tú Hoàng Xuân Đường về gặp anh chị của con. Nếu anh chị của con vui lòng cho con được về nhập thân vào nhà thầy tú Hoàng Xuân Đường là phúc phần cho con lắm.

Ông đồ Hoàng Xuân Đường đến gặp vợ chồng anh Thuyết. Vừa nghe chưa trọn câu chuyện của ông đồ, chị Thuyết đã mau miệng:

- Bẩm thầy, vợ chồng con mô dám phụ cái bụng tốt của thầy. Thầy đón bé Sắc về dưới đó ngay giờ cũng được ạ.

Anh Thuyết lờm vợ:

(1) Một loại quạt to gân bằng cật chiêu, hình chữ nhật, được treo ở trên xa nhà, một người cầm cái dây kéo như đưa võng, gió mát đều khắp cả nhà

- Mẹ hẩn vội chi rứa? Để em nó ở lại vài hôm, còn coi ngày, coi giờ nữa chứ!

- Dề. - chị Thuyết trề môi, - làm nhà, tậu ruộng đâu mà phải chọn ngày lành tháng tốt!

Anh Thuyết nuốt giận lẫn nước mắt đắng cổ họng. Anh đưa cho em bọc áo quần, sách vở mà không dám nhìn thẳng vào mắt em, sợ bật lên tiếng khóc.

Nắng chiều xiên khoai. Ông đồ nghiêng mái ô về phía mặt trời. Bóng chiếc ô che trùm hai mái đầu cao, thấp.

Ra khỏi làng Sen, Sắc ngoái lại nhìn mái nhà mình thấp thoáng sau bóng tre, cố ghìm nước mắt. Sắc ôm choàng ngang người ông đồ, giọng hơi lạc, run run:

- Ông ơi! Ông đón cháu về nuôi cho cháu ăn học à? Thật vậy ông?

- Nói dối trẻ con là một trọng tội. Ông sẽ dạy cháu học. Cháu muốn học bao lâu ta cũng không ngăn cản.

Bé Sắc quỳ hẳn xuống đất, chắp tay như sắp vái lạy:

- Ôi sung sướng! Sung sướng! Con không còn cha mẹ! Ông ơi! Cho con được gọi ông là cha của con. Có thể trời phạt đã phù hộ cho con chăng?

- Con đứng lên đi. - Ông dìu Sắc dậy. - Ta đã nhận con vào lòng ta ngay từ hôm gặp con nằm trên lưng trâu mà học chữ thánh hiền. Ta không có con trai. Đã từ lâu ta hằng mong có người nối chí. Nay ta chọn con. Ta hỏi thêm con điều này nữa:

Con ước ao được học nhiều chữ để làm gì?

- Thừa cha, người dốt nát thì khổ cực. Con muốn có nhiều chữ để đỡ bị kẻ khác đè đầu và biết thuốc mà chữa bệnh; con có chữ con sẽ dạy chữ, dạy thuốc cho người chưa biết ạ.

- Được. Con đã biết chọn việc học để làm người. Hợp với ý của cha. Cha yên tâm về con.

Năm cậu bé Nguyễn Sinh Sắc về làm con trong gia đình ông bà đồ, cô Hoàng Thị Loan mới lên năm tuổi. Tám năm sau, bà đồ sinh thêm con gái, đặt tên là An. Cô Loan lên tuổi mười ba thì bước vào đời làm vợ Nguyễn Sinh Sắc, một anh nho mười tám tuổi. Đến năm mười sáu tuổi, cô Loan sinh con gái đầu lòng: Nguyễn Thị Thanh, tự là Bạch Liên. Bốn năm sau, Loan lại đẻ con trai Nguyễn Sinh Khiêm, tự Tất Đạt. Nguyễn Sinh Côn ra đời tiếp sau đó vài năm...

Bé Thanh, Khiêm, Côn khi đã biết được phần nào về dòng dõi nhà mình, thường hỏi mẹ:

- Hỏi còn bé, cha của chúng con sao mà khổ cực nhiều vậy mẹ?

Chị nho Sắc xoa đầu các con, giọng thủ thi:

- Các con lớn lên đã...

Bé Thanh lại hỏi mẹ:

- Mẹ ơi! Ba chị em con, đứa mô giống bà nội nhiều hớ mẹ?

- Mẹ không được biết mặt bà nội. Các con đến hỏi bà ngoại. Bà ngoại của các con đã có lần được xem bà nội múa đèn, gảy đàn, hát nhà trò.

Lúc ba chị em bé Thanh hỏi riu ra riu rít bên bà ngoại thì bà chỉ lên phía bộ tranh tổ nữ: "Bà nội

của tụi bây y hệt cái cô trong tranh kia. Chị em mi đưa mô cũng giống bà nội cả. Riêng thằng Cồông là giống bà nội nhiều nhất...”

4

Từ ngày ông đồ Hoàng Xuân Đường tạ thế, nhà bà đồ trở nên eo hẹp tiền tiêu. Cả nhà bày miệng ăn chỉ trông vào hoa lợi của hơn hai mẫu ruộng mà đã cho cây rē mất một nửa, số còn lại chị nho Sắc và cô An gánh vác. Ngoài ra, hai chị em cô Loan phải kéo sợi dệt vải luôn tay mới có tiền bút nghiên cho anh Sắc học ôn thi. Anh nho Sắc lại nhiều bạn lui tới đàm đạo việc học, việc đời. Có bạn ở tận xa, cách xã, cách huyện, thường đến ở chơi trong nhà cả tuần trăng. Bà đồ thấy ảm đạm vì chồng đã khuất mà nhà không vắng khách vãn, có con rē được nhiều người trọng nể. Nhiều hôm khách của anh nho Sắc đến chơi đông, ở lại ăn cơm, mẹ con bà đồ thường phải nấu thêm hai, ba lần mới đủ. Thịnh thoảng gặp hôm chưa giã kịp gạo, khách ở lại ăn cơm đông, ba mẹ con bà đồ phải nhin cơm cho khách. Riêng ba chị em bé Thanh, Khiêm, Côn thì được ăn cơm vét nồi, cơm cháy. Bé Khiêm và bé Côn vô ý động bát đũa lớn tiếng, bà đồ khế dặn cháu:

- Tụi bây khē tay chứ! Có khách đang ăn cơm trên nhà, các cháu phải có ý có tứ.

- Bé Cồông là hay khua bát đũa nhất. - Cô An

trách yêu bé Côn.

Côn phụng phịu hỏi bà:

- Khách ở mãi trên nớ (kia), chúng cháu ở tận dưới nhà nì, răng lại không được nói to, không được chạm bát đĩa, hờ bà?

- Khách đang trò chuyện, khách đang ăn cơm mà các cháu làm ồn, đụng chạm soàng soạng dưới nhà thì khách họ cười người nhà mình vô ý, hoặc là có ý đuổi khách về. Cháu bà rõ chưa?

Côn gật gật đầu, hỏi thêm bà:

- Chị Thanh cạo cháy trong nồi mạnh tay cũng bị đi An mắng, vì răng rứa bà?

- Ô! Cháu của bà còn chưa biết cả cái việc ấy nữa. Cháu ơi!... Khách đang ăn cơm mà các cháu cạo cháy sào sạo toáng lên thì có khác chi ngăn khách đừng ăn nữa, hết cơm rồi. Cháu rõ chưa?

Côn cười xòa, rúc đầu vào nách bà, nũng nịu. Vừa qua giỗ đầu ông Hoàng Xuân Đường, anh nho Sắc đi thi Hương khoa Giáp Ngọ (1894) trường Nghệ (Vinh). Bà đồ làm mâm cơm cúng gia tiên, cầu danh cho con rể. Anh cử Vương Thúc Quý, anh nho Phan Văn San thì đem lễ rượu, hương, trầu đi cúng đền Thánh Cả, chùa Đạt để thần phật phù hộ cho anh nho Sắc thi đỗ.

Bà con Nguyễn Sinh cũng như họ Hoàng đều mong ngóng, đợi chờ anh nho Sắc ở khoa thi này. Dân làng Sen, làng Chùa ai cũng biết anh nho Sắc là người học giỏi vào hàng thứ nhất trong vùng, chỉ e "học tài thi phận". Hàng ngày nhà bà đồ từ sáng đến tối liên tiếp người đến thăm tin vui ở dưới trường thi về. Bé Côn thấy nhà vui như hội,



túm áo anh Khiêm kéo ra sân nhảy lò cò, đánh khăng, bắt anh công từ sân ra ngõ, từ ngõ vào sân. Ông Xẩm trái manh chiếu bên ngõ nhà bà đồ, lên dây đàn... Anh em bé Côn và cả đám trẻ trong làng đã ùa đến, đứa ngồi, đứa đứng xúm quanh ông Xẩm. Hôm nay ông ca tích truyện *Tổng Trán - Cúc Hoa*. Cả đám trẻ ngồi lịm. Có đứa mũi thò lò, nước dãi chảy ướt ngực quên cả lau chùi. Các bà già, các chị ở trong nhà đi ngang qua đều ghé lại nghe... Lúc ông Xẩm ca đến đoạn Cúc Hoa bán yếm lấy tiền cho chồng đi thi, nhiều bà khóc. Bé Côn, bé Khiêm thì mắt chớp lia lịa, nhìn đám đuổi cái miệng ông Xẩm dè queo.

Bà đồ từ trong nhà bung ra một rá khoai lang, một bát gạo, ghé sát ông Xẩm:

- Nghe ông ca cái tích Cúc Hoa nuôi chồng ăn học, bán yếm lấy tiền lộ phí cho chồng đi thi... tiết nghĩa lắm lắm. Tôi nỏ có chi nhiều, chỉ có mớ khoai, lẻ gạo biếu ông...

Ông Xẩm đón lấy món quà ở tay bà đồ, cảm động nói:

- Xin đội ơn cụ. Được ăn lộc của gia đình cụ thì kẻ hèn mọn ni cũng mở mặt mở mày thêm.

- Tí khoai tí gạo có đáng chi mô mà ông nghĩ ơn huệ, ông!

- Ôi! Thừa cụ, của tuy ít mà lòng nhiều. Một củ khoai của cụ bớt miệng để cho kẻ nghèo khó còn hơn những nhà giàu bá hộ sề cả gánh, cả đóng của, cụ à.

Một người hàng xóm hỏi ông Xẩm:

- Ông hát tích Cúc Hoa nuôi chồng ăn học, bán

yếm cho chồng đi thi đỗ tới trạng nguyên. Còn chị Loan làng Chùa ta quanh năm canh cửi giúp chồng đèn sách, dệt vải may áo cho chồng đi thi thì liệu anh nho Sắc khoa ni có đỗ đạt chi không, hờ ông Xẩm?

- Con người ta... - Ông Xẩm đáp - Tui không giỏi môn tướng số, nhưng tui có linh tính. Trời phú cho kẻ mù mắt một thứ ánh sáng khác để biết việc đời. Từ hôm cậu nho Sắc đi thi, tui nằm ngủ đều mơ thấy mặt trời chiếu vô cái túp lều tranh của tui. Tui là kẻ cùng đinh đến ngụ ở cái làng Chùa ni thì nỏ có đáng chi để mà báo mộng về sự đỗ đạt, thăng quan, tiến chức? Tui nghĩ: Cái báo mộng mặt trời chiếu vô lều tranh ấy là làng Chùa ta sắp có hiền nhân quân tử đến. Người đó hẳn là cậu nho Sắc thi Hương đỗ. Cho nên mấy bữa ni tui chỉ đàn ca những tích truyện về sự học hành thi cử, về người có công cứu nước, cứu đời...

Việc anh nho Sắc đi thi Hương còn được bàn tán ngoài ruộng vụ mười. Chị nho Sắc, cô An gánh mạ, gặp ai trên đồng họ cũng hỏi việc thi cử của anh nho Sắc đã có tin gì vui dưới trường thi đưa về chưa. Có chị em trách chị nho:

- Gớm! Cả năm nay nặng lo đèn sách cho chồng đến nỗi bỏ chị em phường vải chúng mình. Các anh nho San, anh cử Quý vẫn đưa cánh con trai làng Sen, Đan Nhiễm xuống hát với phường vải nhà mình luôn đấy. Cả cái An cũng theo chị bỏ phường, bỏ hát hẳn?

Chị nho Sắc phân trần:



- Mình có bận bịu với đèn sách năm anh ấy đi thi. Nhưng chị em mình nỏ đi hát với phường là vì còn có tang cha.

- Tụi mình biết cái lễ ấy lắm. Nhưng vắng tiếng hát của Loan, của An, tụi này nhớ mà trách đó thôi...

- Loan này, - một cô bạn hỏi chị nhỏ Sắc - tau nghe nói mi đã bán đôi khuyên vàng để lo việc thi cử cho anh ấy?

- Có vậy. Vì... nhờ trời mà anh ấy đậu Hương thí thì còn vô kinh để dự Hội thí nữa kia.

- Gái có công thì chồng chẳng phụ, Loan ạ.

Từ cánh đồng sâu cách nơi chị em nhỏ Sắc cấy hai thửa ruộng, một giọng hát trong trẻo cất lên:

Chim khôn ăn trái nhơn lòng,

Gái ngoan nuôi chồng nấu sủi sôi kinh.

Thi Hương, thi Hội, thi Đình⁽¹⁾,

Tên chồng trên bảng xướng danh rõ ràng.

Ngày về áo mào vua ban,

Võng anh đi trước, võng nàng theo sau.

Cô An nghe trọn tiếng hát của người bạn gái, cười mím, nói với chị mình:

- Mấy đứa ấy, chúng nó ước mơ cuộc sống của anh chị lắm nên mới hát vậy đó.

Chị nhỏ Sắc cầm nắm mạ trong tay, đứng thẳng người nói với sang các cô vừa hát “gheo” mình:

- Nạ dòng ni quen đi chân đất, đội nón lá, nỏ

(1) Các khoa thi nho học. Hội thi mở ở kinh đô để các cử nhân vào thi trước khi thi Đình

dám nằm vồng che lọng mô nhớ!

Mọi người đang vui câu chuyện trên ruộng lúa xé chiều thì, từ phía trong làng thấp thoáng từng tốp người lớn, trẻ con kéo ra phía đường quan. Chị em thợ cấy đều ngừng tay để mắt cả về phía đó. Chị nhỏ Sắc như có linh tính báo... lòng thấp thỏm, trống ngực nháo động.

Một bóng người chạy tắt cánh đồng về phía ruộng bà đồ. Hai chị em nhỏ Sắc càng hồi hộp... Còn cách mấy đám ruộng, người con ông chú của chị nhỏ đã gọi to:

- Về... Chị nhỏ ơi!... Chị An ơi! Anh nhỏ đồ cử nhân rồi! Về thôi. Cả làng đang ra đường đón quan tân khoa kia kìa.

Hai chị em nhỏ Sắc nhìn nhau. Hai giọt lệ đọng bên khóe mắt chị nhỏ Sắc như giọt sương trên lá râm non. Mấy cô bạn giọng vui mừng giục thoắt:

- Về thôi Loan ơi! Từ rày tụi này nó gọi tên, gọi chị nhỏ nữa mô mà gọi là bà cử đó.

- Tụi bay đừng gọi chi khác, cứ tên Loan, tên Sắc mà gọi.

Người em con chú đứng trên bờ, về sốt ruột:

- Hai chị nghỉ tay thôi. Bữa khác rồi cấy nốt. Về nhà còn lo việc trầu nước mời khách họ đến mừng chứ.

Chị nhỏ Sắc đã qua phút giây xúc động, giọng từ tốn:

- An về trước đi em. Chị ở lại cấy cho hết số mạ nì kéo hóng mát. Ông nghè, ông cống cũng sống



về ăn, cın ă.

Đồng quê chiều tím. Chị nho Sắc quày trên vai đôi gióng nhẹ tênh, lần từng bước theo bờ ruộng chênh vênh.

Gió chiều vuốt nhẹ tấm áo nâu non, nếp váy thâm bạc màu lượn theo dáng người thất đấỵ lưng ong của chị. Chị ngoái nhìn thửa ruộng đã cấy kín, niềm hy vọng một vụ lúa tốt đang nảy mầm trong lòng chị. Chị ghé xuống bên Đầm Sen rửa chân tay. Tiếng chim chiều “quốc... quốc...” trong lũy tre rậm rạp như tiếng gọi từ lòng chị vang lên.

Chị vừa bước về đầu ngõ đã có tiếng reo: “Ồ! Chị cử Sắc đã về kia!” Vừa lúc đó vợ chồng anh Nguyễn Sinh Thuyết chạy ra, đon đả:

- Chào thím cử... Răng thím về muộn rứa?

Chị nho Sắc chào và đáp chuyện với anh chồng, chị dâu bằng nụ cười tươi. Và, chị cảm thấy ngưỡng ngưỡng về cách gọi mới: “thím cử”, “chị cử”. Bé Cơn cầm tay bác Thuyết gái đi ra đón mẹ cũng riu ra riu rít, hỏi:

- Mẹ ơi. Cha thi đỗ cử nhân thì được cấỵ (cái) chỉ mà ai cũng vui, cũng đến mừng nhà ta, hờ mẹ?

- Ấy chớ! Con không được hỏi rứa. Cha mắỵ chết.

- Cháu Công của chú thím nó sớm khôn lắm. Trời để sống nó còn học sồi (giỏi) hơn cả cha chứ nó bõn mớ, thím ă.

Chị nho Sắc mời anh chồng lên nhà khách và đón chị dâu vào nhà dưới, trong đó bà đồ đang trò chuyện với các bà khách đến chúc mừng con rể

bà đạt vinh hiển.

Từ thềm nhà trên cho ra tới cuối sân, khách ngồi kín cả hai ghế tràng kỷ, các chõng tre, và nhiều người ngồi xôm, ngồi bệt xuống các khúc gỗ... Trước mặt mọi người là dãy bát nước chè xanh đặc quánh. Những miếng trầu tẩm cánh phượng, cau đậu được đặt ngay ngắn. Anh Nguyễn Sinh Sắc được mọi người gọi là quan cử thì ngồi ghé tựa đầu bàn. Hương lý, hào mục ngồi trên hai dãy tràng kỷ...

Anh Sắc giọng từ tốn:

- Thưa các thầy trong hội đồng hương lý! Thưa các bác, các chú, các o, các dì và bà con nội ngoại, xóm làng! Điều trước nhất tôi xin mọi người đừng gọi tôi là quan cử. Sự đỗ đạt của tôi không hẳn là cái thang lên quan. Tôi sinh từ làng Sen. Tôi lớn lên trên đất làng Chùa. Tôi là dân và bao giờ cũng vẫn là người dân của làng ta, của xứ sở ta.

Ông chánh hương hội xoa xoa hai bàn tay, nói:

- Thưa... Thưa... Thưa...

Bé Côn ngồi trên đùi bác Nguyễn Sinh Thuyết nghiêng cổ nhìn ông chánh hương hội có bộ râu chuột ba chòm cứ thưa mãi mà chưa nói thành câu liền phì cười làm mọi người cười theo. Anh nho Sắc lừ mắt về phía Côn. Côn tựa đầu vào ngực bác Thuyết, giấu mặt. Ông chánh hương hội nói ề ề:

- Quan... Quan cử đã... đã nói thực tâm như vậy là... là cái gốc của người có đạo nghĩa, ở chỗ “Dân vi quý”, ở chỗ “Dân vạn đại, quan nhất thời”. Vậy

thì, xin được gọi là “ông cử” ạ.

Mọi người vừa uống nước, ăn trà, vừa nói râm ran, tò vò đồng tình gọi là “ông cử Sắc”. Viên lý trưởng trình trọng thay mặt hội đồng hào lý:

- Thưa ông cử tân khoa. Theo tục lệ làng ta, hội đồng hào lý đã họp và quyết định cấp ba sào ruộng “học điền” do ông đã đưa vinh hiển về cho dân, cho xã này...

Anh cử Sắc đã từ chối việc cấp ruộng “học điền”. Viên lý trưởng phải giở cuốn hương ước (lệ luật trong làng) và nhắc lại lai lịch:

- Đất Chung Cự quê ta là đất hiếu học lâu đời, người đỗ đạt cũng khá nhiều. Theo sách “Đăng khoa lục” thì từ đời vua Lê Dương Hòa (1635) xã Chung Cự nì đã có người thi đỗ. Tính cả người đi thi Hương, thi Hội cả thầy là 96 khoa, toàn xã ta đã có 193 người đậu gồm có hiếu sinh, giám sinh, cử nhân, tú tài. Làng Chùa này có 29 người, làng Sen đậu 53 người, làng Ngọc Đình tới những 72 người, làng Vân Hội được 25 người, làng Cường Kỳ có 10 người, làng Tỉnh Lý 3 người, làng Khoa Cử chỉ có một người đậu. - Viên lý trưởng nhấn giọng: - Đó, tục lệ cấp ruộng “học điền” của quê ta có từ cái thuở xa xưa ấy.

Anh cử Sắc đã không thể từ chối, nói:

- Thôi thì, đất lề quê thói, thầy lý đã nói vậy, tôi xin nhận một sào rưỡi thôi ạ. Sào rưỡi nì tôi xin dân làng và hội đồng hào lý được phép bán lấy tiền để sửa lại ngôi nhà thờ họ bị hư hỏng đã lâu ngày.

Cả mặt sân thầu ngoài ngõ dậy lên những tiếng tám tấc: “Hiếm có người tốt như anh cử Sắc. Trong khi có bao nhiêu kẻ lòng tham không đáy đục khoét của dân, dùng chức vụ đè đầu dân, cười lên cổ dân thì trái lại, anh cử Sắc từ chối “lộc” của làng thưởng cho mình, không chịu nhận cái danh vị mà mình có được”. Bé Côn thủ thí hỏi bác Thuyết:

- Bác ơi, học điền là cấy chi, hả bác?
- Là ruộng công dành để cấp cho người trong làng học đỗ đạt cao, cháu ạ.
- Còn... lộc là chi nữa, hả bác?
- Lộc là món quà quý, là món tiền, là đồ vật để thưởng cho một người nào. Như cha cháu được dân làng thưởng lộc bằng một số ruộng tốt.
- Răng cha cháu lại nò nhận lộc, hả bác?
- Cha cháu là người không có đầu óc hám lợi, hám danh, cho nên cha cháu không muốn nhận ruộng công của dân làng làm của riêng cho nhà mình. Cháu rõ chưa?

Bé Côn ôm chặt lấy người bác ruột gặt đầu, mắt chăm chú nhìn cha đang trò chuyện với các ông hương lý...

*

* *

Khoa thi Hội Ất Mùi (1895), anh Nguyễn Sinh Sắc không đỗ. Từ kinh đô Huế về, lòng anh nặng trĩu bao nhiêu điều nghĩ ngợi trở trăn.

Cha vắng nhà lâu ngày đã về, ba chị em Thanh, Khiêm, Côn chạy ùa ra ôm lấy cha giữa sân. Bé

Còn còn vùi cha công. Bà đồ đứng ở thềm nhà với con gái, mắng yêu Côn:

- Bé Công hư nhá! Cha đi đường xa vừa về còn mệt mà đã vùi vĩnh.

Còn hai tay ôm lấy cổ cha, giọng nũng nịu:

- Cháu đang đói bụng, chộ (thấy) cha về mừng đã hết biết đói thì... thì cha cháu chộ cháu cũng đã hết cả mệt rồi chứ, bà à...

Mọi người không nén nổi tức cười và bà đồ vừa cười vừa phân bua:

- Con trai anh nó lý sự như rứa đó.

Anh cử Sắc bế vác bé Côn, vừa đi vào nhà vừa hỏi:

- Ở nhà ba chị em có ngoan với bà, với mẹ, với dì An không?

Bé Thanh thưa:

- Thằng Khơm (Khiêm) ngoan, con ngoan. Còn thằng Công thì nghịch trở trời, cha ạ.

Bé Côn lắc lắc đầu:

- Nó phải... Chị Thanh nói nó phải... nó phải.

- Em Côn của con nghịch những gì? - Anh Sắc hỏi gọn con gái.

- Nó trèo cau lấy bẹ để làm thuyền này. Trèo cây thì hái quả ương này. Lèo cả lên hời nhà tìm chim sẻ đã sẩy chân giẫm lên bẹ bát cổ của bà, làm vỡ một lúc chục cây đĩa bát trúc hóa rỗng, cha ạ.

Còn thanh minh:

- Bà đã gặt được bảy cái, chỉ có ba cái là vỡ nhiều mảnh thôi, cha ạ.

Anh Sắc giọng ôn tồn:

- Như rứa là Côn đã không ngoan bằng chị Thanh, anh Khiêm. Lần nì thì cha cho qua, lần sau con còn không nghe lời bà, lời mẹ, lời dì An thì cha cho ăn đòn. Côn đã nhớ chưa nào?

- Thưa cha, con nhớ rồi ạ.

- Hôm nọ mẹ con đã dặn con về cái hại của việc leo trèo nghịch ngợm, còn nhớ không?

- Còn nhớ cha ạ.

- Nhớ. Con nhắc lại lời mẹ dặn con, cha nghe coi!

- Mẹ nhủ: “Nhà có phúc sinh con giỏi lợi, nhà có tội sinh con hay trèo” ạ.

Cả nhà cười vui vẻ. Chị cử Sắc từ nãy quần dọn luôn tay, thấy chồng “truy lỗi” bé Côn, chị định đỡ lời cho con ngay, nhưng sợ con lại dựa vào tình thương dễ dãi của mẹ sẽ sinh nhờn sự nghiêm khắc của cha. Chị đặt ấm tích chè xanh trước mặt chồng, nói đỡ cho con:

- Bé Công được cái khi có lỗi biết nhận lỗi ngay với bà, với mẹ. Thầy cử Quý cũng khen bé Công sáng dạ nhất đám học võ lòng. Mà cũng là đứa nô đùa nhất đám. Được cái là... hể khi thấy răn một tiếng là biết phép, sửa lỗi ngay. Và dạo nì bé Công còn biết đặt những câu về, bắt chước bà nói có ca, có vắn, đáng khen lắm.

Anh cử Sắc hai bàn tay như hai cánh chim áp vào đôi má bầu bầu của bé Côn:

- Con có ba việc lỗi là leo trèo làm vỡ đĩa của bà, nghịch phá tổ chim, đùa trong lớp học. Việc



phạm lỗi, dù phạm lỗi lớn hay lỗi nhỏ, con cũng đã sửa ngay. Tuy con đã sửa lỗi rồi, cha vẫn dặn lại con là đừng có phạm một lần nào nữa về cái lỗi phá tổ chim. Con người ta có ngôi nhà, con chim có cái tổ. Giả thử cái nhà chúng ta đang ở yên thế này lại bị kẻ khác đến phá thì bà này, cha mẹ này, dì An này, các con này... ở vào đâu?

Bé Côn mặt buồn rười rượi, hối hận về việc làm sai trong những ngày cha đi thi Hội. Anh cử Sắc lấy trong khăn gói ra các món quà mua về. Anh bung hai tay cái đĩa bạc xếp những lạng cao ban long, cao lộc đưa tới phía giường biểu mẹ. Anh tặng em gái vợ, cô An, một bộ dây xà tích bạc. Món quà cho vợ là cái nón Huế, một cặp con thoi bằng sừng. Anh còn đưa cho vợ một số quà để biếu bà con bên nội, bên ngoại và hàng xóm. Trao quà cho người lớn xong, anh cử Sắc mới phát quà cho các con, mỗi đứa một cái vòng bạc có vuốt hổ. Riêng Côn, anh thưởng cho một bộ đèn kéo quân bằng giấy bóng màu. Anh nghiêm khắc với những khuyết điểm nhưng khích lệ tính ham học của Côn:

- Con tuy có nhiều thiếu sót, chưa ngoan bằng chị Thanh, anh Khiêm, nhưng con học chăm, được thầy khen, con lại nhỏ nhất nhà nên cha thưởng cho cái đèn kéo quân này.

Bé Côn nở nụ cười tươi, hai mắt ngời sáng, sung sướng đón nhận quà trên tay cha rồi chạy

sang với bà ngoại.

Nghe tin anh cử Sắc vào kinh đô thi Hội đã “về không”, bạn bè danh nho, khoa cử ở khắp hàng huyện lần lượt đến với anh. Tuy mới lên năm tuổi, bé Côn rất ham nghe cha bình văn, bàn thời cuộc với bạn. Côn không đi theo anh Khiêm cùng các bạn nhỏ trong làng Chùa ra núi Chung săn chim cun cú, chim cuốc và chia phe đánh trận giả, hoặc chông kiêu rước thần, rước “trạng nguyên vinh quy bái tổ”... Côn bịn rịn bên cha suốt ngày. Có lúc khách của cha đến đông, chật chỗ ngồi, Côn vào buồng ngồi bên khung cửi với mẹ, nhưng tai vẫn lắng nghe chuyện văn chương, thi cử ở nhà ngoài.

Anh cử Sắc đã tường thuật với bạn về chương trình, nội dung đề thi Hội. Nhà vua ra chiếu: Hội thí chia ba kỳ: Kỳ thứ nhất thi môn *kinh nghĩa*⁽¹⁾; kỳ thứ hai thi môn *thơ, phú, chiếu, biểu*⁽²⁾; kỳ thứ ba thi môn *văn sách*⁽³⁾.

Nguyễn Sinh Sắc bị đánh hồng là do bài *văn sách* của anh đã lòng ý phê phán việc để mất nước ta cho Tây. Anh còn nhận xét về thái độ của các quan trong triều đình Huế đã cam bẻ thần phục người Tây và đang đua nhau học tiếng Tây cốt để được Tây trọng dụng. Trong những ngày ở kinh đô, Nguyễn Sinh Sắc được một lần nhìn thấy

(1) (2) (3) Kinh nghĩa là bài văn giải thích về những câu hỏi trong sách kinh điển. Chiếu là lời vua hiệu triệu, ban bố lệnh cho thần dân, biểu là bài văn của thần dân dâng lên vua để chúc mừng hay tạ ơn, bày tỏ điều gì. Văn sách là bài trả lời những câu hỏi nêu ra trong bài thi.

vua Thành Thái ngự thuyền rồng chơi sông Hương. Vua đội khăn vàng, mặc áo gấm, ngực đeo kim khánh nổi bốn chữ “Đại Nam Thành Thái”. Nhưng vé mặt vua ồ dột, mắt nhìn xa buồn thăm thẳm.

Bé Còn ngồi cạnh mẹ, nghe cha tả về thần sắc của vua khác cái hình ảnh ông vua do bà ngoại kể, hỏi:

- Con nghe bà kể chuyện cổ tích thì ông vua đi đâu có hào quang tỏa sáng, có mây gấm trên trời che cho vua, ai nhìn mặt vua liền bị mù mắt. Sao cha lại nhủ là vua Thành Thái mặt ồ dột, mắt buồn, hã mẹ?

- Mẹ làm sao biết được cái điều ấy. Con hỏi cha lúc khách về hết. Cha mới có thể biết nổi cái việc con hỏi mẹ.

Một hôm người em trai của bà Hà Thị Hy đến chơi với vợ chồng anh cử Sắc. Thông cảm với cảnh nhà của bà đồ và của cháu, ông bàn với anh Sắc:

- Cậu không thể ngờ có một ngày cháu lại là ông cử nhân, là quan cử! Từ một đứa bé mồ côi cha mẹ, chăn trâu cắt cỏ, nhờ phúc ấm của ông bà đồ mà cháu được như ngày nay. Cha mẹ cháu dưới tuổi vàng hăn là mất dạ. Nay cậu ngẫm thấy, bà đồ tuổi già, sức yếu, vợ cháu một nách ba con nhỏ, di An rồi cũng sẽ về làm dâu người ta. Cho nên, cháu cần phải sớm ra làm quan để gia đình được ấm thân, họ hàng mát mặt, cháu ạ.

- Cậu ơi, - anh Sắc giọng chùng xuống, - cháu

đi học không phải để làm quan. Nước mất rồi, từ thứ dân tới quân thần đều là một bầy nô lệ.

- Cậu cũng có biết nghĩ về cái điều ấy. Những người có lòng nhân từ, đồ đạc cao thì cần phải ra gánh vác việc quan để che chở cho dân, thực hiện cái đạo công bằng ở cái thời buổi nì...

Anh Sắc lắc đầu:

- Làm gì có công bằng ở trên đời này, hờ cậu?

- Anh dần từng tiếng: - Công bằng viễn lộ hà xứ thị (Sự công bằng là con đường xa không biết ở cái xứ nào cả). Lòng tham của con người là vô đáy. Cho nên, đã làm quan là có quyền thì lòng tham càng ghê gớm. Con đường trước mắt cháu là: Cháu còn phải học thêm nữa. Và cháu còn sẽ tiếp tục thi lại đại khoa. Thi là để biết cái vốn học vấn của mình chứ không phải vì cái hàm vị ông nghè, làm quan to. Mục đích của cháu là cốt có nhiều chữ để rồi dạy cho con cháu, biết rộng về nghề thuốc mà giữ nhà, chữa bệnh cứu người. Cháu không làm được cái công việc “thương y y quốc” thì cháu làm cái phần việc “trung y y dân”(1), cậu ạ...

Bé Côn đang nằm võng với bà ngoại nghe cha nói với ông trẻ là sẽ đưa vợ con vào kinh đô ở để học thêm. Côn hỏi bà:

- Bà ơi. Cha cháu vô kinh đô thi Hội, rồi lại trở

(1) “Thương y y quốc” đại ý là: chữa được bệnh cho nước, là thầy thuốc bậc cao, “trung y y dân” là chữa được bệnh cho dân, là thầy thuốc bậc trung

vô đề học, chắc đó là một làng đẹp lắm, bà nhé?

- Kinh đô là kẻ chợ lớn nhất và đó là nơi vua ở, chứ không phải làng, cháu ạ.

- Ô... Kinh đô là nơi vua ở! Rửa thì... cháu... cháu vô đó với cha cháu để coi mặt vua có khác chi không?

- Ấy chết. Cháu chớ nói rửa. Phải tội đó. Vua là con trời, thay trời chăn dân. Ai nhìn mặt vua mà không được vua ưng bụng thì sẽ bị mù mắt, cháu ạ.

- Vậy ra vua là do trời sinh chứ không có mẹ vua sinh ra vua, hả bà?

- Trời chỉ đầu thai xuống trần thế, rồi mẹ vua mới đẻ ra vua. Bà cũng chỉ biết có rửa thôi...

- Kệ, cho mù mắt cháu cũng cứ nhìn vua cho bằng được. Mù mắt chứ có mù tim mô mà sợ ạ!

- Ai dạy mày nói gở rửa Công?

- Dạ... ông Xâm nói: "Tao mù mắt không đáng sợ bằng kẻ mất sáng mà tim mù", bà ạ.

- Thôi nhớ. Cháu chớ nói kiêu quá gở ấy nhớ.

Một đêm thu. Gió chướng thổi dài hun hút tràn qua mái nhà. Tiếng gió hú xa trên đỉnh núi Chung. Ngọn đèn ở giữa nhà ngọn gió run rẩy. Anh cử Sắc, anh cử Quý, anh nho San ngồi quanh ngọn đèn, trên tám chiếu cạp điều trải kín mặt cái sập gụ. Chiếc điều ống khám xà cừ, vôi trúc cong vòng đặt cạnh bộ trà Huế mà anh Sắc vừa mua trong chuyến đi thi Hội về. Bên chân sập gụ là cái lò than hồng. Siêu nước sôi trên bếp lò thở phì

phì. Chè ướp sen được chuyên ra chén tỏa hương ngọt dịu. Đình trâm vẫn lặng lẽ nhả dòng khói mảnh thơm trước ba tâm hồn đang trần trở.

Cả nhà đã ngủ yên giấc. Chỉ có chị cử Sắc vẫn còn ngồi dệt vải ở gian buồng đằng tây. Vàng trắng nghiêng soi trên khóm chuối ngoài cửa sổ. Côn nằm trên cái chõng tre cạnh khung cửi của mẹ. Ánh trăng như tấm vóc vàng phủ quanh giấc ngủ của Côn. Tiếng anh nhò San trầm trầm:

- Từ dạo anh cử Sắc vào kinh Hội thí đến giờ, nghĩa quân liên tiếp bị thất bại. Nghĩa quân đã phải rút lên tận dãy núi Vụ Quang. Và... nghe đâu cụ Đình... ngài đang lâm bệnh nặng từ sau cái chết của Cao Thắng!

Ba người cùng thở dài và đầu hơi cúi xuống bên đình trâm tuôn khói vật vờ. Anh cử Quý giọng tin tưởng:

- Mới rồi nghĩa quân đánh một trận lớn ngang dãy núi Trường Vật, giết tại trận được tên quan Tây chỉ huy. Nhưng Hoàng Cao Khải không dụ được quan nghe Phan đã dùng hạ sách khùng bố các gia đình của nghĩa quân và đàn áp dân Hà Tĩnh thật khốc liệt. Hoàng Cao Khải lại còn xúi triều đình triệu tổng đốc An Tĩnh là Đào Tấn về kinh vì nghi ông có cảm tình với cụ.

- Ở trong kinh đô, - anh cử Sắc kể, - nhiều người chươi công khai việc làm bất nghĩa của Hoàng Cao Khải. Còn cái chuyện tên Cao Ngọc



Lễ bán thầy hại nước đã được lưu bia miệng: “Vô địa khả dung Cao Ngọc Lễ; Thiên kim nan thực Tống Duy Tân.”⁽¹⁾

- Được lắm. Câu đối được lắm. - Nho San và cử Quý gật gù và mỉm cười.

Nho San như muốn thông báo thêm tình hình với cử Sắc:

- Nghĩa quân miền Trung và ở các nơi đang bị rã đám dần, nhưng ngoài Bắc nghĩa quân Đề Thám còn đứng vững ở Yên Thế. Rất đáng lo là triều đình Mãn Thanh đã bắt tay với bọn Pháp rồi. Chính quân nhà Thanh đã bắt quan thân thần Tôn Thất Thuyết đem đi an trí ở xa vùng biên giới Việt - Tàu và không giúp vũ khí cho các nghĩa quân của ta nữa.

Anh cử Sắc phân trần:

- Quốc vận lạc vong nan hiệu lý⁽²⁾. Cho nên, tôi đã tính việc học thêm ở Quốc tử giám để rồi lại thi Hội khoa Mậu Tuất (1898).

- Nhưng - anh cử Quý hỏi - loại học trò nghèo như cánh mình làm sao vô nổi cái trường của “hoàng gia, quý tộc ấy”?

- Tôi đã được ông Hồ Sĩ Tào gửi gắm cho quan thượng Cao nhận là người thân thích. Trường Quốc tử giám đã nhận tôi vào và coi như một “ám sinh” vậy.

(1) Không đất để dung Cao Ngọc Lễ, Ngạn vãng khó chuộc Tống Duy Tân. Câu này còn được truyền tụng theo đúng luật đối chỉnh từng từ: “Vô địa khả mai Cao Ngọc Lễ - Hữu tiền nan mãi Tống Duy Tân” (Không có đất để chôn Cao Ngọc Lễ, có tiền cũng không mua nổi Tống Duy Tân). Cu Tống Duy Tân là thầy học của tên Cao Ngọc Lễ. Tên Lễ đã lừa meo bắt thầy nộp cho bọn Pháp để được thăng quan tiền chức.

(2) Việc nước đang suy thì khó mà xoay xỏa

- Vậy thì - nho San nói - tốt rồi. Anh cứ vô kinh đô học, tôi cũng tiếp tục ôn luyện để rồi dự thi Hương nữa. Còn anh Quý thì...

- Tôi vẫn cứ cái công việc - anh cử Quý đỡ lời anh nho San - “đít trẻ roi thầy”, chờ thời thế...

Ba người trò chuyện cho tới lúc trăng lặn. Chị cử Sắc cũng đã ghé lưng xuống chõng, ôm bé Côn vào lòng.

5

Sương sớm ám mái nhà. Tiếng chim cu gáy trên khóm tre làng xa văng vẳng. Nắng trải vàng rộm đồng quê.

Bóng nắng núng nẩy trước ngõ. Trên sân, Khiêm và Côn chạy ra chạy vào tít ta tít tít với mấy thứ đồ chơi quen thuộc mà hai anh em sắp phải xa chúng. Trong nhà, hai mâm cơm đã dọn sẵn, không ai muốn ăn trước cái cảnh người đi xa, người ở lại. Hai mâm cơm được đẩy hai cái lòng bàn sơn son. Bà đồ tay luỳnh quỳnh điểm lại từng thứ đồ đạc trong hai cái thúng của con gái sắp đi theo chồng vào kinh. Bà nhìn trần nhìn trờ bó dệp mo cau do bà làm cho con và cháu mang đi đường trường, nước mắt ướt mềm gò má nhăn nheo nhưng bà vẫn giữ vẻ thản nhiên trước con và cháu.

Chị cử Sắc ngồi ở trong buồng với em gái và con gái. Chị dặn cô An lo toan những công việc



nhà trong khi chị đi vắng, và thay chị làm mẹ dạy dỗ cháu Thanh. Chị lại dặn con gái ở nhà thay mẹ chăm sóc bà ngoại lúc trái gió, trở nắng.

Bóng nắng đã trải lên sân. Bà con hàng xóm và bạn hát phường vải lần lượt đến tiễn đưa gia đình “quan cừ” vô kinh. Vợ chồng anh Thuyết, anh cừ Quý, anh nho San đều đã có mặt.

Bé Côn chợt nhận ra đã đến giờ mình và anh cùng cha mẹ đi xa nhà. Côn chạy từ ngoài hè nhà sà vào lòng bà. Khiêm cùng chạy theo em, ôm choàng lấy cổ bà. Bà đồ ôm choàng lấy cháu, môi mím chặt không cho bật lên tiếng khóc. Phải một lúc nghẹn ứ cổ bà mới nói trôi mấy tiếng: “... Các cháu đi đường ngái (xa), bà lo lắm... Bà ở nhà sẽ khẩn tổ tiên phù hộ cho các cháu, cho cha mẹ các cháu được chân cứng đá mềm”. Bé Khiêm lắc lắc cổ bà:

- Bà! Bà lại khóc rồi!

Côn ngược mắt nhìn bà, lau nước mắt trên má bà. Nhưng hai mắt Côn lại tràn lệ, bà phải lấy chéo áo lau khô cho cháu.

Một không khí rộn rịp giữa kẻ ở với người đi. Chị cử Sắc xỏ chân vào dép mo cau, đặt gánh lên vai. Bé Thanh vẫn bịn rịn bên chân mẹ. Cô An, các cô bạn gái xúm xít quanh chị Sắc. Bé Khiêm đã chạy ra ngõ trước. Bé Côn cầm tay bà ngoại đi sau mẹ. Anh cử Sắc mang tay nải vải tây điều, ó gọng đồng mắc ngang khuỷu tay, chân đi dép da bò mỏng. Anh bước từng bước chậm rãi giữa đám bạn danh nho và anh em bên làng Sen sang tiễn đưa. Lúc đi ngang qua bờ giậu, anh cử Sắc lưu

luyện nhìn những bông cúc mới nở. Anh cử Quý mỉm cười ứng khẩu:

Hoa cúc vàng vườn sớm,

Anh nho San tiếp:

Giậu tre xanh gió thu.

Anh cử Sắc giọng bùi ngùi:

Đường vào kinh muôn dặm,

Giấc hương quan hằng mơ...

Ngoài cổng làng, ông Xẩm cất lên những tiếng đàn bầu réo rắt và lời ca thảm thiết:

... Trách ông trời chuyển vận ra sao,

Thiệt công bao kẻ anh hào ra tay

Nước Nam ta sao lại có Tây,

Thần dân quyết đánh, vua rầy không nghe

Khăng khăng chịu khuất một bề

Muôn dân kẻ chợ nhà quê than thăm:

Nước Nam làm cho nước Tây ăn...

Lúc đám người tiền gia đình anh Sắc đi tới cổng làng, ông Xẩm về mặt âu sầu nói:

- Kẻ mù lòa này thường được cụ đồ ban lộc và được người trong gia đình quan cử Sắc dành cho những miếng ngọt miếng bùi. Nay quan cử đưa cả gia đình vô kinh, tui xin ca một lời để tỏ bày cái nghĩa nước tình làng ạ.

Mọi người dừng quanh ông Xẩm. Khiêm và Côn đứng sát ngay phía cần đàn, chăm chú nghe:

Chòm xóm nấu lạng mà nghe,

Tôi xin ca một bài về Đức ông.

Bao giờ đầu nhọn như chông

Xương đeo trước ngực, Đức ông sẽ về

Ông về non nước cùng về



Dân Nam hết ách nặng nề ngựa trâu.

Anh nho San nhìn mặt các bạn bè, về trầm tư, nghĩ ngợi về bài ca của ông Xẩm. Anh cử Quý gật đầu, nói nhỏ nhẹ: “Đầu nhọn như chông? Vậy là cái nón thúng sẽ mất, cái nón chóp (nón bài thơ) sẽ thịnh hành. Xương đeo trước ngực? Cái khuy áo này - anh sờ lên khuy áo tết bằng vải - cũng sẽ thay bằng xương, bằng ngà. Còn... ông? Ông sẽ về?...” Nho San, cử Sắc, cử Quý nhìn nhau rồi im lặng bước đi. Bé Khiêm, bé Còn thì chỉ thấy thú vị về ngón tay đàn của ông Xẩm như biến hóa trên sợi dây đồng, trên cái cần tre mà tạo ra một chuỗi âm thanh trong như ngọc rót vào tai, xao xuyên trong lòng.

Đoàn người tiễn đưa gia đình cử Sắc đi xa dần. Chị cử Sắc là người cuối cùng chào ông Xẩm và chị đặt vào bàn tay ông mười đồng tiền hiệu Thành Thái. Tiếng đàn bầu của ông Xẩm vẫn văng vẳng theo ra phía đường quan và lan rộng trên cánh đồng nắng dát vàng thu.

Tới con đường quan, anh cử Sắc dừng lại, đứng trước bà đồ:

- Trời khá trưa rồi, chúng con xin mời mẹ về kéo mệt. Vợ chồng con và hai cháu luôn luôn cầu mong mẹ ở nhà mọi sự được bình yên. Dì An, cháu Thanh sẽ thay vợ chồng con sớm hôm chăm sóc mẹ. Chừng nào con học đỗ đạt, chúng con lại sẽ trở về làm ấm tuổi già của mẹ.

Bà đồ sụt sùi, tay xoa đầu hai cháu Khiêm, Còn:

- Các con... đi... đi cho chân cứng đá mềm.

Anh cử Sắc chấp hai bàn tay lại, giơ lên vái: "Xin cảm tạ bà con, chú, bác, o, dì, bầu bạn đã đi với gia đình tôi khá dài đường đất. Đến đây, tôi cầu chúc mọi người ở lại an khang..." Anh cử Quý, nho San, anh Thuyết đều chấp tay vái lại anh Sắc. Chị Sắc nước mắt vòng quanh, bịn rịn với con gái, em gái và các bạn hát phường vải... Ai nấy giọt ngấn giọt dài, không muốn rời tay...

Một cơn gió thổi cuốn theo những chiếc lá vàng, cát bụi chạy dài trên con đường nắng quánh. Bé Côn ôm chặt cổ cha, mặt vẫn ngoảnh lại phía sau gọi: " Bà a... ơi bà về nhớ..." Những cái nón, dải khăn giơ lên vẫy theo và khuất dần sau rặng cây bên lối về làng Chùa.

Thành phố Vinh hiện ra trước mắt cậu bé Côn. Lần đầu tiên Côn thấy có nhiều con đường tỏa ra như bàn cờ và nhà cửa ở san sát dọc theo đường dài tấp tểp. Côn càng ngơ ngác trước những dòng người đi chân đất, quần áo rách rưới. Lại có cả những kẻ ngồi trên xe cho người kéo!

Côn nín chặt bàn tay cha, bước chầm chậm trên hè phố. Đôi dép mo cau ôm chặt dính vào hai bàn chân Côn thon thon như hai chiếc lá non. Côn chăm chú nhìn cảnh vật mới lạ trên đường phố, quên đói bụng, mỏi chân. Chị Sắc nhìn con, hỏi:

- Con đã đói bụng chưa? Mẹ để sẵn khoai xéo cho hai anh em trong thúng nì.

- Không. Con không thấy đói bụng, mẹ ạ.

Một người gầy gò, đội nón gỗ, chân đất, vắn xà

cạp từ đầu gối xuống mắt cá chân, đang khom người về phía trước kéo chiếc xe gọng đồng mũi trần. Trên xe, một người ngồi ngả hẳn về phía sau thành xe, bụng to vượt mặt, cái mũi to hình thuyền choán hết bộ mặt râu xồm xoàm, mắt mèo, miệng ngậm cái điếu như củ tỏi, khói xì ra đằng mũi. Còn siết chặt bàn tay cha, mắt chằm chằm nhìn theo cái xe kéo, chân bước sát gót chân cha, hỏi:

- Cha ơi! Răng... cái ông to đùng, bụng phệ lại nằm trên xe bắt ông gầy gò kéo đi, hả cha?

- Ê. Con... con nói nhỏ nhỏ chứ. Tây... người Tây dương đó. Nước Nam ta đã mất cho người Tây dương rồi. Bây giờ họ bắt người Nam mình làm việc gì đều phải ề cổ ra mà làm, con ạ.

Lặng lẽ đi bên cha một lúc, Còn lại sừng sốt nhìn dãy thành cao, hào sâu và trước cửa thành có lính gác, cờ tam tài⁽¹⁾ bay giữa nắng chói chang.

- Cha ơi! Cái nhà! Cái nhà của ai mà có hào bao bọc, có tường xây cao dày, cổng lại có lính gác vậy cha? Còn có cả cờ kia nữa!

- Không phải nhà mô mà là thành... thành Vĩnh con ạ.

- Những ai được ở trong đó, thưa cha?

- Có quan tổng đốc đứng đầu tỉnh. Còn có cả các quan bố chánh, án sát nữa, con ạ. Nhưng ngày nay, nước Nam ta bị người Tây dương chiếm đoạt mất rồi! Cho nên, bên cạnh quan tổng đốc người

(1) Cờ ba màu xanh, trắng, đỏ (cờ nước Pháp)

Nam còn có quan công sứ, giám binh người Tây, chúng cai trị dân mình qua đám quan lại bản xứ.

- Bản xứ là gì, hả cha?

- À... à quên. Cha cứ quen miệng nói chữ như lúc trò chuyện với bạn bè. Còn nghĩa chữ bản xứ là nơi mình ở, con ạ.

Còn hỏi, về tò mò:

- Quan tổng đốc nào ở trong thành, hả cha?

- Mấy năm vừa rồi có quan Đào Tấn làm tổng đốc An Tĩnh. Vua vừa mới vời ngài về kinh làm quan thượng thư Bộ Công. Hiện giờ chưa có quan tổng đốc mới đến thành Vinh ni, con ạ... Mà con hỏi làm chi những việc đại sự ấy, chẳng có ích lợi chi cho con cả.

- Con hỏi chuyện để cha vui chuyện mà quên mỗi chân, con cũng vui chân đi bộ. cha đỡ phần công con.

Anh Sắc nhìn xuống đôi chân bé nhỏ của con, mỉm cười. Chị Sắc nhắc con:

- Con chạy lên trước đi với anh cho vui.

- Con nó thích đi với anh Khom (Khiêm) mô. Đi với cha được vui chuyện, chứ đi với anh Khom cứ im im chán lắm.

Khiêm về ức với em, quay lại nói:

- Nhớ nhá... nhớ nhá. Từ rày đừng hòng tau bày cách dấn đều (diều) cho nữa nhớ. Tau cũng nò cho chơi chung cá thia lia nữa.

- Anh không cho em chơi đều chung, chơi cá thia lia chung thì em cũng nò nhắc bài học thực trâm (thuộc lòng) cho anh nữa.



- Thục trầm! Thục trầm được “Trống trảng thành lung lay bóng nguyệt”, rồi “Long lanh đầy nước in trời... Thành xây khói biếc non phơi bóng vàng”, rửa mà lúc thấy dây thành Vinh lại nói với cha: đó là cái nhà to! Ờu ời! Thục trầm như rửa có ích chi mô?

Bị anh chế, Côn phụng phịu chạy đến phía cha...

*

* *

Con đường thiên lý vào kinh đô Huế thừa thốt bóng người. Những người “trầy kinh” hầu hết đi bằng cáng. Thỉnh thoảng có những người phu trạm phi ngựa bụi mù mặt đường. Côn ôm lưng cha, mắt ghé theo bóng dáng chàng kỵ sĩ bay trên dặm xa mù tấp. Tiếng nhạc ngựa động lại trong tâm hồn hoang sơ của Côn.

Gia đình anh Sắc kết bạn với một số khách bộ hành để đỡ lo cướp, lo hổ báo trên các chặng đường rừng hẻo lánh.

Hằng ngày chị Sắc dậy từ gà gáy đầu, thổi cơm, vất mỗi người một nắm đem đi ăn trưa trên đường. Buổi chiều, lúc mặt trời chen xuống núi, vợ chồng anh Sắc lại đưa hai con vào nghỉ nhờ qua đêm ở những làng gần đường quan nhất. Nhiều hôm gặp trời mưa to, Côn ngồi ăn cơm nhìn ra sân, từng hàng bong bóng trôi lênh bênh. Côn muốn ở lại để tránh mưa và cùng anh Khiêm chơi trò đua thuyền lá trên sân nước. Nhưng sợ cha mắng, Côn vùi mệ:

- Mẹ! Mưa to quá. Đi không nổi mô, mẹ ạ. Mẹ xin với cha ở lại hôm sau trời tạnh ráo hẵng đi, mẹ nhớ!

Khiêm hơi trề môi lườm em:

- Được cha công mà còn sợ mưa!

- Em cũng phải tự đi chứ, cha có công em cả ngày mô.

- Hừ. Lại còn được ngồi vô thùng để mẹ ề cổ gánh đi nữa. Mi sướng có kém chi mấy ông nằm trên cang cho phu khiêng?

Còn lác đầu nói với anh theo lối đọc vè:

Em ngồi trong thùng,

Mẹ gánh cân vai.

Mẹ đi đường dài,

Nghe em kể chuyện...

Chị Sắc mỉm cười, nói nhỏ nhẹ với hai con:

- Em nó còn bé bỏng, chưa thể đi dài đường đất được thì cha, mẹ phải na bế đôi đoạn. Anh cả đừng nên tị nạnh với em, nghe không. Còn Công thì phải chịu khó đi mưa đi nắng, làm quen với cái khổ dân đi, con ạ. Ở đời chẳng ai phải tập ăn sang mặc sướng mà phải rèn chí chịu khó, chịu khổ để nên người.

Nghe lời mẹ, Côn vui vẻ bắm lưng cha, trùm kín tờ lá đi trong mưa gió. Vào đến đèo Ngang. Trời trong vắt. Gió biển gọi cây ngàn. Gia đình anh Sắc nghỉ chân trên bãi cỏ dưới chân đèo. Chị Sắc lúi húi soạn cơm nắm, cà muối để chồng con ăn cho chắc bụng trước lúc vượt đèo. Anh Sắc giờ



sách lịch xem ngày, giờ... Bé Khiêm ngồi bệt xuống cò, ôm bàn chân tẩy đỏ. Chị Sắc giục bé Khiêm:

- Mẹ đã nhủ con là phải dầm nước đáí của mình lên hai bàn chân thì khỏi... Nước đáí nóng từ trong người ra là một liều thuốc quý đó, con ạ.

Lần đầu thấy dãy núi cao nằm chắn ngang con đường thiên lý, bé Côn đứng tần ngần, tay mân mê cái vuốt hổ bịt bạc xâu vào cái vòng bạc treo ở cổ, mắt đăm đăm nhìn lên đỉnh đèo Ngang. Gió biển lật lật tà áo năm thân, hai cùm tóc trái đào bay lỏa xỏa quanh đầu mà bé Côn vẫn không hay biết. Bất chợt, Côn hỏi:

- Cha ơi cha, trên đỉnh núi kia có cái chi vắt qua núi, màu đỏ đỏ như sợi dây ngoằn ngoèo ấy cha?

Anh Sắc nhìn lên đèo:

- Ô! Cái như sợi dây đỏ đỏ nằm ngoằn ngoèo trên núi ấy là con đường mòn đó con ạ. Lát nữa cha con mình sẽ leo lên đó rồi mới sang bên kia dãy núi được.

Côn nhảy lò cò, miệng líu lo:

Núi công con đường mòn

Cha thì công theo con

Núi nằm ì một chỗ

Cha đi cúi lom khom

Đường bám lì lưng núi

Con tập chạy lon ton

Cha siêng hơn hòn núi

Con đường lười hơn con

Anh Sắc gấp sách lại, mỉm cười, mắt lấp lánh niềm vui nhìn hai đứa con trai. Chị Sắc thì phúi phúi bàn tay rồi xoa đầu bé Côn:

- Con nhìn phong cảnh mà vận ngay thành văn thành vè. Còn anh cả thì chậm chạp, thua em rồi nớ.

Khiêm phụng phịu:

- Nó được cha công trên lưng, con bì với nó mô được.

Còn ngồi thụp xuống bên anh, tay nhón miếng cơm nắm, thanh minh:

- Em lớn bằng anh, em cũng tự đi được như anh mà.

Anh Sắc giọng ân cần:

- Ăn quà cho xong bữa để còn leo dốc kéo tối giữa truông, các con ơi.

Mặt trời ngó xuống đỉnh đèo. Bé Côn đòi cha cho được tự leo lên dốc, lúc nào mệt thì cha hẵng công. Khiêm đi trước. Bé Côn níu bàn tay cha đi sau anh. Chị Sắc gánh trĩu vai đi sau cùng. Nắng xiên khoai, bóng bốn người đổ dài trên đèo thăm thẳm cao. Qua khúc lượn quanh sườn núi, gió lồng đẩy lùi lại, họ phải nhoai người lên phía trước, tay níu cây bên đường mới bước lên được từng bậc dốc... Bé Côn bám sát theo anh, bàn chân mũm múp phải xòe ngón ra bám vào móm đá: Anh Sắc đi sau, một tay vịn cây, một tay đỡ lấy hông của bé Côn mà đẩy lên dốc. Chị Sắc áo sũng mồ hôi vẫn theo sát gót chông con. Đằng sau chị Sắc còn có những tốp người đi vào kinh



đồ cũng đang tiếp tục vượt đèo.

Trên đỉnh đèo cao. Gió lộng. Biển trải dưới chân đèo, xa mênh mang. Mọi người ngồi nghỉ chân, phanh ngực đón gió lành.

Bé Côn trầm trồ nhìn ra phía chân trời xa:

- Cha ơi cha! Cái ao... Cái ao lớn quá!

Anh Sắc cười, bảo:

- Biển đó con ơi.

Khiêm cũng nhìn theo hướng nhìn của em và quên cả bóng rật trên hai chân, la to:

- Ô... biển! Biển!

Côn lại chỉ trỏ:

- Ô! Bò... con bò to lội trên biển!

Anh Sắc cười. Chị Sắc càng không nén được tức cười về cái nhìn ngộ nghĩnh của con. Anh Sắc giải thích:

- Không phải bò đâu, con ơi! Thuyền đó. Thuyền chạy bằng buồm theo chiều gió... con nhớ chưa?

Côn lại nhảy tâng tâng:

Biển là ao lớn

Thuyền là con bò

Thuyền ăn gió no

Lội trên mặt nước

Em nhìn thấy trước

Anh trông thấy sau

Ta lớn mau mau

Vượt qua ao lớn.

Anh Sắc băng khuâng nhìn con và cảm thấy ở đứa con có thiên tư khác thường.

Côn ôm lấy cổ cha, bóng trải dài trên đỉnh đèo

Ngang cao vọi vọi. Biển xanh xa vẫy gọi dưới chân bé Nguyễn Sinh Côn.

Từ trong triền núi xa xa vọng tới tiếng chim: Quốc... quốc... gia... gia... quốc... quốc... gia... gia... Côn hỏi cha:

- Ở đây cũng có chim quốc và có cả tiếng chim chi đó nữa, nghe “gia gia”, lạ quá, cha ạ.

- Vì có loài chim ấy kêu mà người xưa đi qua đây đã vịnh thơ: *Nhớ nước đau lòng con cuộc cuộc... Thương nhà mỗi miệng cái gia gia...(1)*”.

Côn hai tay vẫn ôm chặt cổ cha, nhắc từng tiếng thơ “Nhớ nước đau lòng con cuộc cuộc” theo nhịp bước của cha xuống dốc đèo Ngang...

6

Sau một tháng đi bộ ròng rã trên con đường dài hàng trăm dặm, gia đình anh cử nhân Nguyễn Sinh Sắc vào tới kinh đô Huế. Anh đưa vợ con đến ở đậu tại ngôi nhà tranh ba gian, có một chái làm bếp.

Ngôi nhà này cùng trong một dãy nhà đồng loạt gần Viện Đố Sát, tại thành nội. Đây là nhà dành cho những viên chức nghèo và gia đình lính khố vàng ở nhờ.

Một ông già đầu bếp của đội lính khố vàng hết tuổi ở lính đưa vợ con về quê, đã nhường lại ngôi

(1) Thơ của Bà Huyện Thanh Quan



nhà cho anh cử Sắc. Với ba gian nhà xinh xắn, anh Sắc bố trí một gian phía ngoài, gần con đường đi ra cửa hậu thành, làm chỗ dạy học cho hai con trai của mình và con em một số người quen thuộc. Gian giữa là nơi thờ gia tiên và kê bộ ván để tiếp bạn lúc ban ngày, tối là nơi ngủ của anh Sắc và bé Khiêm. Gian trong với cái chái nấu bếp là buồng, đặt khung cửi sát cửa sổ và lối đi ra nhà ngoài, nửa trong kê giường ngủ của chị Sắc và bé Côn.

Nơi ăn chốn ở đã ổn định, chị Sắc bắt tay vào công việc kéo sợi dệt vải, lấy công làm lãi để nuôi con giúp chồng ăn học. Anh Sắc vào học Quốc tử giám, đổi tên là Nguyễn Sinh Huy.

Nhưng bạn bè anh, bà con cùng xóm quen gọi là ông cử Nghệ, bà cử Nghệ. Hằng ngày, anh đi bộ hàng dặm đường đến lớp học. Trường Quốc tử giám ở tận bên tả ngạn con sông Hương, phía tây thành Huế, thuộc xã An Ninh Thượng, huyện Hương Trà. Những giám sinh hầu hết là con cháu nhà vua, con cháu các quan đại thần. Họ đi dự bình văn bằng xe song mã (hai ngựa kéo) hoặc xe song loan (gần như cái kiệu, do hai người khiêng). Quân là áo lượt, có tiểu đồng hầu tráp đi theo. Riêng anh cử Sắc thì vẫn cái ô gọng đồng cũ kỹ, đi guốc mộc. Sáng ra anh ăn qua loa với vợ con, mang theo đến trường một ít khoai lang, dăm ba quả cà hoặc dùm cơm độn ngô, khoai, chút cá mặn để ăn trưa. Xế chiều anh về nhà, bắt tay vào việc dạy học.

Nghe tiếng “ông cử Nghệ” chữ nhiều và đức độ

cao, nhiều người đến xin cho con học. Vì bận học để thi Hội, anh Sác không nhận nhiều học trò, anh kèm cho con học và dạy thêm dăm em nữa, trong số đó có Công tôn nữ Huệ Minh, Diệp Văn Kỳ...

Lần đầu tiên đến kinh thành Huế, Côn ngỡ ngác như chú nai con lạc giữa vườn hoa nhiều sắc màu rực rỡ và xen lẫn những cỏ gai khác lạ. Côn đi bên cha mà lại nhớ lời căn dặn của cha hôm đi thi Hội về: "Với cái tuổi của con, nghe điều gì,





thấy việc gì đều là những bài học vỡ lòng...”.

Còn và anh cả Khiêm được cha dẫn đi xem phong cảnh của đất “thần kinh”⁽¹⁾. Sau những cơn mưa, Huế ử màu âm đạm. Còn nhìn từng đám mây đục trôi trên bầu trời xám chì. Đỉnh núi phía tây kinh thành, những làn mây quán hình vành khăn, trắng xốp. Còn định hỏi cha tên của hòn núi mờ ảo giữa mây giăng như cảnh núi non trong truyện cổ tích thì trước mắt Còn đã hiện ra một dòng sông phẳng lặng. Còn thử hỏi:

- Cha ơi... cha, con sông ni có tên gọi không hả cha?

- Có chứ con. Tên nó là Hương. Sông Hương.

- Nước sông ni thơm lắm phải không cha?

- Sao con nghĩ rằng nước của con sông ni thơm?

- Ở nhà ta thường thắp hương cúng, con thấy thơm lắm. Con nghĩ... nước con sông ni cũng phải thơm thì người ta mới đặt tên nó là Hương, phải không cha?

Anh cử Sắc chỉ cười.

Không được cha giải thích về cái tên con sông đẹp như tên người con gái soi bóng kinh thành, Còn càng để mắt quan sát tỉ mỉ mọi cảnh sắc trên đất “thần kinh”. Những cột khói bên sông, hình nấm, dát mỏng trên mái nhà ngói vảy rồng. Từng

(1) Kinh đô của vua

con gió đổ dài theo dòng sông xanh xa hun hút, kéo theo những lớp sóng lăn tăn như những nếp da nhăn trên vầng trán ông già mù ở làng Chùa mỗi khi ca những bài ca thương nước loạn ly...

- Nhà lâu đây, phải không cha?

- Đây là Ngọ Môn, tức là cửa chính của hoàng thành, con ạ.

Anh Sắc chỉ dẫn cho hai con của mình thấy nơi vua và triều đình nhà Nguyễn ở. Côn và Khiêm ngơ ngác trước những tòa lâu đài nguy nga. Từ lối cửa ra vào thành đến những bậc xây xuống bến Phu Văn Lâu đều ngợp mắt thơ ngây của hai anh em Côn. Cái hình ảnh cung điện nhà vua, chàng hoàng tử, nàng công chúa trong các truyện cổ tích được bà, mẹ kể cho nghe trong những đêm khuya ở quê nhà lại hiện đến chen lẫn với cảnh tượng thực đang bày ra trước tầm mắt của Côn.

Côn nói với cha:

- ... Con ngỡ ở làng ta mới có những người đói rách, nhà cửa tồi tàn khổ sở. Đây là kẻ chợ, là kinh thành, nơi vua ở mà vẫn có nhiều nhà tranh lụp sụp, nhiều người quần áo rách mướp, có cả những người đi ăn mày nữa.

Anh Sắc giọng nghiêm khắc:

- Con còn bé, đừng vội nghĩ những việc của người lớn.

Bé Khiêm mắng em:

- Mới nứt mắt mà hỏi rặt chuyện của người lớn. Lần sau cha đừng cho nó đi chơi phố nữa, cha ạ.

Bé Côn xì mặt, cúi nhìn bàn chân mình in trên mặt đường dầm dấp nước mưa của đêm hôm trước. Những cái ổ gà đọng đầy nước lúng liếng như con mắt ướt đau đau nhìn trời. Bỗng nét dỗi hờn trên mặt Côn bay biến. Hai mắt Côn chớp chớp nhìn về phía có tiếng nhạc ngựa: Ba chiếc xe song mã đang chạy tới. Côn níu chặt bàn tay cha, đi nép vào mí đường thành, nhưng mắt vẫn không rời những cỗ xe phủ rèm gấm. Những người ngồi trong xe đội mũ cánh chuồn, áo xa-tanh kếp thêu hoa cúc, quần là, chân đi hia. Lại còn có những bà mặc áo vóc, áo nhiễu, đội cái khăn có tới hàng chục lớp tròn như cái rế. Cả những con ngựa kéo các cỗ xe cũng được khoác trên mình bộ đồ thêu nhiều màu sắc sỡ, từng chuỗi hạt cườm óng ánh. Côn rất thú vị về bộ lục lạc trên cổ ngựa giống như những quả sung xâu thành chuỗi, quả ở giữa thì to bằng trái ổi trâu.

Sau những cỗ xe song mã là những tốp lính đội nón dẫu, vác súng dài, áo thắt đai ngang bụng, bước lạt dật, mắt nhìn lơ lảo...

Đi trên con đường về phía chợ Xếp, mắt Côn bận rộn về dòng người đi lại tấp nập, nào cáng, nào xe, nào gánh, nào khiêng vác, vè tát bột. Xen trong đám đông của dòng người nổi bật lên những cô gái áo tím, áo đào, áo nâu, nón thúng quai thao, nón gò gang, ô cánh dơi, ô trắng, ô đen... Côn níu tay cha lại:

- Cha ơi! Cha có tiền trong túi không hả cha?

- - Con muốn mua cái chi nào?

Còn chi tay về chỗ bà già gầy gò, đội chiếc nón mê, trước mặt là chiếc mẹt con cũ kỹ, đứng bên cạnh bà già là hai chị em cô bé bằng sắp tuổi anh em Côn, gầy gò xương, áo không, người lấm lem:

- Con muốn cha biếu ba bà cháu ăn xin ni một ít tiền.

Khiêm gật đầu:

- Ô, Côn nó nói phải đó, cha ạ. Cha cho bà cụ ni ít tiền đi cha.

Anh Sắc vét trong túi áo được một ít tiền lẻ, bỏ vào mẹt cho bà cụ: “Chúng tôi biếu bà cháu cụ chút ít tiền mua lẻ gạo để đỡ lòng”.

Bà cụ chấp tay vái “Lạy thầy... lạy cha con thầy mới vái. Xin trời phật phù hộ cho cha con thầy được nhiều tài nhiều lộc...” Hai đứa bé thì nhìn ba cha con người cho tiền một cách biết ơn. Anh Sắc bước chậm rãi, nói với hai con:

- Các con xem, những người đói khát đi ăn xin đây đường thế kia, ta lấy đâu ra tiền của mà cho khắp lượt được? Vả lại, ta có cho họ một bữa ăn thì cũng chỉ là trợ đói cầm hơi được một ngày chứ chưa cứu họ thoát khỏi con đường đói khát.

- Con thấy số người nghèo nhiều hơn số người giàu, phải không cha?

- Phải rồi. Ở nơi nào cũng vẫn là cảnh người nghèo khổ đông hơn người giàu. Mà người giàu tiền giàu của thì ngồi trên đầu trên cổ người



nghèo, các con ạ. Các con cứ hình dung cái nón chóp úp sấp nó thế nào thì sự sắp xếp kẻ giàu người nghèo ở trên thế gian này cũng thế.

Côn hỏi lại:

- Tức là, số kẻ giàu chỉ bằng cái chóp mà người nghèo nhiều như cái vành nón, cha nhé?

- Đại để là như vậy.

Vào tới cửa chợ Xếp, Côn tần ngần nhìn hai dãy những thầy bói ngồi trên chõng tre, trước mặt là cái tráp, cái mai rùa... Người “kêu rêu” ngồi bệt dưới đất vái vái những người đi qua đi lại... Ông già mù hát dạo ngồi trong mảnh chiếu con kéo nhị... Côn vụt nhớ về quê nhà: hình ảnh bà ngoại, dì An, chị Thanh, đàn gà trên sân, tổ chim sẻ trên hời nhà, tiếng sáo diều đêm trăng, làn ví dặm của các cô phường vải, và ông già Xẩm ngồi trên manh chiếu bên gốc cây đầu làng. Bên tai Côn còn văng vẳng tiếng ông Xẩm nói: *Mắt mù không đáng sợ bằng sáng mắt mà tìm mù*. Rồi ông thường ca: “... Trách ông trời chuyển vận làm sao... Thiệt công bao kẻ anh hào ra tay... Nước Nam ta sao lại có Tây...”.

Hình ảnh ông già mù hát dạo đã thoát biến vào dòng nghĩ lộn xộn của Côn. Và Côn đã bị hút vào những âm thanh ồn ào, cảnh tượng hỗn độn, náo nhiệt của chợ Xếp. Hai anh em Côn muốn reo lên khi nhìn thấy hàng dãy những đồ chơi tết Trung thu.

Khiêm năn nỉ cha:

- Cha mua cho chúng con cái đầu sư tử và cái đèn ông trăng kia... cha...

Anh Sắc về mặt thoáng buồn:

- Cha cũng muốn các con có những đồ chơi đẹp trong đêm tết Trung thu đầu tiên ở đất “thần kinh” ni. Nhưng... cha sắp vào trường học, ta đành nhịn đồ chơi để tiền mua sách, mua giấy bút, các con ạ.

Anh Sắc đưa hai con đi khỏi khu vực bán đồ chơi, Khiêm và Côn đi bên cha mà vẫn ngoái nhìn trở lại những cái đèn ông trăng, những đầu sư tử... cứ nhảy múa trước ánh mắt thơ ngây.

Đến trước một cửa hàng sách, anh cử Sắc mua cho hai con bộ sách: Sơ học vấn tân và Ấu học ngũ ngôn thi. Anh nói với hai con:

- Hồi cha mới nhập môn (ý là mới vào trường) chỉ được chép bài do thầy đọc chứ không có sách riêng. Hai bộ sách ni là do người nước Nam ta soạn cho người Nam ta học.

Hai anh em Khiêm và Côn cầm hai cuốn sách, vẻ hào hứng nhưng vẫn chưa hết ước ao món đồ chơi tết Trung thu. Anh Sắc mua thêm bốn bộ sách: Minh tâm bảo giám, Luận ngữ, Trung dung, Mạnh tử.

Ra khỏi cửa hàng sách, anh Sắc nói với hai con:

- Số tiền mua mấy quyển sách ni bằng tiền gạo một tháng ăn của nhà ta, các con ạ.

Bé Khiêm nhìn cha, vẻ ngạc nhiên:



- Mất nhiều tiền rứa, cha? Răng cha chẳng để rồi mượn sách về nhà mà chép cho đỡ tốn tiền, hà cha?

- Anh Khiêm nói phải đó cha ạ. Cha chép phần bài học của cha, chúng con chép phần bài học của chúng con. Con thấy nhiều bữa mẹ của con thềm trầu mà cố nhịn vì cau đất, không dám mua cha ạ.

- Cái đáng chi tiêu thì không thể dè sẻn được, các con ạ. Học, phải có sách. Trong sách Ấu học ngũ ngôn thì cha vừa mua cho các con, có dạy: Di tử kim mẫn doanh, hà như giáo nhất kinh.

Anh Sắc chưa kịp giải thích thì Còn đã hỏi:

- Nghĩa là gì hả cha?

- Tức là để cho con hòm vàng đây không bằng dạy con một quyển sách. Các con rõ chưa?

- Sách nói hay quá, cha nhé. - Khiêm tấm tắc.

- Còn có câu nào hay như câu ấy nữa không cha? - Còn ngây thơ hỏi cha.

Anh Sắc cười:

- Quyển sách con đang ôm trong tay có những hai trăm bảy mươi tám câu, mỗi câu năm chữ. Các con rồi sẽ học lần lần bằng hết ngàn ấy câu. Cha ngẫm thấy câu nào trong quyển sách ấy cũng đáng nhớ, nhớ để làm được như sách dạy. Chẳng hạn câu: *Dưỡng tử giáo độc thư, thư trung hữu kim ngọc*, nghĩa là: Nuôi con phải biết dạy con đọc sách, vì trong sách có vàng ngọc. Cho nên sách đắt tiền, nhà ta còn túng thiếu, cha mẹ phải

nhìn các thứ khác để mua sách cho các con học.

Nghe cha nói với một giọng trầm, tha thiết, Khiêm và Côn xúc động lặng người. Hai anh em đi bên cha, lặng lẽ ra khỏi khu chợ Xếp. Anh cử Sắc để ý thấy nét mặt của hai con không hồn nhiên như cũ vì xúc động điều anh vừa nói. Anh càng hiểu thêm là con mình đã sớm cảm nhận được những việc của cha mẹ lo âu.

Trên đường, một cô bán chè mặc áo dài trắng, hai đầu gánh là những cái trẹt chõng ba, chõng bốn tầng bát chè đầy, đủ các loại chè, dăng đi uyển chuyển, giọng rao thánh thót. Khiêm và Côn níu tay cha dừng lại nhìn cô hàng chè đi như múa mà những bát chè đầy không hề sánh ra ngoài.

Anh Sắc ngở các con đói bụng, vời ăn chè. Anh gọi cô hàng chè rong, nhưng cô ta chưa nghe thấu thì Khiêm đã kịp thưa với cha:

- Con ưa nhìn kiểu gánh chè như múa chứ nỏ thèm ăn chè mọ, cha ạ.

Côn "hứ" anh một tiếng, nói với cha:

- Con... con có thèm chè ngọt cha ạ. Nhưng... con nỏ thích ăn ở dọc đường mọ. Về nhà mẹ nấu chè cho con ăn, thích hơn, phải không cha?

- Vì sao con lại không thích ăn quà ngoài đường? - Anh Sắc hỏi Côn.

- Mẹ dặn: Các con là con nhà có chữ thì phải biết trọng biết giữ... Đừng hám miếng ăn để rồi ai cho gì cũng lấy, gặp đâu ăn đó, mất nền nếp của con nhà lành.

- Phái rồi. - Anh Sắc nhìn hai con - Các con



luôn luôn nhớ lời mẹ dặn, là rất tốt.

Bóng ba cha con đổ dài trên đường lớp lớp bóng người qua lại. Bước theo cha, tâm hồn thơ ngây của bé Côn lắng vào âm vang chiều kinh đô Huế: tiếng trống thành điểm, tiếng ngựa hí ngoài đồn xa. Hoàng hôn buông xuống nhuộm tím dòng Hương Giang. Sương chiều thấp thoáng giăng sa. Tiếng chuông chùa bay bay trong bầu trời Huế. Khiêm, Côn bỗng giật mình vì những tiếng súng trên kỳ đài nổ vang. Chín hồi trống ở Ngọ Môn nổi lên giống giả. Côn hỏi cha:

- Có chuyện chi rứa, thưa cha?

- Đã đến giờ đóng cổng thành đó con. Từ giờ trở đi không ai được ra hoặc vô thành nội. Chìa khóa cửa thành do một quan đề đốc giữ. Sáng mai quan đề đốc mới đưa chìa khóa cho người mở cổng, sau lúc đó súng lệnh và trống “khai môn”, các con ạ.

Ở thành nội không lâu, Côn đã có nhiều bạn học chơi thân mà thân nhất là Công tôn nữ Huệ Minh. Huệ Minh thuộc dòng dõi nhà vua, hơn Côn vài ba tuổi. Diệp Văn Kỳ là con ông Diệp Văn Cương người Sài Gòn, làm quan thông ngôn tiếng Pháp ít lâu cho vua Thành Thái, Kỳ cùng sắp tuổi với Côn. Tuy nhỏ tuổi nhất, bé Côn vẫn làm trung tâm trong đám “học trò thành nội” của “ông cử Nghệ”. Côn thường rủ bạn ra chơi ngoài Phu Văn Lâu. Côn hay đặt câu hỏi với các bạn mỗi khi thấy một cảnh trí lạ, một việc lạ hiện ra trước mắt. Hôm đầu tiên ra ngồi bên đá gần Phu

Văn Lâu, chơi trò “ném cóc nhảy” trên sông Hương, Côn nhìn về dãy núi phía tây nam thành Huế, hỏi Công tôn nữ Huệ Minh:

- Mẹ⁽¹⁾ ơi mẹ, con sông ni có tên là Hương, cái lâu kia là Phu Văn Lâu, cái cửa lớn ở chính giữa là Ngọ Môn, cửa bên là Thượng Tứ, là Đông Ba. Vậy cái hòn núi tận xa kia tên là chi, hả mẹ?

- Hòn núi nớ tên là Ngự Bình, Côn ạ.

- Ngự Bình... - Côn chau mày, hỏi gạn: - Hương Giang là sông thơm. Vậy... Ngự Bình nghĩa là gì, mẹ có biết không?

- Hòn núi nớ thỉnh thoảng được hoàng thượng tới ngồi ngắm cảnh, nên gọi là “Ngự”. Núi ấy lại giống như cái bình phong chắn phía tây nam cho cung thành, nên gọi là “Bình”.

Côn lại nói:

- Chỗ tụi mình thường ngồi chơi ni thì nên đặt tên là bến Ngự Đồng, nghe.

Công tôn nữ Huệ Minh hơi sững sốt nhìn Côn, Khiêm thì trề môi: “Vẽ chuyện”. Kỳ hào hứng: “Côn sáng ý lắm. Ta nên đặt tên cho những nơi chúng mình hay tụ họp nhau lại chơi”.

Huệ Minh vẽ ngao ngán:

- Chúng mình đã phạm thượng! Vua là đáng thiên tử. Chúng mình thuộc quyền chân đất của vua. Cho nên từ quan chí dân không ai được làm việc chi ngoài sự quy định của nhà vua.

(1) Dưới thời nhà Nguyễn, con trai thuộc dòng họ nhà vua gọi là mu, con gái là mê.

Còn chớp chớp mắt nhìn về phía điện Thái Hòa, nhớ lại đã có lần bà ngoại nói với Côn: “Vua là con trời...” Côn chưa thể tin mà thấy một câu hỏi hiện lên trong ý nghĩ, liền hỏi Huệ Minh:

- Trời là cha của vua sao trời lại để cho người Tây dương đến bắt vua nước Nam ta phải ở dưới quyền cai trị của họ?

Huệ Minh và cả đám bạn nhỏ mặt tái mét nhìn sang phía tòa khâm sứ, nhìn quanh bốn phía, sợ quan binh Tây nghe thấy.

Khiêm mắng em:

- Tau về mách với cha. Không thì... có ngày mi bị họ cắt lưỡi về cái tội nói nhảm, nghe.

Côn không chịu thua:

- Anh mách cha chuyện ni thì em cũng sẽ mách cha về tội anh đã ném chim trên cây gân đại nội, suýt nữa thì bị chú lính khố vàng chop được.

Kỳ dàn hòa:

- Cho qua... cho qua hết. Còn cái chỗ chúng mình ngồi chơi ni thì gọi là “bến Ngự Đồng” như Côn nó đã đặt tên.

Công tôn nữ Huệ Minh dỗi bỏ về. Côn đưa đám bạn nhỏ ra bờ sông con chơi trò “nói điện thoại”.

Dưới nắng trưa, con sông Đông Ba loang loáng màu đồng thau. Khiêm, Kỳ cầm cái ống bơ bưng bằng da ếch kéo theo một sợi dây tơ giăng dài bên sông. Côn và một nhóm khác cũng cầm một đầu sợi dây tơ ghim vào mặt ống bơ da ếch, lội sang sông. Côn nâng cái ống bơ lên miệng gọi: “A-lô...

a-lô... nghe rõ không?” Có tiếng đáp: “Nói to lên... chưa rõ lắm!”.

Chị cử Sắc từ trong thành cấp bên nách cái rổ đi ra phía bờ sông. Một bạn nhỏ thấy mẹ của Côn liền giục cuống cuống: “Mẹ của mi... Côn ơi! Trốn mau đi” Côn ngược nhìn về phía mẹ. Khiêm và các bạn nhỏ đều đã trốn vào bụi cây ven sông.

Chị cử Sắc vì bị nắng quáng nhìn mãi mới nhận ra con trai thứ của mình đang đứng trầy trầy giữa nắng bên sông. Chị gọi to:

- Côông! Về nhà ngay! Thằng Khơm mô nữa rồi! Ở... Con nhà hư rồi, ra tận ngoài sông nì mà dầm nước! Chết đuối có ngày mất con ơi!

Chị Sắc ghé vào bụi cây bẻ một cái roi. Kỳ kéo tay Khiêm chạy lủi lủi dọc bờ sông, gọi với Côn: “Chạy mau kẻo mẹ mi đập... Côn ơi...” Côn không chạy mà rời khỏi bờ sông đi tới với mẹ. Chị Sắc tay cầm roi, giục:

- Về nhà nằm để mẹ hỏi tội, mau lên!

Côn ngoan ngoan đi về nhà. Đám trẻ thành nội cũng lục tục đi tít đằng sau. Về đến trước cửa, chị Sắc nhắc:

- Rửa chân đã rồi vô phản nằm sắp xuống!

Côn nằm úp mặt xuống phản, hai tay ôm lấy mông dít đợi những ngón roi của mẹ. Chị Sắc ngồi xuống mé phản. Đám trẻ từ ngoài ngõ ngấp nghé nhìn vào. Chị Sắc dặt dặt cái roi xuống mông dít con:

- Côông!

- Dạ.

- Sao con không nghe lời cha mẹ dặn? Đã biểu là không được ra sông chơi đùa, lỡ sảy chân chết đuối!

Côn mếu máo, nói:

- Con trèo cây thì cha cấm, mẹ nhủ: “Nhà có phúc sinh con biết lợi, nhà có tội sinh con hay trèo” Giữ con tập lợi thì mẹ...

Chị cử Sắc phì cười mắng yêu: “Tổ cha cây thàng... Đã vụng chèo lại khéo chống!” Chị ném cái roi ra sân, vỗ mấy phát bàn tay xuống mông con và cười giòn, nói:

- Dậy! Mẹ tha đòn cho rồi đó. Đi gọi anh Khom về học bài. Cha ở Giám cũng sắp về rồi. Việc học là phải chăm chỉ. Học được nhiều chữ càng sáng mắt ra, con ạ. Mẹ thường được nghe ông ngoại nói với cha con: “Chữ là mắt. Người không có chữ là coi như người mù ở thế gian”, con ạ.

*

* *

Đêm kinh thành.

Từ ban chiều, gió trở hướng xe mây về phía cửa sông. Kinh thành tĩnh lặng và lắng sâu vào bao la. Những cây đèn kính hộp đứng từng dãy dài quanh đường thành vào đại nội đã được thắp sáng. Ngoài Cồn Hến, những ánh lửa thấp thoáng như sao sa và ánh đèn li ti của các con thuyền neo trên sông bông bà bông bành, mặt nước từ phía kinh thành lên tận Kim Long sáng màu ngọc.



Nguyễn Sinh Sắc ngồi xếp bằng trên phản, cùng uống rượu với quan thượng thư Bộ Binh Đào Tấn. Ba mẹ con chị cử Sở ăn cơm ở gian nhà dưới, không dám đụng mạnh đĩa bát, không dám



ho hay dặng háng một tiếng. Sự yên lặng của đêm kinh thành như lắng đọng vào gia đình người học trò xứ Nghệ này.

Cậu bé Côn không chịu nổi cái cảnh vắng lặng kéo dài. Côn cứ ngấp nghé ở cửa buồng nhìn mặt quan thượng thư. Côn nghe mẹ nói thì thầm với hai anh em lúc quan thượng thư Đào Tấn vừa mới đến nhà mình: “Một vị quan đứng đầu một bộ trong triều đến nhà một học trò nghèo mà không có lính cận vệ, không người hầu tráp đi theo là hiếm có ở đời đó, các con ạ”. Côn vừa ngẫm nghĩ điều mẹ nhận xét vừa quan sát diện mạo quan thượng thư Bộ Binh Đào Tấn. Côn cảm thấy cha mình với thượng thư Đào Tấn khác nhau về tuổi⁽¹⁾, giống nhau về cốt cách. Quan chỉ mặc có chiếc áo dài xuyến, quần bằng vải cát bá, chít khăn lượt, đi giày hạ (giày da láng, mũi nhái, hờ gót), giống như cha lúc đến trường Quốc tử giám. Hai người ngồi vừa bình văn vừa nhấm nháp vị “rượu tiến” của quan Đào Tấn đưa đến. Nghe được điều gì của cha nói, của quan Đào Tấn nói, không hiểu thấu, Côn đến hỏi mẹ. Nhưng Côn không thỏa mãn về những lời mẹ dẫn giải. Côn lại tựa lưng vào thành giường của mẹ, nghe cha trò chuyện với quan Đào Tấn.

- Thừa cụ thượng, kẻ hàn sĩ này trộm nghĩ: Quan đi đôi với quyền. Quyền sinh quyền sát. Vì thế mới có câu: “Nhất tự cách trùng”. Nhưng, cả

(1) Đào Tấn sinh năm 1845. Nguyễn Sinh Sắc sinh năm 1863

xứ Nghệ chúng tôi, ai ai đều lưu lại trong tâm trí cái đức sáng của quan tổng đốc Đào Tấn.

- Những năm ngồi trên ghế tổng đốc ở xứ Nghệ là thời gian có ích nhất trong đời làm quan của tôi. Bởi vì, người xứ Nghệ rất coi trọng lễ, nghĩa, liêm, si. Đúng như người xưa đã luận giải: Lễ - nghĩa - liêm - si là bốn cái rường cột để giữ vững quốc gia. Nếu người trong nước mà vô lễ, vô nghĩa, vô liêm, vô si thì quốc gia ấy ắt sụp đổ và có thể bị diệt vong.

Nguyễn Sinh Sắc vẽ thành kính:

- Những bậc tài mất ở Nghệ Tĩnh đều cho rằng, những vị thượng quan từ nơi khác đến chân dân xứ Nghệ, chỉ có cụ thượng là bậc túc nho hơn cả.

- Xin đa tạ về lời khen cao giá ấy. Thực tình, tôi đến ngồi ghế tổng đốc An Tĩnh chẳng khác người phải lĩnh trọng trách đến “đánh trống ở cửa nhà sấm”. Và cũng nhờ có được những năm sống trên đất Nghệ, tôi mới có thêm hiểu biết để sửa chữa vỡ tường Sơn Hậu, nâng tình bạn giữa Đồng Kim Lân với Khương Linh Tá vượt lên khỏi quy tắc của tường cũ.

- Đôi câu đối của cụ thượng ghi ở ngay cửa Tiền thành Vinh đã khiến cho hàng nghìn con mắt tinh đời của dân xứ Nghệ thán phục.

Quan Đào Tấn nhấp rượu, môi hé nở tươi, đôi lông mày dài quá mắt chuyển động. Ông nói:

- Đó là một tác lòng của kẻ công bộc cho dân xứ Nghệ.

- Thưa... Không dám, thưa quan thượng thư. - Anh cử Sắc xuýt xoa về câu nói khiêm nhường



của quan thượng thư Đào Tấn.

Quan Đào Tấn vẫn một giọng nhún nhường:

- Làm quan là làm người đầy tớ của dân chúng. Đó là điều tôi học người xưa. Ngày nay kẻ làm quan móc túi của dân mà không biết đồ mặt nhiều vô kể. Nhưng dân không dám đuổi cổ quan đi là bởi quan nhiều quyền, dân không có thế lực. Thiết tưởng dù dân không làm gì nổi thì kẻ làm quan đục khoét của dân vẫn lưu ở trên đời một tiếng xấu: “Nhân bất khả vô si”...(1)

- Thưa quan thượng: “Hành kỷ hữu si”...(2). Người xưa đã nói về những điều tốt đẹp ấy là rất quý, rất hiếm. Cái quý hơn, hiếm có hơn là quan thượng đã làm được những việc tốt đẹp trên bước hoạn lộ của mình. Vì vậy mà những học giả (người có kiến thức rộng) xứ Nghệ đã nhận ra được cái chân tâm (thật lòng) của quan thượng mà quan đặt vào đôi câu đối tại cửa Tiền thành Vinh.

Quan Đào Tấn hơi sững sốt, nhìn cử nhân Nguyễn Sinh Sắc, nâng ly rượu lên trước tầm mắt của hai người:

- Quan cử là người thứ hai. sau quan phó bảng Đặng Nguyên Cẩn, đã đọc ra cái điều sâu kín nhất trong đáy lòng của “Kẻ ở ẩn tại triều” này... Xin cạn với nhau ly rượu về sự tri nhân, tri diện, tri tâm (biết người, biết mặt, biết lòng) và - nét buồn hõng phủ lên gương mặt nhân từ của quan Đào Tấn - tôi xin báo một tin buồn với quan cử là:

(1) Người không biết xấu hổ thì không còn là người nữa (lời Mạnh Tử)

(2) Phải biết giữ mình, làm việc bày là xấu hổ (lời Mạnh Tử)

Quan ngự sử Phan Đình Phùng đã... từ trần trên núi Quạt.

- Ôi! - Anh cử Sắc đánh đổ ly rượu xuống chiếu

- Quan ngự sử mới bốn mươi... chín tuổi!

- Tin báo về triều - quan Đào Tấn giọng run run - là Nguyễn Thân đã cho binh lính tìm được mộ quan ngự sử và đào lên, thiêu thi hài thành tro rồi nhồi với thuốc súng bắn xuống dòng sông La!

- Quan ngự sử và Nguyễn Thân đều được lịch sử lưu lại. Nhưng danh thơm thuộc về quan ngự sử, tiếng nhục của Nguyễn Thân dù rửa cạn nước sông Trà Khúc cũng không sạch.

- Tôi vừa làm xong câu đối diếu quan ngự sử, xin đọc để quý quan bình cho.

Giọng quan Đào Tấn lúc trầm lắng xót xa, lúc sôi nổi, giận dữ. Qua từng chữ từng câu trong đôi câu đối, anh Sắc hiểu được những suy tư cao cả, sâu kín trong tâm hồn ông. Anh càng cảm thông và kính phục quan Đào Tấn, một vị văn quan đương tại triều này. Anh xúc động lau nước mắt. Ngọn đèn tọa đăng run rẩy. Gió lạnh tràn qua mái tranh để lại cái rét buốt trong nhà người học trò xứ Nghệ.

Còn mãi nghe chuyện quên cả buồn ngủ. Lúc cha tiễn quan thượng thư Đào Tấn ra tận hàng đèn ngoài đường thành, Còn mới nằm xuống ôm lấy anh Khiêm cho ấm. Nhưng Còn còn hỏi với sang mẹ đang ngồi dệt vải:

- Ông Phan Đình Phùng chết là hết người đánh Tây, hà mẹ?



- Ngủ đi con. Ngày con khôn lớn con mới hiểu cái việc hệ trọng ấy.

Côn nhắm mắt: hình ảnh chàng Thạch Sanh hiện đến. Côn lại mở mắt và vẫn cảm thấy ngứa ngáy trong lưỡi, nói:

- Nghe mẹ kể chuyện Thạch Sanh, ước chi con cũng có phép thần thông, có cây đàn thần thì con cũng sẽ gảy đàn cho giặc Tây ngủ hàng loạt, thu hết súng ống về, rồi nấu cho chúng một niêu cơm ăn mãi không hết, trải chiếu hoa trên đường, tổng tiến chúng về Tây.

Chị cừ Sắc mỉm cười giục con:

- Đã biểu ngủ đi. Cha mi vô kia rồi. Ngủ đi con, khuya lắm rồi.

7

Anh cử nhân Nguyễn Sinh Sắc lại rớt khoa thi Hội Mậu Tuất (1898). Một số bạn thân của anh Sắc đang làm quan tại triều Thành Thái khuyên anh thôi việc học, ra làm quan vì đã ba mươi lăm, ba sáu tuổi mà các con đã đến tuổi ăn học, vợ thường bị đau yếu luôn, cuộc sống trong gia đình càng ngày càng eo hẹp. Nhưng, anh cử Sắc vẫn không nao núng chí học của mình.

Quan thượng thư Bộ Hình⁽¹⁾ Đào Tấn thông cảm cảnh nhà túng thiếu và rất trọng nề cái chí, cái tâm của cử nhân Nguyễn Sinh Sắc. Quan Đào

(1) 1897-1898 Đào Tấn giữ chức thượng thư Bộ Hình

Tân đã bàn bạc với ông Nguyễn Viết Chuyên, một người dưới quyền của ông tại Bộ Hình, nên đón cử nhân Nguyễn Sinh Sắc về dạy học trong nhà. Ông Chuyên người làng Dương Nổ, xã Phú Dương, huyện Phú Vang. Ông có người con trai sắp đi thi Hương đang cần mời thầy dạy thêm. Nay ông Chuyên được quan thượng thư Đào Tấn mời giúp “ông cử Nghệ” nổi tiếng hay chữ và là người “học tài thi phận” về ngồi dạy cho con học ngay trong nhà.

Khi về Dương Nổ, anh cử Sắc cảm thấy việc ở trong gia đình ông Chuyên, một nhà quan khá sang trọng, không hợp với cảnh của mình có hai con theo ăn học. Anh cử Sắc nhận đến ở nhà ông Nguyễn Độ. Nhà ông Độ giàu, sẵn có ngôi nhà ba gian hai chái chỉ để thờ đấng họ nhà vợ. Ba cha con anh Sắc ở gọn trong ngôi nhà riêng biệt này. Gia đình ông Độ nhận phần nuôi cơm cả ba cha con thầy. Những học trò khác thì đóng tiền học hằng tháng cho thầy, tùy tâm của mỗi người. Một số học trò cũ ở thành nội cũng theo thầy cử Sắc đến Dương Nổ trọ học. Công tôn nữ Huệ Minh không thể đi trọ học xa nhà được.

Anh cử Sắc vừa phải đến Quốc tử giám dự các buổi bình văn, ôn bài để rồi dự thi Hội khoa Tân Sửu (1901), vừa phải hằng ngày dạy cho những học trò với nhiều lứa tuổi, nhiều trình độ khác nhau. Riêng lớp học trò chuẩn bị đi thi Hương có tới sáu người. Loại học trò nhỏ khoảng bảy, tám em. Còn bé nhất mà cũng có khiếu học trội nhất.

Mới lên tám tuổi, Côn đã có một trí nhớ khác thường.

Hôm anh Sắc đi tiễn quan Đào Tấn về phụng dưỡng mẹ ốm, anh ra bài cho lớp học trò nhỏ trong hai ngày phải học thuộc và viết trăm mười lăm trang, mỗi trang mười sáu dòng của sách Luận ngữ. Anh Sắc đi hôm trước, sáng hôm sau đã về. Lúc về đến xóm Dương Nổ Đông, anh thấy Côn đang ngồi câu cá dưới bến với mấy bạn học. Đám học trò nhìn thấy thầy định chạy trốn, nhưng không kịp. Côn thì vẫn bình tĩnh đặt cần câu xuống, lấy bàn chân dẫm lên, khoanh tay trước ngực, lễ phép:

- Thưa cha... cha đã về... ạ.

Anh cử Sắc vẫn chưa nguôi cơn bực tức với đám học trò đang giờ học bỏ đi câu cá. Anh hỏi, giọng nghiêm khắc:

- Trò nào đầuêu cái việc đi câu cá giữa buổi học?

Mấy gương mặt thơ ngây nhìn vào mắt nhau lúng túng, sợ hãi. Côn hơi run, nói:

- Thưa... thưa cha... con rừ... rừ bọn chúng nó đi ạ.

- Côn! - Anh Sắc quát mắt. - Con phải nói lại.

- Dạ... thưa cha, con rừ các anh cùng đi chơi ạ.

- Sao vừa rồi con lại vô lễ, gọi các bạn học của con là “chúng nó”?

- Dạ, con sợ quá, nói lú lộn đó, thưa cha.

Anh cử Sắc mỉm cười. Anh hỏi Nguyễn Sĩ Khuyến:

- Hôm qua thầy đã dặn trò những gì lúc thầy ra đi?

- Dạ, thưa thầy... thầy dặn con ở nhà coi việc học bài, viết tập của cả lớp, không được rủ nhau đi chơi xa ạ...

- Trò nhớ lời ta dặn sao trò còn kéo nhau ra đây câu cá giờ này?

- Thưa thầy... anh Côn⁽¹⁾ bảo đi câu cá cho thoáng mát trong đầu rồi về học sẽ chóng thuộc bài.

Anh Sắc cố nén nụ cười, đôi môi tươi tắn hẳn lên. Anh hỏi Diệp Văn Kỳ:

- Trò Kỳ đã học thuộc bài chưa?

- Bẩm thầy, con cũng chưa thực hết cả bài ạ.

- Trò Khuyến thuộc bài rồi chứ?

- Thưa thầy con cũng chưa thực hết ạ.

- Côn đâu tiêu việc đi chơi thì...

- Dạ... thưa cha, con đã thuộc cả mười lăm trang rồi ạ.

Anh Sắc nhìn con vẻ nghi ngờ. Anh định bụng “phạt” tại chỗ để Côn đỡ chủ quan. Anh bỏ cái nón dứa ra khỏi đầu, giục đám học trò:

- Cả các trò nữa, đi vô bóng mát để nghe Côn nó đọc bài coi.

Côn nháy mắt với Kỳ. Biết ý bạn, Kỳ lui lại sau nhặt cái cần câu đem theo đến bóng cây cổ thụ. Anh cử Sắc ngồi xuống bên gốc cây vẫy theo hai cậu học trò ngồi xuống bên cạnh; Côn ngồi đối diện với cha. Anh Sắc dáng ung dung kiểm tra

(1) Con thấy dù ít tuổi hơn, các học trò thường phải gọi bằng anh.

bài học của con:

- Nào. Trờ Côn bắt đầu đọc bài.

Côn khoanh vòng tay trước ngực đọc một mạch, không vấp một tiếng nào. Khuyến, Kỳ mắt tròn xoe nhìn bạn Côn đầy thán phục. Anh cử Sắc cũng ngạc nhiên trước trí nhớ ở cái tuổi lên tám của con trai mình. Anh bồi hồi liên tưởng đến cái đêm ngồi với bố vợ, đốt hương trầm, uống rượu tìm chữ đặt tên cho con: Nguyễn Sinh Côn, tự Tất Thành...

Côn đọc xong bài học. Anh cử Sắc đưa cho Côn cái que bằng chiếc đũa:

- Con viết lên mặt đất bài học mà con vừa đọc.

Côn lấy bàn tay phải nhữn cở rác trên vuôn g đất. Côn quỳ trệt chân trái xuôn g đất, chân phải co xỏm, mặt hơi cúi nghiêng nghiêng, tay viết lia lịa, chữ hiện lên từng hàng đều đặn kín cả ô đất màu gan gà.

Anh cử Sắc đặt bàn tay êm ái lên đầu con:

- Viết từng ấy dòng cũng đủ rồi con ạ.

Côn để cái que bút xuôn g, nhìn cha, thờ một hơi dài nhẹ nhõm. Anh Sắc với cặp mắt nhân từ nhìn con, nói:

- Con đã thuộc bài, các bạn của con chưa thuộc mà con rủ bạn đi câu cá là phạm lỗi. Cái lỗi ấy là: con chỉ thấy phần mình đã xong, không nghĩ đến phần người khác, như vậy là ích kỷ. Con đã rõ chưa?

Côn hơi cúi xuôn g:

- Dạ, con đã rõ, thưa cha.

Mặt trời đã đứng bóng. Anh cử Sắc đi thùng

thỉnh, ba cậu học trò bước theo sau trên con đường làng man mát bóng tre.

8

Chị Sắc sống thui thủi một mình trong thành nội. Tuy chồng, con ở cách xa không đáng kể mà nỗi nhớ cứ trập trùng trong lòng chị. Hình ảnh bé Côn cứ cuộn tròn trong nỗi nhớ của chị suốt ngày. Nhất là về đêm, nằm một mình trong ba gian nhà trống vắng, chị Sắc càng thấy cái nỗi nhớ quấy mạnh. Và từ nỗi nhớ gần kéo theo nỗi lo xa. Chị lo: Mẹ già như chuối chín cây. Ở ngoài quê nhà, không biết mẹ của mình trong mấy năm qua thiếu bàn tay săn sóc của vợ chồng mình, mẹ sống ra sao? Em gái mình liệu có làm tròn việc phụng dưỡng mẹ sớm hôm như mình đã dặn dò lúc ra đi? Bé Thanh vắng cha mẹ, nó có ngoan với bà, với dì không? Nó còn chăm học chữ với thầy Quý như lúc cha mẹ còn ở nhà? Việc đồng áng nó có chịu thương chịu khó với dì An không? Tay dệt, tay kim chỉ, chắc là nó có khéo hơn? Nó đã xấp xỉ tuổi mười sáu! Cái tuổi ấy mình đã sinh con đầu lòng! Mình đã sớm bước vào đời làm vợ, làm mẹ! Mình không có tuổi xuân bay nhảy như các bạn gái ở làng mình! Mình ru con nhiều hơn là được hát!

Chị cứ Sắc - Hoàng Thị Loan chẳng những không khóa được nỗi nhớ người thân mà ngày càng thấy nỗi nhớ rộng thêm, sâu thăm thẳm. Chị

đành phải bàn với chồng đưa bé Côn trở về thành nội ở với chị.

Cậu bé Nguyễn Sinh Côn lại sống bên cạnh mẹ trong những ngày tháng mẹ đau yếu và sắp sinh em. Hằng ngày, Côn đi theo đấm trể thành nội hái cành củi khô trên các hàng cây cao để mẹ có củi đun bếp. Hôm đầu tiên, Côn đội một bó củi về, mồ hôi nhễ nhại, chị cử Sắc hốt hoảng:

- Ấy... chết! Con ơi! Ai bảo con đi mần cây việc nì?

- Con thấy mẹ phải lượm từng chiếc lá khô quanh nhà làm cái đun nên con giúp mẹ một tay mà.

- Mẹ đã dặn con không được trèo cây kia mà!

- Các anh lớn hơn con trèo bẻ cành khô ném xuống. Con ở dưới lật xếp lại thành đống. Rồi các anh ấy chia phần cho con, mẹ ạ.

- Nhưng mà... con phải học bài, phải tập viết cho chữ đẹp kẻo cha con về rầy mẹ không nhắc con chăm chỉ việc sách đèn.

Côn kéo dài giọng:

- Ba a... ngày cha mới về ra bài một lần cho con học. Con chỉ nhảm một buổi sáng là thuộc lâu hết, mẹ ạ - Côn lấy một cái gì đó trong túi áo ra khoe: - Mẹ ơi, các anh ấy cho con con ve sầu. Thích lắm! - Côn nhấn ngón tay vào bụng con ve, tiếng “ve... ve...” cất lên.

Chị Sắc cười, nhắc nhở:

- Nước dãi của ve sầu hôi, ngứa đó con ạ.

Vào bữa cơm, Côn thấy mẹ ăn ít quá, về lo âu

hiện lên trong ánh mắt của Côn:

- Mẹ ơi!

- Chi rửa, con?

- Mẹ... mẹ đừng ồm, mẹ nhớ!

- Mẹ chỉ mệt trong người thôi. Vì mẹ sắp sinh em cho các con mà.

- Mẹ sinh em gái, chớ sinh em trai cứng đầu khó bảo, mẹ nhớ!

- Răng con lại nói rửa?

- Cha bảo vậy, mẹ ạ?

Chị Sắc nhìn con cười, một nụ cười chứa đựng ở bên trong nỗi lo âu... Côn đặt bát xuống mâm, cái mâm gỗ nứt đã tróc hết sơn, thủ thi:

- Mẹ cho con theo mẹ Công tôn nữ Huệ Minh vô xem lễ Vạn Thọ (sinh nhật vua), mẹ nhớ.

Chị cử Sắc ngạc nhiên:

- Trời đất! Con to gan rửa? Là hạng thứ dân, ai để cho con vô nơi sân rồng, điện ngọc?

- Mẹ Huệ Minh bảo trẻ nít chẳng ai để ý đâu mẹ ạ, và mẹ còn nhận con là em, cho con mượn quần áo hàng hoàng thân. Mẹ đừng lo.

- Nhưng con vô chỗ đó liệu có ích chi?

- Dạo con ở quê nhà, con đã hứa với bà ngoại là lúc vô kinh đô con sẽ tìm cách nhìn bằng được mặt vua để rồi kể lại với bà khi con được về thăm bà...

Đến hết thiết triều các hoàng tử đi trước, tiếp sau là các chư công rồi tới các hoàng thân tiến vào điện Thái Hoà. Các quan văn, võ và các tôn tước từ tam phẩm trở lên đứng ở Đơn Bệ, từ tứ



phẩm trở xuống đứng tại Long Trì. Tất cả các quan đều đứng theo thứ tự phẩm hàm đã khắc trên bảng đá nhỏ, gọi là phẩm sơn. Buổi lễ thiết triều này, viên khâm sứ và đám quan binh Tây cũng có mặt chỗ hồ giữa điện Thái Hoà. Dọc hai bên Long Trì có các đội nhạc. Ngoài Ngọ Môn, các đơn vị tượng binh, kỵ binh được dàn thành đội hình hướng vào sân rồng.

Từ trên lầu Ngũ Phụng của Ngọ Môn, vọi đồng nổi lên chín tiếng. Côn nghe cảm thấy rờn rợn, da nổi gai ốc. Nhưng hai mắt Côn gương rộng, không nhấp nháy, nhìn vua Thành Thái ngự trên kiệu rồng từ điện Cần Chánh, đi qua Đại Cung Môn vào điện Thái Hòa. Vua còn rất trẻ, mặt hơi trái xoan, mũi thẳng, mắt xếch, lông mày thanh, dài quá mắt, môi đỏ tươi, cằm có rãnh sâu. Vua đội mũ cừu long, tay cầm hốt ngọc, áo gấm, cổ đeo chuỗi ngọc sa xuống trước ngực chiếc kim thánh hình bướm trên đó đúc bốn chữ nổi bằng vàng: “Đại Nam Hoàng Đế”.

Vua bước lên ngai vàng, ngời hướng mặt về Nam. Nhã nhạc nổi lên. Các quan làm lễ lạy vua năm lạy. Một quan đại thần hai tay nâng trước mặt một tờ hạ biểu⁽¹⁾, đầu hơi cúi, bước đi lừ đừ, mũ cánh chuồn rung ra rung rinh, bộ râu ba chòm màu cước phủ trắng ngực áo. Ông quỳ xuống trước ngai vàng, dâng lên vua tờ hạ biểu, các quan đều phủ phục xuống sân rồng và lạy tạ năm lạy

(1) Biểu chúc thọ

nữa. Quan đại thần hạ biểu xong lui xuống. Quan thượng thư Bộ Lễ tiến lên tâu với vua: cuộc lễ Vạn Thọ đã xong. Vua nâng hốt ngọc lên phía trước quần thần và từ từ bước lên xa giá trở về nội cung...

Sau buổi xem lễ Vạn Thọ về, Côn bị cảm, nóng đầu. Chị cử Sắc lo quá. Chị vừa sờ trán con vừa hỏi, về hệ trọng:

- Có lẽ con đã nhìn mặt vua mà không được vua ưng nên bị quở phạt, hở con?

- Nỏ phải mô, mẹ ạ. Con bị cảm là do con đứng bị gió hất vô giữa mặt.

Côn thì thăm với mẹ:

- Mẹ ơi!

- Chị rứa con?

- Con thấy vua, người nhà vua, các quan trong triều mặt mũi đều bình thường như mọi người mà sao họ sướng gấp vạn lần, còn dân lại không được lấy một lần là bởi tại đâu, hả mẹ?

Chị cử Sắc tái mặt, bịt bàn tay lên miệng con:

- Ôi cha! Con còn bé mà... mà... Đã bảo ở gần cung vua con phải giữ mồm giữ miệng...

Mùa hè năm cuối cùng của thế kỷ mười chín.

Một hôm Côn đang cặm cuội hon từng đồng lá dưới hàng cây thì một bà hàng xóm chạy ra, gọi:

- Côn ơi! Mẹ cháu đau bụng chuyển sinh rồi.

Côn hót vọi những đồng lá vào sọt, na bèn lưng, chạy vọi về nhà. Côn ném cái sọt lá vào một góc sân, chạy vào buồng với mẹ. Chị Sắc vừa rên vừa nói:

- Con có dám đi sang Dương Nổ gọi cha về



ngay không?

- Con đi gọi bà mụ (bà đỡ) cho mẹ đã.

- Mẹ đã nhờ người đi mời bà mụ rồi.

Còn vội khoác cái áo năm thân, vừa đi vừa cài khuy. Nắng chiều xiêu xiêu trên thành nội. Bóng Côn ngã dài trên ngõ vắng ngập lá vàng rơi.

Ngày tối hôm đó, anh cử Sắc cùng con trai từ Dương Nổ về thành nội. Chị Sắc đã sinh con trai. Anh đặt ngay tên cho đứa con út là Nguyễn Sinh Nhuận. Anh giải thích với vợ:

- Đã gần mười năm, nay nhà (mình) mới sinh thêm một lần nữa. Vì vậy tôi đặt tên cho con là Nhuận. Nhuận nghĩa là thêm. Ví như “năm nhuận” là năm có đôi ra một tháng.

- Mình không đặt tên chữ cho con à? - Chị Sắc hỏi chồng.

- Tự của nó là Tất Danh. Nhà nhớ cho con nhé.

Chị Sắc nhấm nhở trong trí: Nguyễn Thị Thanh, tự Bạch Liên; Nguyễn Sinh Khiêm, tự Tất Đạt; Nguyễn Sinh Côn, tự Tất Thành; Nguyễn Sinh Nhuận, tự Tất Danh... Chị Sắc muốn được trò chuyện với chồng nhiều, nhưng trong người mệt mỏi như muốn đứt hơi! Anh cử Sắc quạt muỗi, đắp chăn vải mỏng cho hai anh em bé Khiêm, Côn ngủ. Anh khơi to ngọn đèn, giờ bộ sách thuốc ra đọc. Anh kê từng vị thuốc ra giấy và nỗi lo lắng về tình trạng sức khỏe của vợ dấy lên trong lòng anh. Anh trăn trở mãi và đành phải cho vợ biết ngay việc anh sắp phải đi xa:

- Nhà vừa ở cũ, lại không được khỏe. Tôi thấy

khó xử với lệnh trên truyền xuống giữa lúc cảnh nhà quần bức này.

- Có chuyện chi mà hệ trọng lắm vậy nhà?

- Quan tế tửu mới vừa chuyển lệnh của quan thượng thư Bộ Học chọn cử tôi đi Thanh Hóa coi thi Hương.

Chi cử Sắc thờ dài não ruột:

- Cổ nhân đã dạy: “Sứ trời sớm giục đường mây, phép công là trọng niềm tây xá nào”⁽¹⁾. Nhà cứ yên tâm đi làm việc lớn mà triều đình đã sắp đặt. Việc nhà, xin nhà đừng bận tâm lo nghĩ nhiều mà hao tổn tâm thần, nhãng sao phần đèn sách.

- Thi cử là công việc tuyển chọn người học vấn chân tài. Tôi không thể từ chối được. Hiềm một nỗi... nhà... nhà đang bệnh... Bệnh sản sau ngày sinh nở là độc lắm. Tôi vắng nhà, việc lo liệu thuốc thang chẳng có ai. Bé Khiêm nó cũng sẽ đi với tôi. Bé Côn còn trẻ nít, nó xoay xở sao nổi cái công việc mà người lớn cũng còn thấy bất lực kia mà!

- Nhà cho con đi hầu tráp, tôi yên cái bụng. Mẹ con tôi ở nhà sẽ tự lo liệu được mọi việc. Tôi lo cho cha con đi xa gặp phải lúc nhà không còn tiền, vì gần một năm nay, tôi đau yếu, thai nghén, không dệt được là bao...

- Tôi đi đã có tiền cấp phí của Bộ Học.

Hai vợ chồng anh cử Sắc bàn bạc việc nhà trong mấy hôm liền. Hơn một tháng sau, cha con



anh cử Sắc lên đường đi chấm thi Hương ở Thanh Hoá.

Bệnh hậu sản của chị cử Sắc ngày càng nặng. Sức khỏe của chị suy sụp rất nhanh từ sau ngày anh vắng nhà.

Với cái tuổi lên mười, Côn đã phải nấu cháo, sắc thuốc, chăm sóc bệnh tình của mẹ. Hằng ngày, Côn còn phải bế em sang hàng xóm xin những bà mẹ đang nuôi con thơ cho em được bú nhờ. Các bạn nhỏ trong thành nội cũng thường bế em giúp Côn đi xin sữa và gọi bằng cái tên thân mật: em Xin. Từ đó mọi người quên hẳn cái tên Nguyễn Sinh Nhuận.

Thảm thoát đã hết năm 1900 - năm cuối cùng của thế kỷ mười chín. Côn sốt ruột hỏi mẹ:

- Răng cha và anh Khiêm đi hoài, đi mãi, chẳng thấy về hả mẹ ?

- Mẹ cũng thấy bồn chồn. Cha con biểu đi chừng bốn năm tháng. Nay đã gần Tết rồi.

- Liệu cha và anh Khiêm có kịp về Tết ni không mẹ nhỉ?

- Chắc là kịp. Nhưng mẹ ngờ là cha con sẽ ghé về quê thăm bà.

- Ngày Tết mà mẹ chưa khỏi bệnh, cha, anh Khiêm vẫn chưa về, nhà ta mất Tết, con lại chẳng được ngồi canh nồi bánh tết, không được đốt pháo đón giao thừa!

- Mẹ sẽ cho con tiền mua bánh pháo dài, con đốt bằng thích.

- Con thích có bánh tết, bánh chưng hơn, mẹ ạ. Còn pháo thì để anh Khiêm đốt cho vui nhà trong

ngày Tết chứ con không ưa tiếng nổ inh tai, nhức óc mô.

Đêm tháng chạp. Gió hú dài trên đường thành.

Còn đặt tay lên ngực mẹ, hỏi:

- Mẹ ơi! Mẹ có làm sao không?

- Mẹ không sao đâu. Con ngủ đi, trần trọc mãi vậy. - Chị Sắc thở dài: - Con săn sóc mẹ ốm, lại chăm nom em nữa... e chừng con sụp mất!

- Mẹ đừng lo. Con vững lắm. Còn có các đứa bạn con, chúng nó tốt bụng với con lắm.

- Ủ. Con có những đứa bạn rất thảo miếng ăn, đối với con cứ như anh chị em trong một nhà ấy.

- Con bạn mấy thì bạn, con cũng giúp bạn con cách bồi bìa sách, đóng quyển học (vở học). Các bạn con cứ biểu con có hoa tay, mẹ ạ.

- Phải rồi. Bạn đối xử tốt với mình thì mình càng phải ăn ở tốt với bạn. - Chị Sắc sợ con làm quá sức, dặn: - Từ mai, con đừng nấu nướng chi mà xách vìm⁽¹⁾ ra hàng cơm gánh hoặc con đến trại lính mua một suất cơm về ăn và nhá cho em. Con cần có thì giờ nghỉ, chơi nhởi, con ạ.

Ngày 22 tháng chạp năm Canh Tý (10-2-1901), kinh thành Huế nhuộm màu ảm đạm. Nền trời chì. Gió hiu hiu thổi. Người đi chợ Tết đông như hội. Dưới sông, thuyền hàng, đồ dọc, đồ ngang đi về như mắc cửi. Nhiều người đã sắm hoa Tết, vác những cành mai, bưng chậu thủy tiên, và

(1) Đồ dùng đựng cơm bằng sành



hơn hờ.

Côn xách một vệm cơm trong cái gióng mây ba tao⁽¹⁾ vừa đi vừa theo dõi con chim sâu mới ra ràng đang nhảy nhót trên hàng cây hoa đại sau cửa Đông Ba. Côn định đặt vệm cơm xuống bãi cỏ đuổi bắt con chim còn. Bỗng tiếng Công tôn nữ Huệ Minh gọi yếu ớt: “Côn... ơ! Mẹ... Côn... ch...ết... Côn... ơii...!”

Côn ném vệm cơm xuống. Cái vệm sành vỡ làm đôi, cơm tung tóe trên vạt cỏ úa vàng... Côn chạy một mạch về nhà, miệng la lớn: M... ẹ... Mẹ... ô...ii!...

Một ông từ phía đại nội chạy tới níu lấy Côn và bịt miệng, không cho Côn khóc la:

- Náu lạng! Náu lạng ngay không thì mất đầu... Đây là nơi gần với cung vua, gần tòa sở các quan làm việc, không ai được la to, mi đã rõ chưa?

Huệ Minh, Kỳ và đám trẻ thành nội cũng chạy theo Côn về nhà. Côn mím chặt môi không cho bật ra tiếng khóc. Càng chạy nhanh càng dồn nén nỗi đau tắc nghẹn, nước mắt trào giàn giụa, đất trời quay tít trước mặt. Côn lại òa lên khóc khi thấy mẹ đã thông một cánh tay xuống bên thành giường, một tay vẫn ôm vòng qua cổ bé Xin và bé Xin không biết mẹ chết cứ ngậm vú mẹ nhay nhay. Côn phủ phục xuống bên mẹ gọi: Mẹ! Mẹ! Mẹ! M... ẹ... ô...ii! Mẹ bỏ chúng con... sao... mẹ... ôi! Cha... chưa... kịp... về... mẹ... ơ!

~

(1) Một loại quang bằng mây đan, chuyên để xách hũ, liễn, nồi đất...



Huệ Minh chạy vào bế bé Xin ra khỏi vòng tay thi hài chị cù Sắc. Bé Xin giãy nảy, chuỗi chuỗi chân, khóc thét... Ngoài sân, hàng xóm đã đổ tới khá đông và có tiếng nhắc nhở:

- Khóc khê thôi. Luật lệ cấm mọi tiếng động mạnh đó, nghe.



Nhiều tiếng tặc lưỡi và xuýt xoa:

- Tội nghiệp bà cử! Cha con ông cử vẫn chưa về...

- Tội thân anh em bé Côn! Mẹ chết mà chẳng có một ai thân thích ở gần!

- Giữa lúc năm hết, Tết đến mà mẹ chết, cha vắng nhà, ở giữa đất khách quê người này, liệu anh em bé Côn sẽ sống ra sao đây?

- Vậy ra... ông bà cử Nghệ không có ai là người ruột thịt ở miệt nì à?

- Chẳng có một người nào cả.

- Vậy thì, chị em xa, ta là láng giềng gần, mỗi người một tay để đưa bà Cử về nơi an nghỉ cuối cùng.

Vì luật của triều đình, những người chết trong thành nội không được phép làm đám ma ở đó, phải chuyển áo quan ra bên ngoài để hành lễ.

Kinh thành Huế nghiêng nghiêng dưới gầm trời u ám cuối năm. Chiếc quan tài bà cử Sắc - Hoàng Thị Loan - phủ chiếc chiếu hoa "song thọ", trên nắp áo quan đặt đĩa đèn dầu cháy leo lét, vật vờ. Sáu người đàn ông dàn ra hai hàng khiêng tay chiếc áo quan đi từ từ ra phía cửa hậu, luôn qua Đông Thành Thủy Quan. Nguyễn Sinh Côn, đầu đội khăn rơm, mặc áo đại tang, chống gậy, chân đất, đi sau quan tài mẹ. Huệ Minh bé bé Xin đi sóng bước với Côn. Một đoàn bạn nhỏ thành nội, tay cầm hoa huệ, hoa tam vị, cành đại... mặt em nào cũng buồn rười rượi đi bên Côn. Những người hàng xóm đi đưa đám bà cử Sắc phải đi phía cửa Đông Ba ra sông Hương đợi thuyền chờ

quan tài từ Đông Thành Thủy Quan tới. Chiếc quan tài đặt vào lòng con đò. Con gục đầu xuống nắp áo quan mẹ. Ở đầu áo quan, sắp nển chày dài và tụ lại thành cục, thành hòn dưới chân cây nển. Dòng khói hương cuộn cuộn. Bé Xin vừa mút tay vừa gào mẹ... Con vừa khóc nức đôn đôn, toàn thân rung lên. Các bạn nhỏ thành nội xúm xít bên Con.

Con đò chở áo quan tách khỏi bến, những chiếc đò chở người đưa đám nối theo sau.

Ngôi mộ bà cử Sắc đã được vun cao. Mọi người thành kính đặt một nắm đất cuối cùng lên mộ rồi lần lượt ra về. Người nào cũng ngoảnh lại, cảm cảnh nhìn hai anh em bé Con...

Bãi tha ma Nam Giao hoang vắng. Bóng chiều ôm tròn ngôi mộ màu đất mới nghi ngút khói hương. Con phủ phục xuống lạy tạ trước tấm bia gỗ trên đầu ngôi mộ mang hàng chữ đen: Hoàng Thị Loan sinh năm Mậu Thìn (1868) tại làng Hoàng Trù, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, từ trần ngày 22 tháng Chạp năm Canh Tý (10-2-1901) tại kinh đô Huế.

Chôn cất mẹ xong, Con lại bế em về với ngôi nhà hoang vắng trong thành nội. Bà con hàng xóm, các nhà có con học ông cử Sắc đều muốn đón anh em Con về ở với gia đình họ. Nhưng Con không đến ở nhà ai. Em còn nhỏ, đang lâm bệnh ỉa chảy, lại là ngày Tết, nhà nào cũng có cỗ bàn sang trọng, khách khứa đông vui, người ta sẽ khó chịu về sự cỗi mạt của hai đứa trẻ mồ côi mẹ này!



Những đêm đầu tiên vắng mẹ, Côn thấy rờn rợn trong đầu. Bé Xin nhớ hơi mẹ, thềm sữa gào khóc; không dỗ được em nín, khổ quá, Côn khóc luôn với em. Tiếng “eng éc” của con chim cú lợn kêu từ đêm trước lại hiện đến trong Côn với cảm giác như bị cái cật nửa cửa vào bàn tay. Côn cất tiếng ru:

À... ơi... Bồng bồng bế bế bồng bồng...

Cò con theo mẹ sang sông đấm dò...

À... ơi... đấm dò ứt hết thân cò...

Cò con cò mẹ lò dò sang sông...

Bồng... bồng... bế... bế... ớ... bồng... ơ... bồng...

Cái cảm giác sợ hãi đã bay biến thì nỗi cô đơn lại bao trùm lấy tâm trí Côn lúc cả kinh thành bay lên theo tiếng pháo giao thừa. Côn phải dỗ em bằng kẹo, bánh của các bạn đem đến cho. Tuy em Xin chưa biết nói, Côn vẫn trò chuyện với em như nó đã tiếp nhận được mọi điều của anh nói ra:

- Em ăn cái bánh ni ngon hơn mọi thứ bánh khác, đây là lộc của đức Hoàng phi Thành Thái cho anh em mình đó. Em có biết không, mẹ Công tôn nữ Huệ Minh thừa với đức Hoàng phi về tình cảnh của anh em mình, cha mình là cử nhân, là giám sinh đang chấm thi ngoài tỉnh Thanh...

Mặc anh dỗ dành, nựng chiều, bé Xin vẫn không ăn bánh, không đòi bú và cả tiếng khóc cũng đang đuổi dần! Côn bế em vào lòng, tựa lưng bên bàn thờ mẹ nhìn đau đáu trong đêm đen quanh quẽ mịt mù...

Nguyễn Sinh Sắc về tới thành nội, bàng hoàng trước cảnh vợ đã từ trần, đứa con út đang hấp hối trên tay bé Côn.

Ông buông thõng hai tay, mắt mở to trống rỗng khi đôi mắt thơ ngây của bé Xin như hai dấu chấm đen ánh lên lần cuối cùng rồi lặn vào vĩnh viễn.

Chôn cất đứa con út xong, ông cử Sắc đưa hai con trai trở về Nghệ. Trên đường về, tâm trạng ông chẳng khác nào một danh tướng thất trận. Ông sẽ nói gì, nói thế nào khi về gặp lại người mẹ vợ cao cả đã hai lần bán ruộng gom tiền cho ông đi thi, vào kinh đô học; người đã nén tình cảm để con gái đầu lòng đi nuôi chồng ăn học. Nay trở về: vợ, đứa con út nằm lại vĩnh viễn bên bờ sông Hương... Suốt dọc đường thiên lý, hàng tháng trời, ông gặp lại những kỷ niệm của vợ chồng ông cùng đi vào lần trước. Và hình ảnh vợ quảy gánh trải kinh giúp chồng ăn học như dãy núi dài theo bước chân ông về thâu quê nhà.

Được tin cha con ông cử nhân Nguyễn Sinh Sắc đã về, bà con họ hàng, làng xóm lũ lượt đến chia buồn.

Cụ đồ lưng đã bắt đầu còng xuống, ôm chầm lấy hai đứa cháu ngoại mồ côi mẹ, nhìn chàng rể về một mình, cụ kêu khóc như xé trời, thủng đất!



Cô An thấy vắng chị chạy vào buồng ôm mặt nức nở. Thanh không thấy mẹ về, nằm lăn ra đất, ngất xỉu. Bà Thuyết và mấy người nữa bế vội cháu Thanh vào nhà. Tiếng khóc trùm lên lũy tre làng. Bàn thờ bà Hoàng Thị Loan kê ở gian giữa của ngôi nhà cũ. Ông cử Sắc kính cẩn đặt lên bàn thờ tám bài vị của vợ mà ông mang từ Huế về. Mọi người thân lần lượt vào thắp hương và lễ vái...

Phan Bội Châu và Vương Thúc Quý phúng viếng một đôi câu đối bằng vóc trắng, mang dòng chữ:

Hai chục năm dầu gối tay kè⁽¹⁾, nghĩa vợ tình chồng gương sáng mãi;

Mấy bạn hiền bút nghiên khuya sớm, sân Trình của Khổng⁽²⁾ bằng vàng tươi.

Trong dịp này quan Đào Tấn cũng cho lính hầu từ thành Vinh⁽³⁾ mang lễ lên làng Chùa phúng viếng bà vợ ông cử Sắc.

Lập xong bàn thờ và làm lễ phát tang vợ cho bên nội bên ngoại xong, Nguyễn Sinh Sắc tính việc trở lại kinh đô Huế dự thi Hội, khoa Tân Sửu (1901), lòng ông đầy trở trăn: Ông vào kinh đô thi Hội khoa Ất Mùi (1895) tốn kém nhiều, mẹ vợ phải bán ruộng. Nhưng khoa thi ấy ông không đỗ, ông lại đưa vợ và hai con trai vào Huế. Mẹ vợ lại bán ruộng lần nữa mới có đủ tiền cho ông: trảy kinh với bao hy vọng chàng rể trở về có “ân tứ

(1) Vợ chồng cụ Nguyễn Sinh Sắc ở với nhau được gần hai mươi năm.

(2) Ý nói những người học chữ nho.

(3) Đào Tấn lại được triều đình cử ra làm tổng đốc An Tĩnh lần thứ hai, từ 1898 đến 1902.

vinh quy” bỏ cái công nuôi chàng rể sách đèn. Nào ngờ, vợ ông từ trần giữa lúc khoa thi sắp mở! Ông lại phải “gà trống nuôi con” về làng dựa vào mẹ vợ đã chồn lưng mỗi gối.

Mẹ vợ lại phải âm cháu ngoại thay con gái, và bán ruộng lần thứ ba, để có đủ tiền thuê xe phu trạm cho chàng rể kịp vào kinh đô ứng thí.

Ông Sắc lên đường vừa chân ướt chân ráo đã có người đến nhà cụ đồ An thù thì:

- Cụ không có con trai. Con gái cụ đã qua đời, chàng rể thì trẻ chưa qua già chưa đến ắt còn phải tính chuyện bà kế, bà thiếp chứ. Vậy mà cụ không để ruộng làm của “lập tự”, làm ruộng giỗ lại đem bán cho chàng rể đi học, đi thi những ba lần? Khoa thi này ông cử Sắc có chiếm được bằng vàng, vinh quy bái tổ thì họ Nguyễn làng Sen được tiếng thơm chứ cụ và họ Hoàng làng Chùa này được cái chi há cụ?

Cụ đồ An cười. Giọng cụ trở nên bồi hồi:

- Cha tôi một đời đèn sách, bốn lần thi Hương cả bốn lần đều chỉ đỗ bốn cái tú tài. Dân làng gọi là cụ “tú đụp” Kẻ Sía. Tôi cũng được năm ba chữ cha dạy cho, lúc lấy chồng thì lại giúp chồng đèn sách, hai lần thi Hương ông nhà tôi cũng chỉ là “tú kép”. Nay được chàng rể đang có chí cần công khổ học như cha tôi, như chồng tôi lẽ nào tôi không hể lòng? Cha tôi thường dạy: Ruộng không đẻ ra chữ được mà chữ sẽ đẻ ra ruộng. Có ruộng cả ao liền để lại cho con mà con đốt nát thì nó sẽ nướng vào canh bực là trắng tay. Tôi bán

ruộng cho chàng rể có chữ lẽ nào người có chữ lại ăn ở vô nghĩa, bạc tình?

Cụ đồ An - Nguyễn Thị Kép đã sáu tư sáu lăm tuổi. Răng cụ còn nguyên. Tóc chưa có mấy sợi bạc. Nhưng, cái chết của người con gái đầu lòng đã làm biến đổi hình hài của cụ. Nhất là hai con mắt khóc nhiều quá, màng kéo lên như làn khói mỏng. Đêm nào cụ cũng phải ôm chặt lấy cháu Côn như đang được ôm con gái thuở còn bé. Để bà khuấy khỏa phần nào, Côn vùi bà kể chuyện cổ tích hoặc kể lại cho bà nghe việc Côn xem sân rồng, cung điện, ngai vàng... Đặc biệt là Côn được nhìn thấy mặt vua Thành Thái mà mắt Côn không hề có làm sao cả. Rồi Côn sức nhớ hình ảnh ông già mù, Côn hỏi bà:

- Ông Xẩm đi hát dạo ở đâu xa mà từ hôm cháu về nỏ gặp ông ấy, hả bà?

- Ông ấy chết đã hai năm rồi, cháu ạ.

Côn thờ dài:

- Ông Xẩm mất mù, nhưng chuyện chi ông ấy cũng biết. Vắng ông Xẩm, làng ta cũng giảm phần vui, bà nhỉ.

- Trước lúc trút hơi thở cuối cùng, ông Xẩm đã nhắc nhớ tên từng người trong làng mình. Ông ấy cứ nói cảm ơn, cảm ơn cha mẹ cháu có tới mấy lần.

Bỗng từ bên hàng xóm có những tiếng gào khóc, than vãn. Côn hỏi bà:

- Nhà ai có người chết mà họ khóc giữa giờ này, hờ bà?

- Người ta khóc chồng, khóc con bị bắt đi phu làm đường Cửa Rào - Trấn Ninh đó cháu ạ.

Côn ôm chặt lưng bà. Tiếng khóc bên hàng xóm xói vào lòng, Côn không tài nào ngủ được. Côn thù thì:

- Cháu đi từ kinh đô Huế về, trên đường, người làm phu mở đường đông như kiến ấy bà ạ. Cháu thấy người Tây họ cưỡi ngựa, có cả lính người Nam đi theo. Ông Tây có cái roi gân bò dài quất xuống đầu, xuống lưng những người gầy gò, áo quần rách mướp, không giờ nổi cái cuốc!

- Cái kiếp dân mình khổ hết đường vậy đó, cháu ơi! - Cụ đồ An vuốt nhẹ tóc cháu, giọng xúc động - Mười người đi phu chỉ thấy về lại được ba, bốn.

Cụ dần từng tiếng:
... Ông quan áp trước
Cậu lính áp sau
Roi quất vùi đầu
Thân phu dài coi rẻ
Áo mặc còn giẻ
Nón đội còn mê
Mãn hạn trở về
Ba phần còn một...

Lặng đi một lúc, cụ đồ đặt ngón tay lên mi mắt cháu, nhẹ nhàng nói:

- Khuya lắm rồi, ngủ đi cháu, kéo mại cháu lại ngủ gật trong lớp học, thầy Quý sẽ phạt đấy.

- Bà ơi! - Côn nói, vẻ thận trọng. - Đạo ni cháu thấy chú giải San (Phan Bội Châu vừa đậu giải nguyên) thường dẫn nhiều bạn đến chơi nhà thầy



Vương Thúc Quý. Cháu thấy các ông bạn lạ ấy cũng nhắc đến tên cha cháu. Cháu nhớ được tên của mấy ông như: Đặng Tử Kính, Đặng Thái Thân, Đặng Nguyên Cẩn, Đặng Thúc Hứa, Tôn Gia Nhuận, Đặng Văn Bá, Lê Văn Huân... Hình như... các ông bàn chuyện đánh Tây, bà ạ.

- Ấy! Phải kín miệng cháu ơi! Việc hệ trọng của những người tai mắt, cháu đừng có bép xép mà sinh họa lớn, nghe cháu!

Còn nằm im một lát, lại hỏi:

- Người tai mắt là người nào, hờ bà?

- Người tai mắt là người có nhiều chữ, có chí lớn, lo nghĩ những công việc ích nước lợi dân, khác hẳn với những người thường. Chẳng hạn, các ông nghề, ông cử mà cháu vừa nói tên đó...

- Vậy... cha cháu có được gọi là người tai mắt không bà?

- Phải. Cha cháu là người tai mắt.

- Cha cháu đi vô kinh thi Hội đến nay... lâu rồi mà nỏ có tin chi về, bà nhể.

- Đừng nhắc mà cha cháu sốt ruột, dễ bị vấp ngã trong lúc đi lại, cháu ạ. - Cụ đồ lại giục: - Ngủ đi cháu!

Còn nhắm mắt. Hương sen từ ngoài ao làng thoang thoang quanh buồng ngủ. Trong phút chập chờn Còn thấy loáng thoáng búp sen xanh ẩn hiện trong đầm sen bát ngát giữa đồng quê. Bên tai Còn, tiếng chim đêm hè văng vẳng. Và có cả giọng ca của ông Xẩm tưởng hồi trong giấc mơ:

... Nước Nam ta sao lại có Tây?

Thần dân quyết đánh, vua rày không nghe...

*

* *

Nghe tiếng chim khách, từ trong lớp học Côn nhìn ra vườn. Những ngọn cây cúi xuống nhô lên, vạt và vạt vờ. Từng chiếc lá vàng chao rơi lấp loáng. Cả đám học trò đang cặm cụi tập làm câu đối bỗng giật mình nhìn ra vườn vì tiếng thốt bất ngờ của Côn:

- Ô... ồ... Những trái tim... những trái tim vàng bay!

Thầy đồ ngồi bên án thư nhìn Côn, nghiêm giọng:

- Trò Côn đứng dậy!

Côn khoanh tay trước ngực đứng nghiêm. Gió ngoài vườn lùa qua cửa sổ, lật nhẹ tà áo dài của Côn lên phía trước, cái khăn vành rế ôm choàng quanh đầu, trông dáng hình Côn như búp nấm. Hai con mắt Côn long lanh nhìn thầy. Giọng thầy đồ vẫn nghiêm:

- Đang trong giờ làm văn tập, tại sao trò dám nói nhảm?

- Thưa thầy, con thấy những lá vàng rụng xuống như những trái tim bay lượn ạ.

Thầy đồ đưa mắt ra vườn, mỉm cười. Ông hỏi Côn:

- Trò đã làm xong câu đối chưa?

- Thưa thầy, con làm xong rồi ạ.

- Trò đọc to lên!

Cả lớp chao mắt về Côn, chỉ có Nguyễn Sinh



Khiêm là nhìn xuống trang sách trước mặt, nhưng tai vẫn ghé về phía Côn. Côn đọc rõ từng tiếng:

Chung Sơn vương khí thành kiên cố,

Trắc Lĩnh đa vân thị lão niên.⁽¹⁾

Hơn hai chục cặp mắt học trò đều lộ vẻ ngạc nhiên, khâm phục Nguyễn Sinh Côn. Thầy đồ đứng dậy, chống hai bàn tay xuống án thư, suy tưởng. Đôi mắt nhìn về phía Nguyễn Sinh Côn, ông hỏi:

- Có trò mô đã làm xong nữa không?

Cả lớp ngồi im lặng. Thầy đồ giọng âm áp:

- Trò Côn ngồi xuống kéo mỗi chân. Các trò ơi! Thầy dạy học từ ngày thầy mới có dùm tóc bằng quả thị, nay đã có những sợi bạc, nhiều người học trò đỗ đạt cao hơn thầy, đã làm tới quan huyện, quan phủ... Nhưng, thầy chưa hề ngạc nhiên với một học trò nào có thiên tư như trò Nguyễn Sinh Côn! Thầy biết cái lẽ: Khen người trẻ tuổi đang ở trước mặt mình là có hại. Nhưng với trò Côn thì thầy lại tự cho phép mình làm trái với cái điều ấy. Bởi lẽ, cái thần sáng của trò Côn rất khác thường. Vốn chữ của trò Côn chưa có nhiều, nhưng cái tỏa sáng trong trí lự lại vượt ra khỏi lứa tuổi ấy. Như các trò đã rõ, thầy ra đầu đề bài tập làm câu đối: vế trên có “Chung Sơn” vế dưới có “Trắc Lĩnh”. Chỉ có vậy mà Côn đã tạo nên một bức tranh hùng vĩ trong hai vế câu đối mà ta tưởng là của một thi nhân chân cầm⁽²⁾ -

(1) Núi Chung khí vương nên kiên cố

Non Lĩnh nhiều mây hoa lâu năm.

(2) Nhà thơ có cảm xúc chân thực

thầy đồ chùng giọng - quả là “thì trung hữu họa⁽¹⁾”.

Chợt ông sừng sốt nhìn ra phía đường làng. Học trò nhìn theo thầy: một tốp lính và có cả tiếng nhạc ngựa đang phi về làng. Cả lớp học lắng xuống. Tiếng nhạc ngựa xa dần, vào sâu trong xóm. Thầy đồ nhắc nhở:

- Các trò chú ý. Nghe ta giảng tiếp...

Tiếng giảng bài của thầy đồ đều đều giữa ban trưa thoang thoang hương. Từ nhà bên đã rộn lên những tiếng nói, tiếng cười hể hả... Một ông lão chống gậy trúc đi từ ngoài ngõ vào. Thầy trò rời khỏi án thư, đi ra cửa. Các học trò nhìn theo dáng đi khoan thai của ông lão và thầy học của mình. Ông lão giọng trang nghiêm:

- Xin kính báo với thầy: quê ta đã có hồng phúc. Ông Nguyễn Sinh Sắc đã đậu Hội thí, phó bảng.

- Quan phó bảng! - Thầy đồ mắt nhìn đầm thắm, nói giọng xúc động: - Quan cử Sắc của chúng ta đã... Đất quê ta đã có phó bảng phát khoa!

- Quan trên đã sức giấy về... Cả huyện sẽ đón quan “vinh quy bái tổ”.

Thầy đồ nói với học trò:

- Hôm nay thầy cho các trò nghỉ sớm...

Đám học trò tay xách ống bút, tay cắp cặp sách tỏa ra các ngõ đường làng. Hai anh em Côn lân

(1) Như có bức vẽ trong thơ



lâng nhìn những lá vàng bay xoay xoay trong nắng xế chiều.

Côn chạy lên trước anh Khiêm. Côn ôm cả sách, cả ống bút chạy ùa thẳng vào nhà tìm bà, báo tin mừng. Không thấy bà ở trong nhà trên, Côn xuống nhà ngang, sang nhà thờ mẹ, vẫn không thấy bà. Côn đứng thờ ra trước bài vị thờ mẹ, hai hàng nước mắt trườn chậm chậm trên má.

Cụ đồ An từ ngoài ao sen đi vào thấy cháu đang thẩn thờ bên bàn thờ mẹ, cụ nén xúc động dừng bước bên gốc cây thị. Côn rời khỏi bàn thờ mẹ, thấy bà, liền lau nước mắt bằng ống tay áo, chạy ra với bà. Từ ngoài ngõ, ông tiên chỉ của làng dẫn đầu một đoàn người, bưng theo cối trầu, chai rượu. Cụ đồ hơi bối rối chưa biết có chuyện gì. Mọi người chào cụ rồi rít. Cụ mời họ vào nhà. Ông tiên chỉ đặt trầu rượu lên án thư, giọng ông hơi trầm:

- Thưa cụ, chúng tôi được hội đồng lý hương ủy thác tới đây kính báo với cụ và thân quyến việc quan Nguyễn Sinh Sắc đã đem vinh hiển về cho nhà, vinh hoa cho làng xóm, quan là người đầu tiên ở đất này chiếm được bảng Hội thí...

Cụ đồ nước mắt lưng tròng, hai bàn tay nhăn nheo bầu chặt lấy thành tràng kỷ mà chân vẫn không hết run. Cụ hỏi, lưỡi hơi lú lại:

- Thưa... thưa quý cụ... xin quý cụ dạy biểu cho mẹ con, bà cháu nhà tôi phải làm chi bây giờ?

- Quan phổ bảng sẽ vinh quy về bên quê nội.



Mọi việc đều có hội đồng hương lý lo liệu. Cụ cứ bình tâm.

Cả buổi chiều, nhà cụ đô người ra vào nhộn nhịp như ngày Tết. Mâm cơm đã dọn ra từ lúc gà mới lên chuồng mà vẫn đầy lòng bàn, chẳng khác



gì cái ngày vợ chồng ông Nguyễn Sinh Sắc đưa cả con cái lên đường vào kinh đô Huế ăn học.

Đêm tĩnh mịch. Tiếng mõ rao lồm lỏi trong làn gió tây nam: Chiềng làng... chiềng xã... cóc cóc cóc... thượng hạ khắp nơi... cóc cóc cóc... nghe rõ từng lời... cóc cóc cóc... mà làm cho đúng... cóc cóc cóc... Quan trên hoá tốc... cóc cóc cóc... sức xuống dân ta... cóc cóc cóc... chọn đất dựng nhà... cóc cóc cóc... đắp đàng, trải chiếu... cóc cóc cóc... Nào cáng, nào lọng... cóc cóc cóc... Nào trống, nào chiêng... cóc cóc cóc... xuống tận tỉnh đường... cóc cóc cóc... rước quan phó bảng... cóc cóc cóc... là Nguyễn Sinh Huy... cóc cóc cóc... bái tổ vinh quy... cóc cóc cóc... Chiềng làng... chiềng xã... cóc cóc cóc...

Cụ đồ, cô An, chị Thanh, anh Khiêm, bé Côn nghe tiếng ông mõ rao đều nao nao trong lòng. Niềm vui, nỗi buồn chen lấn nhau trong tâm hồn từng người. Không khí trong nhà lặng lẽ chẳng có vẻ gì là nhà của một ông “tân khoa Hội thí” sắp vinh quy.

Đêm sang canh. Tiếng lá rơi nghiêng xuống mái nhà phát ra một âm thanh mỏng thiếc. Cụ đồ nghe tiếng con cháu thở đều đều trong giường. Cụ rón rén bung cây đèn đi sang bàn thờ người con gái xấu số, Hoàng Thị Loan. Cụ gục đầu bên bàn thờ con, không để tiếng khóc bật to, toàn thân cụ rung lên, cái bàn thờ cũng rung theo. Nước mắt đổ ra nhiều mà nỗi đau đớn vẫn không vơi. Cụ ngước lên, nhìn bài vị và thăm trò chuyện như có

mặt con:

- Loan ơi! Từ chốn kinh đô xa xôi con có về thăm nhà lúc ni không con? Hay linh hồn con còn vảng vất bên chông con trên đường vinh quy? -
Cụ lại nức nở: - Con ơi! Mười sáu tuổi con đã phải dành tiền chèo áo, đùm gạo chèo khăn để nuôi chông đèn sách. Giữ chông con được thành đạt thì con đã khuất núi! - Cụ đồ lại gục xuống bàn thờ:
- Loan ơi! Con rời chông giữa cái tuổi “trẻ chưa qua, già chưa tới”! Chông con không thể đứng vậy để “gà trống nuôi con” được. Chông con ắt phải có đôi có lứa với một người khác, người đó sẽ cư xử ra ràng (ra sao) với các con của con?

Tiếng gà gáy đầu cất lên mở cửa chân trời. Cụ đồ chợt nhớ là đêm đã tàn. Cụ bung cây đèn, rời bàn thờ con gái trở về buồng. Cụ dừng lại bên giường cháu Khiêm. Cụ giắt chặt chiếu đắp che kín gió cho cháu ngủ ngon. Bước đến bên giường cô An, cụ sững sờ nhìn vòng tay của con gái kê dưới đầu cháu Thanh. Nước mắt lại giàn giụa xuống má, cụ lẩm bẩm:

- Giá con An nhà mình chưa nhận trâu ăn hỏi... Giá mà mình có một đứa con gái nữa... Mẹ mất thì bú vú dì. Dì thay chị làm mẹ các cháu thì còn chi bằng!

Cụ thắp hương vái vái trước bàn thờ chông: “Ông ơi! Con rể, người học trò của ông đã đạt được cái điều ông từng mơ ước... Chắc ông đang mỉm cười nơi chín suối?”.

Cụ ghé lưng nằm xuống giường, ôm chặt lấy



bé Côn.

*

* *

Sương sớm rung theo tiếng trống làng. Cả một vùng quê dậy lên cái âm thanh náo nhiệt: Trống đại, trống dờn, trống thủ cổ, chiêng, chũm chọe, đàn bát âm.

Trên con đường quan, nắng trải mịn vàng. Dẫn đầu đoàn rước là người làng Sen, làng Chùa. Tiếp theo là người các làng trong xã Chung Cự rồi các làng thuộc tổng Lâm Thịnh và các tổng khác của huyện Nam Đàn.

Nguyễn Sinh Khiêm, Nguyễn Sinh Côn xúng xính trong bộ áo dài đứng ở hàng đầu đoàn học trò. Hội đồng lý hương của mỗi xã đứng theo đơn vị xã mình.

Một ông lão chít khăn mỏ rìu đỏ, ngang lưng thắt đai vàng, tay cầm ống vọi đồng nâng lên miệng, gọi dài giọng:

- Hàng... ngũ... đã... chỉnh... tề... nghe... ba... hồi... trống... tiền... trước... hậu... sau... tuần... tự... mà... bước...

Trống lệnh nổi lên. Cờ ngũ hành giương cao phía trước. Cả đoàn người rùng rùng chuyển bước giữa đồng quê tháng mười, tiến về thành phố Vinh.

Tại thành Vinh đã diễn ra một cuộc nghênh tiếp và tiễn đưa vị tân khoa phó bảng Nguyễn Sinh Huy.

Quan bố chánh về mặt ủ dột đi đằng sau quan

tổng đốc Đào Tấn, nói về xúc xiêm:

- Thừa cụ Thượng, ngài là một đại quan đứng đầu một Bộ của triều đình, đương kim tổng đốc, việc gì phải đi tiễn ra tận cửa Tiền một ông tân khoa vinh quy?

Quan Đào Tấn cười mỉm:

- Tôi không làm nghi lễ theo phẩm hàm (thứ bậc trong hàng quan lại). Tôi đón tiếp, tiễn đưa





một trí giả có học vị hơn tôi...

Quan tổng đốc Đào Tấn vượt lên khỏi quan bố chánh. Ông sóng bước với quan phó bảng Nguyễn Sinh Huy. Qua cửa thành, hai hàng lính bông súng chào. Hai người lính cẳng bước đến. Quan Đào Tấn chìa tay mời:

- Kính mời quan tân khoa lên cẳng hồi hương. Đám rước quan vinh quy cũng đã đợi đón tại địa phận cửa thành tây.

Quan phó bảng chấp tay vái:

- Đa tạ cụ Thượng và quý quan. Xin cụ Thượng cho phép kẻ hàn nho (học trò nghèo) này được giữ trọn nếp nhà. Đường đất từ đây về tới quê nhà chẳng còn xa nữa. Tôi rất cảm kích trước tấm lòng của cụ Thượng: “Thiên hạ chi sự thành ư đại độ chi chí sĩ, nhi bại ư hàn lậu chi tiểu nhân”⁽¹⁾.

Quan Đào Tấn trở vào tỉnh đường, tốp lính vệ mang cẳng không đi theo quan phó bảng. Đoàn người đi rước quan phó bảng vinh quy đã đợi ở ngã ba Cầu Râm. Nhìn một bề người đông đảo, võng lọng, cờ quạt, trống kèn, quan phó bảng lặng người, hai mắt chớp chớp, lắc đầu...

Viên lục sự huyện Nam Đàn thay mặt cho các hương chức và dân chúng trong miền, thưa với

(1) Việc trong thiên hạ thành được là do ở người đồ lương lớn lao mà hỏng là bởi ở kẻ tiểu nhân bì lậu. Cụ Sắc mượn câu này trong sách “Vân Đài loại ngữ” của Lê Quý Đôn, ca ngợi Đào Tấn, khinh tên bố chánh Nghè An.

quan phó bảng:

- Thưa quan tân khoa! Khi nhận được trát (giấy truyền lệnh) của quan trên sức về, từ quan trên đến thứ dân trong huyện đều vui mừng cho Nam Đàn, cho Chung Cự, cho Kim Liên, đất văn vật đã hun đúc thêm một bậc phó bảng phát khoa. Ai nấy đều nô nức xin được đi rước quan vinh quy. Chẳng hay trong cuộc đón rước ni có điều chi không phải thì xin quan lớn nguyên lượng mà đại xá cho...

Quan phó bảng đứng giữa đám đông, nói:

- Tôi thật không ngờ cái việc đỗ đạt của tôi đã gây ra sự mất công, mất việc của bao nhiêu người.

- Thưa quan phó bảng, - lý trưởng xã Chung Cự trình bày - việc đón rước các vị quan tân khoa vinh quy là theo luật lệ của nhà vua xuống chiếu cho dân phải thi hành. Vậy kính quan trên lên võng để vinh quy bái tổ ạ.

- Tôi học được dăm ba chữ thánh hiền, nhờ phúc tổ chiếm được một chút khoa bảng. Tôi chưa làm được một việc chi có ích cho dân mà đã gây ra sự phiền nhiễu dân tình. Vả lại, từ nhỏ tôi ăn học, tôi lớn lên ở trong nhà bố mẹ vợ, nay tôi sẽ về đó, chứ về làng Sen tôi mô có nhà cửa ở đó?

- Thưa quan phó bảng, quan đem vinh dự về cho làng xã. Nhân dân ai cũng được thơm lây. Cho nên dân làng Sen theo sự bày biện của hội



đồng hương lý đã dựng nhà đón quan về quê nội để đúng với thể thức vinh quy. Thực tình dân làng Hoàng Trù cũng định làm nhà to đón quan về bên đó.

Quan phó bảng chau mày khi nghe việc quê nội, quê ngoại của mình đều muốn đua nhau làm nhà đón mình “vinh quy”. Ông nói giọng trầm trầm:

- Thừa tất cả bà con, thừa các thầy hào lý! Việc bà con dân làng thuận làm nhà cho tôi bên nội cũng như bên ngoại, thực tình tôi rất khó xử. Tôi không dám nghĩ một điều chi khác về tấm lòng vàng của dân làng. Nhưng nghĩ về mình thấy việc thì đồ đại khoa của tôi chưa đem lại một chút lợi ích chi cho dân làng cả. Biết mô lúc tôi ra ngòi ghề quan trường tôi lại trở thành cái nạn cho dân: “Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan” mà.

Cả khối người cười rộ và ào lên như sóng: “Không đâu... quan phó bảng Sắc của chúng tôi sẽ là ông quan vì dân, thương dân...” Họ công kênh hai cậu con trai quan phó bảng Sắc lên vai. Quan phó bảng nhìn hai con mặt đỏ gay then thùng. Ông nói với dân mà cũng là lời tự răn mình:

- Tôi luôn nhớ và làm theo bằng được cái điều: *Thực kỳ thực bất hủi kỳ khí, ẩm kỳ thụ giả bất chiết kỳ chi*. Nghĩa là: Ăn cơm xong đừng đập bát, ngồi mát dưới bóng cây chớ bẻ cành.

Cả khối người lại reo lên cùng tiếng trống tiếng

chiêng. Quan phó bảng Sắc chấp hai tay giơ cao qua đầu, nói:

- Xin bà con để tôi cùng đi bộ về kéo mắt ngày mất buổi.

Các ông lý hương vẫn nài nỉ quan phó bảng lên võng. Nhưng ông vừa đi vừa khuyên họ miễn cho ông phải nằm để người khác khiêng.

Quá trưa, đám rước quan phó bảng vinh quy về tới con đường rẽ vào làng Sen. Nhân dân làng Sen và các làng bên đã đứng thành hai hàng dài. Đường trải kín chiếu hoa. Quan phó bảng nhìn con đường về làng, hỏi ông tiên chỉ tay cầm bó hương nghi ngút và cái biển có bốn chữ “Phó bảng phát khoa”:

- Thưa cụ tiên chỉ, làng đón tôi về “vinh quy bái tổ” sao còn “rào “ đường lại?

Ông tiên chỉ và mọi người đều đôn mắt xuống con đường làng rực rỡ chiếu hoa. Giọng ông tiên chỉ hơi run:

- Thưa... thưa... thưa quan lớn...

- Ấy chết! - Ông Sắc đỡ lời. - Tôi vẫn là dân của làng Sen chứ có khác chi mô.

Ông tiên chỉ bình tĩnh lại:

- Thưa quan phó bảng, dân làng muốn được bày tỏ lòng cung kính lúc quan về vinh quy ạ.

- Câu nói đầu lưỡi của dân ta là: “Quan nhất thời, dân vạn đại”. Dù tôi đỗ đạt cao tới đâu, làm đến chức tước to lớn mấy, tôi vẫn là con người bình thường, người dân. Dân là gốc. Gốc rễ của

tôi là đứa bé mồ côi cha mẹ, đi chân đất, ngồi lưng trâu, nay tôi nên người có chữ, “chữ là mất” thì càng phải biết đạo lý, sống có đạo lý... Đạo lý là gốc. *Chính kỳ bốn nhi vạn vật lý*. Nghĩa là: Cái gốc đúng thì vạn sự được yên ổn.

Những chiếc chiếu trải được cuộn lại. Ông Sắc sải bước trên con đường làng khắp khênh hố chân trâu. Ông đứng sững, mắt đắm đắm nhìn ngôi nhà mới dựng, cô đơn giữa một khoảnh đất rộng quá tầm ước đoán của ông. Bà con đứng đầy sân, đầy vườn. Hai người bạn thân - cử Quý, giải San - và người anh - Nguyễn Sinh Thuyết - xúm xít bên ông. Những người bạn danh nho này đều nhận thấy ông phó bảng Sắc không vui, đang có điều gì áy náy trong lòng.

Ông giải San hỏi:

- Chắc quan bác đang có điều chi đó không vui?

- Tôi thấy ngượng về sự đón rước ồn ào này và làng đã dựng cho tôi nhà quá lớn, vườn quá rộng.

- Cái nhà ngang để đun bếp là dỡ ở bên tôi đưa về đó chú ạ. - Ông Thuyết nói.

Viên lý trưởng vẻ cung kính thưa:

- Bẩm quan phó bảng, thể theo nguyện vọng của dân chúng và ý kiến chung của hội đồng lý hương thì cấp một mẫu bảy sào đất công điền để làm ruộng lộc điền, và bốn sào mười bốn thước làm vườn, dựng nhà năm gian để gia đình quan có

chỗ trú nắng mưa. Lẽ ra dân làng phải xây nhà ngói rước quan về ở mới thỏa. vì lần đầu tiên trong lịch sử xã Chung Cự này, quan là người chiếm được bằng vàng Hội thí.

Một vị khác trong hội đồng lý hương thưa tiếp:

- Thưa quan tân khoa, dân làng còn mong muốn được bố theo đầu người trong xã, góp tiền lại mở hội ăn mừng ba ngày, có hát trò nhà tơ, hát tuồng và hát chèo trong suốt ba đêm liền...

Bà con đứng ở sân và tận ngoài đường đều hưởng ứng: “Phải mở hội ăn mừng... ăn mừng thật to mới thỏa dạ cái dịp vui hiếm có ni ạ”.

Về mặt ông Sắc càng buồn buồn. Đôi lông mày nét mực tàu chuyển động lấp láy, giọng ông xúc động:

- Tôi rất cảm kích trước sự đối đãi hậu hĩ của dân làng, của hội đồng hương lý. Nhưng, tôi rất đau lòng, vì ruộng đất làng ta chia cho đầu người thì mỗi người chỉ được một mảnh đủ cho chó nằm thoi đuôi. Nhưng số ruộng đó hầu hết lại ở trong tay một số ít người. Nay lại dành cho một mình tôi những một mẫu bảy sào ruộng cày, bốn sào mười bốn thước đất vườn. Ô! Chẳng hóa ra việc đồ đại khoa của tôi chưa thấy cái vinh dự cho dân làng là đầu mà lại là cướp ruộng, tức là cướp bát cơm của dân rồi! Bà con nghĩ coi, giữa ngày mùa ni mà nhiều nhà không có một hạt thóc để nấu rầu! Cho nên, tôi xin hoàn lại ba sào vườn, bảy sào ruộng. Tôi nhận một mẫu ruộng, nhưng dân làng cho tôi được quyền bán một phần nửa lấy



tiền gộp lại với số tiền mà dân làng đã góp để ăn mừng; tất cả món tiền này đem chia cho những nhà nghèo nhất trong làng với mức nhà được ít là sáu tiền, nhà được nhiều là một quan. - Ông hạ thấp giọng: - Thiết tưởng, người đáng được ăn mừng nhất của cái ngày này là thầy Hoàng Xuân Đường, là Hoàng Thị Loan. Than ôi! Cả hai người ân nhân của tôi đều đã khuất!

Cả làng, những cặp mắt ướt nhìn về quan phó bảng Sắc. Ông cử Quý xưa tan cái không khí nặng nề bằng cách cho hai người chức sắc treo lên bức văn trướng bằng lụa và ông cất giọng đọc.

Tiếng tri âm trong bài văn trướng cứ lắng sâu, lắng sâu tận đáy tâm hồn quan phó bảng Nguyễn Sinh Sắc. Còn Nguyễn Sinh Côn lại ghi sâu vào lòng mình về những điều cha nói với dân làng trong buổi “vinh quy”.

10

Ông Sắc đưa các con về làng Sen ở, nhưng vẫn để cô Thanh con gái đầu lòng của ông, hằng ngày về làng Chùa săn sóc bà ngoại. Độ vài ngày ông về làng Chùa một lần. Cô Hoàng Thị An đã lấy chồng.

Những ngày đầu về ở ngôi nhà mới, Côn nhớ bà ngoại còn cào ruột gan. Có những lần, đang đêm Côn thức giấc, đi một mình dưới ánh trăng khuya từ làng Sen sang làng Chùa về với bà.

ngoại. Cụ đồ An cũng nhớ các cháu đến mất ăn mất ngủ. Nhiều hôm cụ cảm thấy như người mất hồn, để cái gì ở đâu cũng chẳng nhớ nữa. Mà Côn là đứa cháu để lại trong lòng cụ nhiều nỗi nhớ bồi hồi nhất. Lúc già trâu lại nhớ cháu Côn thường nhai trâu hộ bà. Bưng bát cơm ăn, cụ lại nhớ cháu Côn thường hay gấp tiếp thức ăn lên bát cho bà. Tối tối đau xương, đau mình, cụ càng nhớ cháu Côn ngồi cạnh đấm lưng an ủi bà. Cụ nhớ cả cái tính tình nghịch của cháu Côn: Côn hay rủ đám trẻ trong xóm đi trêu chó để chúng sủa om sòm, bị người ta đến nhà rầy la bà ngoại.

Một hôm, cụ đồ An đang cho lợn ăn ở vườn sau, nghe tiếng bà hàng xóm nói to đằng trước sân: “Cụ tú ơi... cụ tú ơi... cháu nhà bà...”. Bé Khiêm chạy vội ra mách bà về tội em Côn đi trêu chó nhà bên cạnh đang bị người ta đuổi sang tận nhà máng mủ. Côn chạy từ ngoài ngõ về, vào nhà bưng cái ghế đầu của ông ngoại đem tới đặt trước bà hàng xóm mời:

- Cháu mời bà ngồi ghế có tựa lưng mà chửi cho đỡ mỏi chân ạ.

Bà hàng xóm nổi máu tam bành chạy thẳng ra sau vườn xĩa xối bàn tay trước mặt cụ đồ:

- Tui nể cụ... tui nể cụ... không thì... tui cho cậu ấy một trận nên thân trời đất... Con nhà khoa cử, nhà thầy, nhà quan có danh có giá mà nghịch ngợm như quỷ sứ, như bầy bò vô học...”

Cụ đồ chết lặng đứng! Lần đầu tiên bà bị một người hàng xóm chửi nặng lời, xúc phạm đến nền



nếp gia phong, gia giáo... Vừa đau xót về những lời cay độc của bà hàng xóm, cụ vừa giận cháu, định đánh cho mấy roi, nhưng bé Côn đã chạy lại ôm chầm lấy bà:

- Bà ơi!... Cháu đã thấy cái tội đại dột của cháu. Xin bà tha lỗi cho cháu! Từ rày trở đi cháu sẽ không còn đại dột như vậy nữa. Cháu cũng xin bà đừng mách với cha cháu, bà nhá...

Cụ đồ người con giận. Cụ thấy cháu mình đã nhận thấy lỗi và hứa với bà sẽ sửa lỗi. Chiều, ông Sắc về. Bữa cơm chiều vẫn vui vẻ như thường lệ, cụ đồ ăn cơm ở nhà dưới với con gái Hoàng Thị An và người cháu họ ở giúp việc. Ba cha con ông Sắc ngồi cùng mâm ở nhà trên, nơi cụ tú dành ba gian làm trường học. Bữa cơm gần xong, ông Sắc và miếng cơm cuối cùng, hỏi:

- Hôm nay các con ở nhà học thuộc bài: *Lạc dân chi lạc giả, dân diệc lạc kỳ lạc*⁽¹⁾, rồi chứ? Có mắng chơi quá không?

Bé Khiêm thưa:

- Dạ, chúng con đều học thuộc bài rồi. Chỉ có em Côn đi trêu chó...

Côn ngừng nhai miếng cơm trong miệng, mặt tái mét.

- Trêu chó thế nào?

- Thưa cha, em Côn đã đầu têu cùng mấy bạn nữa đến ngõ nhà bà Chắt ném mảnh sành vào sân

(1) Nếu vui niềm vui của dân thì dân cũng vui niềm vui của mình - Sách Mạnh Tử

trêu đàn chó săn đang nằm trên sân. Chó sủa dậy cả xóm. Bà Chắt sang nhà ta mắng trước mặt bà ta là “Con nhà khoa cử, nhà thầy, nhà quan mà nghịch ngợm như...”

Khiêm không dám nhắc lại nguyên những lời bà hàng xóm mắng. Ông Sắc để bát đĩa xuống mâm. Bé Côn nắm chặt đĩa, nhắm mắt lại đợi cái bộp tai của cha sẽ giáng vào má mình. Nhưng nghe tiếng cha thở dài, Côn mở mắt thấy cha lặng lẽ đứng lên, đi tới móc áo. Cha khoác lên người cái áo dài đen, đi xuống nhà dưới. Côn, Khiêm đều nhìn theo cha...

Ông Sắc đứng trước cụ đồ, khoanh tay. Cụ đồ cũng đã buông bát đĩa đứng dậy. Ông Sắc nói:

- Thừa mẹ, trưa nay, lúc con đi vắng, ở nhà cháu Côn đã gây ra cái việc nhỏ mà tai hại lớn, gia phong ta bị những lời xúc phạm. Con là cha của cháu Côn, con đại cái mang. Con xin lỗi mẹ và trước vong linh cha, trước vong linh nhà con, con chịu cái lỗi: “Phụ bất giáo tử hành tai” (Con làm điều tai hại do cha không dạy bảo).

Cụ đồ giọng xúc động:

- Sau lúc xảy việc, bé Côn đã biết lỗi của mình và có hứa với bà là cháu sẽ không còn nghịch ngợm cái trò trêu chó hàng xóm nữa. Anh đứng phận làm cha, nhận cái lỗi “con đại cái mang”, mẹ đây là bà của nó, mẹ cũng có lỗi: “con hư tại mẹ, cháu hư tại bà”.

Ông Sắc trở lại mâm cơm. Bé Côn vẫn ngồi không nhúc nhích. Bé Khiêm nhìn em đây ái ngại



và tự trách đã lỡ mách cha... Ông Sắc nghiêm giọng:

- Côn!

- Dạ... thưa cha!

- Từ ngày mai, mỗi bữa con bớt ăn một bát cơm. Cơm nước xong con quảy sọt đi lật phân bò, chiều về tắm rửa xong, con vào án thư viết hai chữ *Nhân Cách*, khổ chữ hàng tám, đủ năm mươi trang giấy rộng nộp cho cha rồi mới ăn cơm tối. Con làm những việc ấy trong bảy ngày.

Vâng lời cha, Côn đã làm đầy đủ những việc ấy một cách vui vẻ.

*

* *

Quan phó bảng Sắc mở trường dạy học. Người ở các huyện dọc sông Lam đến xin cho con học rất đông, nhưng quan phó bảng chỉ nhận dạy một số ít, ông dành một phần thời giờ để đàm đạo văn chương, thời cuộc với Phan Bội Châu, Vương Thúc Quý. Nhất là từ sau chuyến đi Yên Thế tiếp xúc với Hoàng Hoa Thám trở về, Phan Bội Châu thường gặp gỡ quan phó bảng Sắc, quan đốc học Đặng Nguyên Cẩn, quan nghề Ngô Đức Kế, các ông Đặng Thúc Hứa, Đặng Tử Kính, Đặng Thái Thân, Lê Văn Huân, Đặng Văn Bá, Tôn Gia Nhuận... cùng nhau lo việc đại nghĩa. Nhưng quan phó bảng Sắc cho là thời vận chưa phải lúc... Ông cũng khước từ cả việc triều đình Huế gọi vào kinh đô nhận chức. Ông lấy lý do phải ở nhà

phụng dưỡng mẹ già. Đồ Sát Viện đã tư giấy về cho tổng đốc Nghệ An xem xét lại thái độ phó bảng Sắc đối với triều đình, vì theo bản tự khai gia cảnh trong hồ sơ thí sinh thì Nguyễn Sinh Huy tức Sắc mồ côi cha mẹ từ lúc còn nhỏ. Nay triều đình bổ nhiệm đi làm quan lại vin cớ có mẹ già?

Quan tổng đốc Đào Tấn biết rõ gia cảnh của quan phó bảng Sắc đã làm tờ trình về triều đình Huế. Ông đề cao quan phó bảng Sắc là một người có *dức sáng*, vợ chết đã thay vợ chăm sóc tuổi già của mẹ vợ. Bà mẹ vợ và bên nội, bên ngoại đã khuyên quan phó bảng Sắc lấy vợ kế để có người “*đỡ túi nâng khăn*” vì ông ở cái tuổi chưa tới bốn mươi, nhưng ông từ chối. Triều đình Huế cân cứ ở lời đề đạt của quan tổng đốc Đào Tấn đã vui lòng để quan phó bảng Sắc ở nhà làm tròn chữ hiếu.

Người con gái đầu, cô Nguyễn Thị Thanh của quan phó bảng Sắc đã tới tuổi mười tám, ông giao cả việc nhà và chăm sóc bà ngoại cho cô. Ông đưa hai con trai đi thăm bạn bè và viếng cảnh đẹp trong tỉnh. Những nơi hợp cảnh hợp người, ông thường ở lại lâu, vừa dạy học vừa thù tạc với bạn, ngoạn cảnh núi sông, đèn đài.

Chuyến đi xa nhà đầu tiên, quan phó bảng Sắc dẫn hai con ra Diễn Châu thăm một người bạn ở làng Vạn Phần (Võ Tất Đắc) mới từ quan trở về dạy học, và ông đến làng Quỳnh Đôi để tạ ơn ông Hồ Sĩ Tạo, người đã giúp đỡ ông vào học trường



Quốc tử giám.

Trên đường từ Vinh ra Phủ Diễn, Côn mang bên nách chiếc tay nải bằng vải tây điều, chân đi dép da bò, bước thoăn thoắt theo cha. Nhưng, Côn ham ngắm cảnh hai bên đường, thường tụt lại sau. Bị anh Khiêm mắng, Côn cúi lại anh: “Anh lắm lời quá!” Ông Sắc quắc mắt, nghiêm giọng:

- Côn! Vì đang ở trên đường, nếu ở nhà thì cha bắt con nằm xuống đánh mười roi về tội bất lễ. Anh con có nói sai, xử sự sai với con thì đã có cha phân xử, hoặc con phải nói với anh bằng một thái độ lễ phép. Con không được nói với anh câu nói của con nhà vô giáo dục như vậy.

Ông dừng bước bên sông Cấm:

- Con khoanh tay xin lỗi anh đi con!

Côn đặt chiếc khăn gói trên vai xuống bãi cỏ, khoanh hai tay trước ngực, giọng chân thành:

- Xin anh cả tha lỗi cho em...

Cậu cả Khiêm rơm rớm nước mắt, chạy lại xách tay nải lên:

- Để anh mang đỡ em một đoạn kéo em mệt đi không kịp cha.

Ba cha con phó bảng lại thùng thặng bước trên con đường mà sông núi mây trời đẹp như bức gấm thêu.

Đi hết dãy núi Cấm, sang địa phận Diễn Châu, mảnh đất nổi tiếng trong lịch sử với tên gọi Châu Diễn, Côn tần ngần nhìn ngôi đền cổ kính có nhiều tòa từ trên đỉnh núi xuống tận chân núi, sát đường thiên lý. Côn ngạc nhiên hơn khi đứng trên

đốc nhìn về phía tây, đối diện với ngôi đền, dãy núi xa xa rất nhiều hình nhiều vẻ, càng ngắm, núi càng biến hóa những hình ảnh theo sự tương tượng của Côn. Hòn lèn gần nhất, nằm ở giữa cánh đồng bát ngát màu xanh, lại y như một con người cụt đầu đứng hiên ngang giữa đời.

Côn nói với cha:

- Thừa cha, con muốn được cha chỉ bảo chúng con về sự tích ngôi đền ni, về tên của các hòn núi kia, trông lạ mắt quá cha ạ.

Thấy con ham muốn tìm hiểu về cội nguồn, ông Sắc bước đến bên gốc cây tùng già, giở cơm nắm cho hai con ăn. Dưới bóng cây cổ thụ, ba cha con quan phó bảng cùng nhìn về phía núi non biêng biếc trải tận chân trời xa. Ông kể cho con nghe trọn câu chuyện tình sử Mỹ Châu - Trọng Thủy. Côn ngạc nhiên hỏi cha:

- Thành Cổ Loa ở mãi tận đâu, thừa cha?

- Cha chưa đi tới đó, nhưng cha đọc sách thấy xa... xa lắm, con ạ.

Khiêm lắc đầu, giọng hơi kéo dài:

- Người đời xưa có lẽ họ bịa chuyện chứ nàng Mỹ Châu kiếm đâu cho đủ lòng ngỗng mà rải khắp con đường dài ấy cha?

Ông Sắc cười. Côn nói, về thần phục:

- Chuyện Mỹ Châu - Trọng Thủy hay tuyệt, tài tình lắm. Con nhận thấy vua nhà Triệu nước Tàu nham hiểm ghê gớm. Chàng Trọng Thủy ngoan ngoãn làm theo mẹo của cha bày đặt. Còn vua nhà Thục nước ta lại trọng chữ tín, thành thật

muốn hai nước ở kề nhau có hòa hiếu để dân được sống yên ổn làm ăn. Nhưng vua nước ta lại không đề phòng sự gian狡, bội ước của vua nhà Triệu. Nàng My Châu lại ruột để ngoài da. Cha vậy, con vậy thì giữ nước làm sao được? Nhưng câu chuyện lại cho thấy điều đáng trọng không khinh được vua Thục là: Người đã phải tự chém con gái mình và tự xử án mình bằng hành động nhảy xuống biển về tội để mất nước chứ không cam chịu nộp mình cho giặc nước.

Quan phó bảng Sác hơi sững sờ nhìn hai con, nhìn ngôi đền thờ Thục Phán:

- Con nói đúng. Nước có lúc thịnh, lúc suy. Đó là điều thường thấy trong trời đất. Nhưng con người ta lại phải biết giữ trọn khí tiết. Vua Thục Phán thuộc loại đó. Con hãy để ý về phong cảnh núi non, đền đài. Con vừa hỏi cha về hòn núi kia giống một người cụt đầu? Người ta thường gọi nó là hòn Hai Vai hoặc là núi “Tướng-quân-rơi-đầu” đó con ạ. Còn phía xa xa kia là hòn Trống Thùng. Từ hòn Trống Thùng một dãy núi dài dằng dặc sát chân trời, đó là núi Cờ Rách.

Hai mắt Côn chom chớp nhìn theo hướng tay chỉ của cha. Khiêm thì ngạc nhiên thốt lên:

- Ai tưởng tượng ra đầu tiên hình dáng các hòn núi nở (ấy) hẳn là mắt tiên, cha nhé?

- Từ lòng người mà suy ngẫm ra... con ạ. Người ta còn gọi vùng núi ấy là Vùng Ba Hòn. Theo chuyện kể từ hồi xưa hồi xưa thì nước ta có giặc từ phương Bắc tràn vào, dân ở khắp miền đất

nước ta nhất tề đứng dậy chống giặc giữ nước. Từ vùng Nghệ Tĩnh ni có một vị tướng kéo đại binh ra Bắc đánh dư trăm trận, chẳng may trong một trận giáp chiến con ngựa của ông vấp phải cọc quy chân trước, bộn giặc xúm lại, ông bị một lát đại đao đi qua cổ, đầu rơi xuống đất. Ông nhoai người ra lấy được đầu lắp lên cổ và phi ngựa mở đường máu chạy trở về. Quân sĩ của ông cũng kéo cờ mở trống về theo. Trên đường về, vị tướng này đã gặp một ông lão tại phía bắc sông Mã (Thanh Hóa). Vị tướng dừng ngựa hỏi:

- Thưa ông, từ xưa đã có người nào bị chặt đầu, lại chấp lên cổ mà sống được không?

- Thưa tướng quân, sống được ạ.

Vị tướng lại thúc ngựa phi về tới Diễn Châu, quân sĩ bủa ra tận vùng Yên Thành. Vị tướng gặp một bà già ở phía nam sông Bùng liền hỏi:

- Thưa cụ, xưa nay có người nào bị chặt đầu, lại tự mình chấp vào cổ mà vẫn sống được không?

Bà cụ lắc đầu:

- Loài quý, loài yêu tinh thì mới có thể bị chặt đầu này mọc ra đầu khác, còn loài người thì nếu bị chặt đầu là chết.

Bà cụ vừa nói dứt lời, đầu vị tướng quân rơi xuống đất. Và ông đã hóa thành hòn núi Hai Vai. Ngựa của ông chạy thêm một đoạn lên vùng Yên Thành, hóa núi Mã Phục, tại làng Yên Mã. Trống, cờ cũng hóa thành núi Trống Thùng, núi Cờ Rách...

Nghe chà kể xong câu chuyện, Khiêm về mặt



đăm chiêu nghĩ ngợi... Côn mắt vẫn nhìn về hòn lèn Hai Vai, nói:

- Cha ơi! Ước vọng của dân ta thật là đẹp. Tường tượng của người ta đến là tuyệt! Phải không cha?

- Con nói đúng. Dáng núi non của quê ta thường thể hiện sự khát vọng của con người.

Một hôm ba cha con quan phố bằng Sắc đi qua xã Bạch Ngọc, thấy đền Quả Sơn uy nghi hơn cả đền Thục Phán An Dương Vương. Côn lại ngạc nhiên hỏi cha:

- Chắc vị thần ni có công lớn lắm cho nên mới được dân làm đền thờ nguy nga, cha nhỉ?

- Đền ni thờ một ông quan đời nhà Lý đó con ạ.

- Quan trường mà cũng bắt dân làm đền thờ! Ồ! Tệ quá phải không cha?

- Con nghĩ hơi xốc nổi đó. Trong đám người làm quan có kẻ bất tài, đục khoét nhân dân, lại có người tài cao, đức trọng, làm lợi cho dân, được dân nhớ ơn làm đền thờ phụng. Con nên nhớ đền Quả Sơn ni là nơi thờ quan Lý Nhật Quang. Ngài là con thứ tám của vua Lý Thái Tổ, được phong tước Uy Minh hầu. Năm Tân Ty, vua Lý Thái Tông cử Lý Nhật Quang vào làm quan coi giữ đất Nghệ. Ngài đã có công mở mang bờ cõi, dẹp yên giặc phía tây, phía nam của đất nước. Chính ngài đã giết chết vua Chiêm là Sạ Đầu khi Sạ Đầu đem quân xâm lược nước ta. Nghề nông, nghề tầm tang, dệt lụa, đánh cá, làm muối được sớm thịnh

hành khắp xứ Nghệ là do công lao của quan Lý Nhật Quang. Khi nghe tin triều đình vời Lý Nhật Quang trở về Thăng Long, dân Nghệ đã lũ lượt kéo đến tỉnh đường xin quan ở lại tiếp tục chăn dân. Nhưng ngài đã không thể làm khác với lệnh của triều đình được. Trên đường ngài về Thăng Long, bọn nịnh thần đã đón giết vì sợ có ngài tại triều thì chúng sẽ bị vạch mặt... Nhân dân Nghệ An nghe tin dữ nì đã tự ý để tang ngài và lũ lượt làm ba mươi hai ngôi đền thờ Uy Minh hầu Lý Nhật Quang...

Nghe xong câu chuyện của cha kể, Côn im lặng một hồi lâu. Côn nói như khoe với cha về điều mình thích thú:

- Bây giờ con mới hiểu ra cái ý nghĩa câu vè mà bà ngoại thường nói vui:

*Dân vạn đại, quan nhất thời,
Ghé quan ai ngồi xin chớ thờ ơ.
Thương dân, dân lập đền thờ,
Hại dân, dân dãi ngáp mồ thối xương.*
Quan phó bảng vừa cười vừa nói:

- Bà ngoại nói không phải để mua vui đâu mà bà dạy cha, dạy những người có học, có chức trọng quyền cao đó con ạ.

*

* *

Quan phó bảng Sắc đã dẫn con trai đi hầu khắp những nơi nổi tiếng về phong cảnh đẹp, về di tích lịch sử của Nghệ An. Ông lại đưa hai con sang Hà



Tĩnh. Hai anh em Khiêm, Côn được cha dẫn về thăm nhà thờ họ Nguyễn Tiên Điền, thăm mộ đại thi hào Nguyễn Du. Côn tần ngần đứng bên cha, bên anh trước mộ Nguyễn Du và chạnh lòng thăm nhớ những câu thơ trong truyện Kiều:

*Sè sè nắm đất bên đường,
Rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng, nửa xanh.
Rằng sao trong tiết thanh minh,
Mà dây hương khói vắng tanh thế này?...*
Côn hỏi cha:

- Nguyễn Du đã để lại Truyện Kiều mà bà ngoại thuộc, mẹ của con thuộc, dì An và bao nhiêu người ở làng ta đều thuộc. Công lao lớn ấy sao dân lại không làm đền thờ ông Nguyễn Du, hả cha?

- Người quê mình không coi công việc làm thơ, làm văn là trọng, con ạ. Thậm chí lại coi những người đàn giỏi hát hay là “đồ xướng ca vô loài”.

- Sao con lại thấy có ngôi đền thờ thằng ăn trộm bị đánh chết, hả cha?

Quan phó bảng phì cười:

- Cha làm sao giải thích nổi những điều ấy với con được?

Khiêm chau da trán, nhưng đã kìm được, chỉ nói “mất” em:

- Việc đời đã dớ dẩn mi lại “thông minh” dớ dẩn nốt.

- Hử, - Côn lườm anh Khiêm - anh đừng có khinh em là dớ dẩn. Anh không để ý chứ vừa rồi ta đi qua một cái miếu thờ cả cái tên ăn trộm ăn

cướp nữa. Trước cửa miếu có một hàng chữ lớn, đắp nổi: “Đạo tặc tối linh tôn thần”.

Khiêm im lặng. Ba cha con quan phó bảng như rơi vào khoảng không và trong dòng suy nghĩ của mỗi người hiện lên một câu hỏi lớn về những việc đời...

Trong chuyến đi về Hà Tĩnh, quan phó bảng Sắc lưu lại huyện Đức Thọ một thời gian. Phần nhiều, cha con ông ở trong nhà ông Phạm Khắc Doãn. Côn đã được dịp nhìn tận mắt những dấu tích tội ác của thực dân Pháp vừa gây ra tại vùng này, là quê hương của Phan Đình Phùng, là đất đứng chân của nghĩa quân Cần Vương trong suốt mười năm ròng.

Một hôm, đám trẻ làng Đông Thái nô nức đến xem dinh thự của Hoàng Cao Khải, phụ chánh đại thần, tước quận công, vừa xây xong.

Giữa làng què rợp bóng tre cao vút lên những tòa nhà to lớn, bốn phía tường cao bao bọc. Qua cổng vào là một dãy tường hoa. Trước sân, một bể cạn lớn, cây si già, hòn non bộ. Ba ông Lã Vọng ngồi thu lu trên các bậc đá. Tuy là từ nơi khác mới đến, Côn vẫn đi ở hàng đầu đám trẻ tới dinh quận công họ Hoàng. Từ ngoài hàng cây đầu làng cột vò số ngựa của các quan ở xa về dự lễ khánh thành dinh cụ quận. Những chiếc xe kéo gọng đồng vàng chóc, những chiếc cồng điều, cồng vóc... để san sát trong vườn cây. Trong sân gạch, các quan khách đang ngồi trên những bộ ghế tràng kỷ, ghế bành tượng bằng gụ khảm xà cừ, lót nệm gấm, vóc điều...



Các quan khách đang hướng cả tâm trí về hòn non bộ. Theo ý muốn của Hoàng Cao Khải, mỗi vị khách tặng cho một bài thơ tứ tuyệt mà hòn non bộ là đề tài.

Trong lúc các quan đang say sưa bình thơ, uống rượu vui vẻ, đám trẻ làng Đông Thái đứng ngoài tường hoa xô nhau nhón nháo gấp ngó vào sân. Còn vẫy tay về phía sau:

- Im nghe bình thơ kìa!

Có tiếng đáp lại:

- Thơ của các quan nỏ hay, nỏ thích.

Mấy tên lính hầu rượu nghe giật mình. Các quan đều nghiêm mặt nhìn ra đám trẻ. Một tên lính toan chạy ra đuổi đánh đám trẻ, nhưng ông Hoàng Cao Khải vẻ cao đạo, rộng lượng của một ông quan đại thần đang ở tại làng, nói:

- Nhất quý, nhì ma, thứ ba học trò. Chấp chi câu nói của đứa học trò đồng ấu ấy.

Hoàng Cao Khải chống can⁽¹⁾ đi ra. Đám trẻ từ ngoài xa đã ùa chạy. Hoàng Cao Khải dụ dỗ:

- Các cháu đừng sợ. Lại đây ông cho kẹo. Cháu nào lúc nãy chê thơ các quan nếu làm được thơ hay ông sẽ thưởng nhiều thứ đẹp lắm.

Đám trẻ làng Đông Thái vẻ sợ sệt đã lần lần theo Côn, đứng xúm xít trước lối vào sân nhìn Côn, vẻ cầu cứu. Côn nhìn các bạn rồi quay sang nói với Hoàng Cao Khải:

- Ông ơi, ông phải hứa không đánh cháu nếu thơ cháu không vừa ý của ông.

- Ô! Đời nào ông lại nỡ đánh mắng cháu, dù

(1) Gậy

cho cháu có làm điều chi đại dột.

Côn đọc chậm rãi, mắt đắm chiều nhìn Hoàng Cao Khải:

Kìa ba ông lão bé con con

Biết có tình gì với nước non.

Hoàng Cao Khải gật gật đầu, đắc ý. Đám quan khách cũng nhìn cả về phía Côn, lắng nghe, về khâm phục. Côn đọc tiếp:

Trương mắt làm chi ngồi mãi đó

Hỏi xem non nước mất hay còn?

Hoàng Cao Khải căng tròn cả hai mắt nhìn Côn. Giọng y hơi rung:

- Thằng bé ní con ai? Con nhà ai hề?

- Con quan phó bảng Nguyễn Sinh Sắc bên Nghệ An ạ. - Một em nhỏ đáp.

Hoàng Cao Khải cầm cái can không vững, đi trở vào. Y nói lầm bầm:

- Hồ phụ sinh hồ tử...

11

Cụ đồ An bị ốm. Ông Sắc xuống làng Chùa ở trong thời gian cụ đồ ốm nặng để thăm bệnh, chạy chữa cho mẹ vợ.

Côn, hằng ngày đi học, về ở dưới làng Chùa với bà ngoại trong những ngày bà ốm. Côn đã từng đau đớn về nỗi ông ngoại chết, mẹ chết, em chết. Lần này bà ngoại ốm nặng, Côn càng sợ hãi, lúc nào cũng cảm thấy cái chết chực sẵn bên giường bà.

Chị Thanh, anh Khiêm thường sợ ma lúc tối trời. Còn không biết sợ ma. Còn mắc võng day nằm gần giường bà để cùng với chị Thanh đêm đêm theo dõi bệnh tình của bà. Tuy ốm nặng, cụ đồ vẫn thềm trầu. Còn nhai trầu cho bà. Cụ đồ vừa nhai trầu vừa nói thều thào với cháu ngoại:

- Ngày cháu mới lọt lòng, bà đã mớm cơm cho cháu. Giữ bà rụng hết răng thì cháu lại nhai trù (trầu) cho bà.

- Bà ơi! Bà thềm ăn thứ chi bà cứ việc nói để chúng cháu làm. Bà cứ coi chúng cháu ở bên bà như mẹ chúng cháu đang còn sống, bà ạ.

- Cháu Công ơi! Bà được ấm tuổi già chính là ở cha cháu, ở các cháu. Bà không nghĩ cha cháu là con rể mà còn hơn cả con trai nữa kia. Các cháu, nhất là cháu, hợp tính bà lắm. Cháo cháu nấu bà ăn mát lợi. Thuốc cháu sắc, đun nhỏ lửa, lấy nước vừa đúng với lượng thuốc, không loãng quá hoặc đặc quá, dễ uống. Cháu ít tuổi mà ngủ ít, giống bà. Cháu ăn không gấp nặng đũa, nhường nhìn kẻ trên người dưới. Cháu sớm có lòng thương người, thương từng con vật nuôi trong nhà.

- Cháu làm được đôi việc nho nhỏ ấy là bà dạy, cha mẹ cháu dạy cho. Vậy mà chị Thanh, anh Khiêm cháu cứ biểu cháu là đứa cứng đầu, bướng, nghịch trở trời, hay “lý sự” đó bà ạ.

- Cháu sáng ý, cháu lanh tay, nhạy miệng, khác với những đứa cùng lứa tuổi cháu.

Cụ đồ nói tiếp, giọng rất mệt:

- Bà... rầu héo ruột gan về mẹ cháu. Bà... yên yên cái bụng được đôi phần về các cháu đã qua kỳ trứng nước, sớm biết đường ăn ở. Nhưng bà rất áy náy về cha cháu ở cái tuổi “trẻ chưa qua, già chưa tới” mà... mà đã thất nội trợ! Cháu ơi... người ta thường nói: “Trai thất nội trợ, gái lỡ nhân duyên” là bất hạnh, ấy là... xấu số lắm lắm, cháu ạ.

Nghe bà bộc bạch nỗi lo âu, Côn nằm lặng. Tiếng chim cuốc ngoài đồng sen vọng vào. Nghe tiếng chim đêm, Côn cảm thấy ớn ớn lạnh, nhớ đến tiếng chim cú kêu giữa đêm mờ ảm tại kinh đô Huế. Giọng Côn lắng sâu:

- Bà ơi, tiếng chim cuốc kêu đêm thì lành hay dữ, hả bà?

- Chim cuốc là giống chim lành, cháu ạ. Không một loài chim nào có tiếng kêu như nó. Hồi ông ngoại cháu còn sống, ông thường kể: “Vua Đỗ Vũ nước Thục, hiệu là Vọng Đế, bị mất nước, vua đã sầu muộn đến chết hóa thành con chim cuốc. Mỗi tiếng kêu của nó là một giọt máu từ trong tim nhỏ ra...” Bà cũng nghiệm thấy tiếng cuốc kêu khắc khoải như từng giọt máu nhỏ đều đều suốt cả mùa hè. Cháu cứ thử nghiệm mà coi.

Côn lắng cả tâm hồn vào âm thanh đêm hè. Và trước mắt Côn một vầng đêm tối mịt mù đang thấm đọng những giọt quốc... quốc...

*

* *

Một buổi sáng mùa xuân, Côn được cha giao



cho đơn thuốc và tiền đi xuống hiệu thuốc bắc ở Vinh cân thuốc cho bà.

Đi từ lúc chưa tỏ mặt, xuống đến Vinh, hiệu thuốc bắc chưa mở cửa, Côn ngồi dưới cây bàng trước cửa hiệu chờ, lòng bồn chồn. Tiếng chim chào nắng sớm trên hàng cây đã tắt. Từng đoàn người gánh gồng, mang xách đi chợ Vinh phiên chính. Những người thợ nhà máy diêm đi làm ca đêm đã về. Những ông công chức đi làm cho tòa xứ, cho các công ty hòa trong dòng người đi trên đường phố buổi sáng. Côn thấy có hai đám người khác biệt nhau: đám thợ thuyền gầy gò, rách rưới và mặt mày chân tay lem luốc; các thầy công chức làm ở tòa xứ, ở các công ty thương mại của Pháp thì người nào cũng béo đẹp, mặc sang trọng. Thỉnh thoảng có ông quan người ta, người Tây nằm ngả dài trên chiếc xe người kéo.

Cân được thuốc cho bà, lòng Côn lảng lảng nghĩ đến cái ngày bà khoẻ dậy. Bà sẽ chọn những quả trứng gà ấp không nở được cho hai anh em luộc ăn. Bà dẫn Côn ra vườn chỉ những trái chín, Côn sẽ trèo lên hái xuống và đem vào bàn thờ mẹ thắp hương. Thú vị nhất là được bà sai ra đầm sen lội mò hái ngó về cho chị Thanh nấu mẻ. Lúc bà ngồi ngắt ngó sen, bà thường ngâm câu Kiều:

Tiệc thay chút nghĩa cũ càng,

Dẫu là ngó ý còn vương tơ lòng.

Côn thấy nhẹ bước, đi như chạy. Dưới ánh nắng cuối xuân, Côn đi một mạch từ Vinh về tới cầu Hữu Biệt thì thấy anh Khiêm đang chạy hồi

hả về phía mình. Côn hơi chột dạ. Côn chạy dần lên được mấy bước nữa thì nghe tiếng anh Khiêm vừa gọi vừa khóc: “Côn ơ...i! Bà... bà ch...ế...t...rời!”

Côn khựng lại, hai tay Côn ôm lấy mặt. Nác! Nác! Khiêm đỡ lấy em vào vòng tay mình để khỏi ngã. Một đám mây như dải băng trắng trôi qua ngọn núi Độc Lôi, che khuất mặt trời. Bóng râm trùm xuống một vùng xám xịt tối. Hai anh em Khiêm, Côn bước nặng nề trong vùng bóng râm âm đạm giữa cánh đồng chiêm menh mông. Côn nấc từng tiếng: Bà... ơ! Ông ngoại cháu chết! Mẹ... cháu... chết! Em cháu... chết! Giờ lại đến lượt bà... chề... ết! Bà... ơ!

12

Chôn cất bà ngoại xong, Côn được cha dẫn đi thăm các bạn thân trước ngày ông phải vào kinh đô nhận chức. Cũng dịp này, Phan Bội Châu đã lập Duy Tân Hội (5-1904).

Những người đề xướng, sáng lập ra Duy Tân Hội có Phan Bội Châu, Tăng Bạt Hổ, Đặng Tử Kính, Đặng Thái Thân, Nguyễn Hàm, Nam Xương, Lê Võ... Các nhà sáng lập Duy Tân Hội đã mời Cường Để làm hội trưởng để rồi đưa sang Nhật cầu viện.

Trong một thời gian ngắn, ảnh hưởng của Duy Tân Hội đã phát triển rất rộng lớn trong nước.



Hầu hết các nhà danh nho, các nhà hằng tâm hằng sản có tinh thần yêu nước đều tham gia vào Hội, hoặc ủng hộ Hội tiền của để hoạt động.

Quan phó bảng Sắc là bạn chí thân của Phan Bội Châu, nhưng ông không tham gia Duy Tân Hội. Ông không tỏ thái độ tán thành mà cũng chẳng phản đối con đường của Phan Bội Châu. Ông thường trao đổi với Phan Bội Châu, Vương Thúc Quý về những nỗi đau mất nước. Ông quan niệm: *Cơ trời vận nước bao dâu bể, một chí càn khôn khó chuyển vần*. Sự nghiệp *thương y y quốc*, lớp người hiện thời như ông chưa thực hiện được mà phải thế hệ sau, con cháu mới có thể gánh vác được công việc lớn lao ấy. Cho nên, ông chỉ có thể làm phần việc *trung y y dân*.

Còn thường được nghe cha đàm đạo những quan niệm ấy với Phan Bội Châu, Vương Thúc Quý. Còn còn làm cái công việc liên lạc giữa Phan Bội Châu với những bạn đồng tâm đồng chí của ông và với cha mình. Có lần Còn nghe cha hỏi ông Phan:

- Mục đích của Hội Duy Tân là gì?

- Cái đích lớn của chúng ta là: Quét sạch bọn Tây dương ra khỏi bờ cõi. Có làm được như vậy ta mới có cơ hội xây đắp nên một nước Việt Nam mới, ngang hàng với các nước trên hoàn cầu.

- Đó là nguyện vọng của hai mươi triệu⁽¹⁾ con cháu Lạc Hồng chúng ta. Nhưng lấy cái gì, dựa

(1) Thời bấy giờ các cu thường ước tính dân số nước ta đồ chừng ấy.

vào đâu để cái mục đích ấy thành đạt được?

- Chúng ta nhờ nước Nhật tân tiến giúp đỡ.

- Không phải đâu anh San ạ. Vọng ngoại tất vong⁽¹⁾.

- Dù mục đích của bước đường tranh đấu không thành đạt, thì ta cũng phải dấn thân... Sinh vi nam tử yếu hy kỳ, khảng hứa càn khôn tự chuyển di... Giang sơn tử hĩ sinh đồ nhuế, hiền thánh liêu nhiên tưng diệc si..⁽²⁾.

Sau cuộc bàn luận giữa cha và Phan Bội Châu, Côn trần trở nghĩ về những điều đã nghe được...

Nhân lúc trên đường cùng cha đi tiễn Phan Bội Châu, Côn “chiết tự” về mục đích của Hội Duy Tân mà Phan Bội Châu đã nói với cha. Côn viết lên bàn tay chữ “Vương” biến ra chữ “Tam” (王 = 三), chữ “Tây” biến ra chữ “Tứ” (西 = 四). Quan phó bảng Sắc đọc những chữ đó trên tay con, nhưng chưa rõ là ý làm sao, hỏi:

- Con muốn nói gì về cách chiết tự này?

- Dạ thưa cha, con nghe chú giải San nói chuyện với cha về công việc “hội kín”, trong đầu con bỗng lóe lên cái trò chiết tự, với nghĩa của nó là: Rút ruột vua (bỏ nét sổ), tam dân⁽³⁾ bình đẳng.

(1) Trông nhờ vào nước ngoài giúp ắt sẽ thất bại.

(2) Đã sinh ra tiếng làm trai thì phải khắc đời, chẳng lẽ cứ để mặc trời đất xoay vần lời đầu thì lời. Non sông mất rồi, sống thêm nhục, sạch thanh hiền tẻ ngắt, cang đóc càng mù đầu óc...

(3) Tam dân: Dân độc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc. Ý nói: đánh đổ chế độ vua chúa, mọi người bình đẳng.



Chém đầu Tây (bỏ nét đầu), tứ chủng giai huynh⁽¹⁾.

Quan phó bảng Sắc sừng sốt nhìn con. Ông ngáp ngừng giấy lát, hỏi:

- Con có nghe ông giải San bàn việc đi cầu viện người Phù Tang (Nhật Bản) không?

- Dạ con có nghe và con cũng ngẫm nghĩ nhiều cái điều ấy, cha ạ.

- Con thấy sao?

- Mưu phương, tầm kế cứu nước là vô cùng trọng đại. Đó là công việc của những người tài mẫn, của các đấng trượng phu, của người lớn tuổi. Con còn non trẻ, chưa dám nghĩ tới những việc hệ trọng ấy. Nhưng con được nghe lắm những lời bàn của cha, của các bác, các chú, con lại trộm nghĩ: *Ai quốc bất phân nhân, vị bản, anh hùng vô luận thiếu niên do*⁽²⁾. Từ đó, con gẫm về lịch sử của nước nhà, con thấy cậu bé làng Phù Đổng còn đang tuổi nhi đồng mà đã đứng ra gánh vác việc đánh giặc Ân, cứu nước. Trần Quốc Toản đang tuổi thiếu niên, trộm nghe các bậc cha chú họp đại triều bàn việc chống giặc Nguyên, Toản

(1) *Tứ chủng*: Theo quan niệm ngày xưa có bốn màu da: vàng, trắng, đen, đỏ. *Tai Đại hội Đảng lần thứ 3*, Bác nói: "Quan sơn muôn dặm một nhà, bốn phương vô sản đều là anh em". Trong "Nhật ký chìm tàu" (1930), Bác viết: "Rằng đây bốn bể một nhà, vàng đen trắng đỏ đều là anh em". Ý nói: Đánh đuổi giặc Tây (Pháp), mọi người đều là anh em.

(2) *Tam dịch*: Lòng yêu nước không phân biệt người đồ xuất thân là gì; đã có chí anh hùng thì chẳng phải tính đến tuổi nhỏ làm gì.

đã tự mình tập hợp một đạo quân, hợp lực với chư tướng chư quân dưới cờ “Sát Thát” của Hung Đạo Vương. Con chẳng dám sánh mình với những gương trung nghĩa tự ngàn xưa. Mà chỉ nghĩ mình đã biết cầm đũa lửa cơm ăn, cầm bút viết chữ đọc thì con phải suy xét việc mất, còn của nước mình, của dân mình. Cho nên, cái mục đích của hội kín mà chú giải San nói tới, con rất ưng ý. Nhưng lại dựa ngoại viện để cứu nước nhà, và chỗ dựa ấy là nước Phù Tang thì con chưa có đủ sự hiểu biết mà bàn tới, cha ạ.

Trời mưa lất phất. Quan phó bảng Sắc nghiêng cái ô về phía bên trái che mưa cho con. Nhưng Côn sai bước hơi dài, vượt lên trước cha một chút, đầu Côn đội cái khăn vành rế đã không còn ở dưới chiếc ô của cha nữa. Ông Sắc dần bước theo con nói bằng một giọng thân mật:

- Hôm nay hai cha con mình đi tiễn ông giải San lên đường tính việc Đông du. Sự suy nghĩ của con cũng giống sự suy nghĩ của cha về công cuộc cứu nước cứu dân của ông giải San. - Ông ngập ngừng giây lát - Người xoay chuyển được cuộc thế có lẽ... lớp các con chứ lớp ông nghè, ông cử như cha không gánh nổi đâu. Âu đành... *Mặc khách tâm mình Chung sơn thạch, bất bình sự phó Cả giang lưu*⁽¹⁾.

Hai cha con quan phó bảng Sắc thở dài, lặng lẽ bước trên con đường mưa bụi.

(1) Đại ý: Tấm lòng trong sáng của kẻ văn nhân xin gửi núi Chung, sự bất bình đành thả theo dòng sông Cả chảy

*

* *

Từ Đan Nhiễm (quê Phan Bội Châu) ra đường cái quan rợp bóng tre làng. Những giọt mưa bụi đọng trên ngọn cây rơi lộp độp xuống ô quan phó bằng Sắc, ô ông giải San. Côn đi dưới bóng ô của thầy Vương Thúc Quý. Nghe tiếng giọt nước cành cây điểm xuống ô, Côn thầm cảm một âm thanh của thời khắc buổi tiền đưa.

Con đường cái quan từ thị trấn Sa Nam xuống thành Vinh như ngăn lại. Hòn núi Độc Lôi sừng sững bên đường đơm vè trầm tư và như đứng chào. Làn gió luôn theo núi quét nhẹ nhẹ lên hàng cây ven sông, xòa ngọn xuống cầu Hữu Biệt. Phan Bội Châu dừng chân bên núi. Chiếc ô trên tay ông nặng trĩu những giọt mưa rơi và lão đảo trước ngọn gió lồng. Giọng ông hơi nghẹn ngào:

- Chư huynh (các anh) đi với tôi một đoạn đường đã khá dài. Đây là cầu Hữu Biệt, chúng ta tạm biệt tại đây. Và núi Độc Lôi chứng giám cho tình bằng hữu của chúng ta...

Ông cầm lấy bàn tay Côn, nói:

- Cháu ơi! Hậu sinh khả úy⁽¹⁾. Chú tin cháu sẽ là:

*Chim bằng tung cánh xuyên trời thẳm,
Thủ sức đại dương thuở cá còn.*

Chú cảm ơn cháu đã tiễn đưa chú. Chú hy vọng sẽ được gặp cháu trên con đường vì nghĩa lớn...

(1) Lốp người sinh sau thật đang sợ (ý nói: Lốp trẻ có thể làm được việc lớn chưa thể lường trước được)

Còn hơi bồi rồi:

- Cháu... Cháu cảm ơn chú đã trao gửi cho cháu những tình cảm và niềm tin cao cả ấy. Cháu rất thích bài thơ “Chơi xuân” của chú mà mê nhất là hai câu:

*Nước non Hồng Lạc còn đây mãi,
Mặt mũi anh hùng há chịu ri⁽¹⁾*

Phan Bội Châu ôm choàng Nguyễn Sinh Côn, chiếc ô chao qua chao lại trên vai, giọt mưa chảy dài xuống áo hai chú cháu.

Quan phó bảng Nguyễn Sinh Sắc sập ô xuống, cùng cử nhân Vương Thúc Quý đứng sát bên Phan Bội Châu. Phó bảng Sắc lấy từ trong túi áo một tờ giấy quyền, mở ra dưới bóng ô của Vương Thúc Quý, nói:

- Anh cử Quý và tôi có cảm tác mấy hàng, xin tặng anh lúc thượng lộ. Tôi xin đọc:

*Độc Lôi sơn hạ
Hữu Biệt kiều tây
Phong vi vi hề chấp quân quyết
Vũ tế tế hề dữ quân biệt⁽²⁾*

Mọi người đều sập ô xuống, chấp tay trước ngực, đầu cúi dưới làn mưa.

Tiếng gió hú trên núi. Mọi người dăm dăm nhìn theo bóng Phan Bội Châu đang rào bước trên con đường mịt mù mưa gió.

(1) Ri: Thế này

(2) Tam dịch: Dưới sườn núi Độc Lôi

Me tây cầu Hữu Biệt (thuộc xã Nam Giang)

Giò liu liu thổi, bìn rìn cầm tay ao anh

Mưa bay lất phất cùng anh tiễn biệt